



tuổi thơ *Khát vọng*

Vũ Đức Nguyên



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Tuổi Thơ Khát Vọng

Vũ Đức Nguyên

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[LỜI MỞ ĐẦU](#)

[PHẦN MỘT Độ sức với tử thần](#)

[PHẦN HAI Nàng tiên trên cung Quảng và con chó vàng](#)

[PHẦN BA Cuộc hành quân trong bờ](#)

[PHẦN BỐN Phố Dốc Trầu](#)

[PHẦN NĂM Thăng xẩm và chú bé què, cậu bé câm với cô bé điếc](#)

[LỜI CUỐI SÁCH](#)

LỜI MỞ ĐẦU

Vũ Đức Nguyên với “Tuổi thơ khát vọng”

Sau lần xuất bản thứ nhất truyện “Tuổi thơ khát vọng”, cuốn sách mà tác giả viết tặng các em nhỏ bị tật nguyền, Vũ Đức Nguyên gửi một phần tiền nhuận bút tặng trường câm điếc Xã Đàn - Hà Nội. Buổi gặp mặt giữa tác giả cuốn sách với các em nhỏ ở đây diễn ra thật xúc động.

Tham dự buổi họp mặt hôm ấy có đại diện nhiều cơ quan, đoàn thể, có nhiều bài phát biểu nhiệt thành. Các em nhỏ ngoan ngoãn, chăm chú lắng nghe, hân hoan vỗ tay nhưng qua ánh mắt các em ta thấy, ở các em chưa xuất hiện những cảm xúc đặc biệt.

Nhưng khi nhận ra người được giới thiệu là nhà văn Vũ Đức Nguyên đang tập tễnh bước tới, các em ủa lại, vây quanh, có em vén hẳn cả hai ống quần nhà văn lên để tận mắt, tận tay thấy được đôi chân khẳng khiu, bên cao bên thấp, một bàn chân hơi veo, di chứng của căn bệnh bại liệt đeo đẳng anh suốt đời. Các em líu ríu, cố diễn đạt bằng lời, bằng ngôn ngữ tay đặc biệt của những người chưa nói được trọn lời và ánh mắt... những ánh mắt rung rung. Hóa ra, dù bị tật nguyền từ bé cũng có người thành được nhà văn. Đây là nhà văn! Tác giả những tập sách mà các em đã được thấy từ mấy hôm trước. “... Đứa vừa cầm vừa điếc cầm nắm xôi đi trước, đứa điếc công đứa què, dắt đứa mù lệch thếch theo sau. Chúng líu ríu bên nhau, chia sẻ với nhau miếng xôi, mẩu sắn. Chúng khuyên nhủ, thúc ép đứa què, người duy nhất trong nhóm còn khả năng học được phải đi học, rồi thay nhau công, dìu bạn đến trường...” Gấp tập sách *Tuổi thơ khát vọng* lại, những hình ảnh trên cứ chập chờn trước mắt người đọc. Ta hồi hộp rồi sung sướng thấy cảnh cửa cắt những tấm gỗ mục làm áo quan cho Vững đã chấm dứt, chú bé đã vùng ra được khỏi tay thần chết. Ta lại chia sẻ niềm vui với Vững khi chú kéo quệt chân khó nhọc bước được những bước đầu tiên sau hơn một năm nằm liệt giường. Tình bạn với cô bé hàng xóm, với những trẻ tật nguyền khác đã giúp Vững vượt lên trên cảnh đời không may và nhiều mất mát của mình. Ta xúc động đọc từ trang này đến trang khác bởi những cảnh trong truyện là những cảnh đời rất thật, vẫn xảy ra đâu đó quanh ta, bởi lời văn mộc mạc của lối tự truyện.

Vậy đây là tự truyện của tác giả chăng? Cuộc đời của một đứa bé tàn tật có nhiều cay đắng ê chề, liệu viết ra có ích gì cho người đọc và người đọc có chấp nhận không? Và, trong cảnh đời ấy, có những sự thật mà chỉ chợt nghĩ đến cổ họng đã nghẹn lại, nước mắt trào ra không sao hạ bút xuống được. đã trăn trở rất nhiều và viết tác phẩm này rất lâu trong khi anh thường hoàn thành những tiểu thuyết dày trang với thời gian không nhiều.

Những người viết tự truyện thường cố ý mượn trang sách để thanh minh điều gì đó trong đời mình hoặc nêu cao những bài học về đạo lý, trung thực và khiêm tốn, hạn chế mình chỉ phản ánh niềm khao khát được sống làm người, một người bình thường, một người nuôi nổi mình bằng chính bàn tay mình, niềm khát vọng ấy da diết nhưng cũng là lẽ thường của một chú bé tàn tật và những người bạn tật nguyền khác của chú.

Vì những lẽ trên, dù tác phẩm mang dấu ấn nhiều kỷ niệm của đời tác giả, nó vẫn là một sáng tác văn học hấp dẫn của một ngòi bút trung thực, khiêm tốn và đầy tính trách nhiệm.

Cũng như chú bé Vững, còn hơn chú bé Vững, Vũ Đức Nguyên đã hai lần hất bật được tay thần chết. Lần trước, là khi nhỏ tuổi, do căn bệnh hiểm nghèo, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn thiếu thuốc, thiếu đủ thứ trong tình trạng xã hội lạc hậu. Lần sau, khi đã ở tuổi trưởng thành nhưng vì tàn tật nên nhiều trường không muốn nhận học, không một cơ quan nào chịu nhận cho vào làm việc. Khát vọng sống, sống và làm việc đã giúp anh vượt qua. viết văn để giải bày tâm sự như một nhu cầu sống. Tâm tĩnh - tuệ sáng (lòng yên tĩnh thì trí sáng suốt) một nguyên lý của tư tưởng triết học phương Đông cao cả, với Vũ Đức Nguyên là một minh chứng. Anh bền bỉ vượt qua mọi bất hạnh, mọi sự đố kỵ của người đời, luôn giữ cho tâm mình trong sáng, không xao động, chính vì vậy mà ở anh sức sáng tạo phát triển mạnh mẽ, chỉ trong khoảng mười năm anh đã cho ra đời bộ tiểu thuyết dày: *Hòa dứa nước*, *Chuyện làng Khê*, *Cái*

đêm ấy trên sông, Đời không yên ả, Trinh nữ, Con sóng bạc đầu, Lữ thì và nhiều những trang sách khác.

Viết những dòng này, chỉ với tư cách là bạn cầm bút sống gần với Vũ Đức Nguyên, tôi chân thành chia sẻ những cảm nghĩ của mình với các bạn đọc nhỏ tuổi.

Nguyễn Văn Hoan

*Tôi viết cuốn sách này là để tưởng nhớ hương hồn ông ngoại, và tặng con trai tôi, cùng các em
nhỏ tàn tật yêu thương.*

Vũ Đức Nguyên

PHẦN MỘT

Đọ sức với tử thần

Không hiểu sao bỗng tôi tỉnh táo hẳn. Nhận biết mọi vật xung quanh rất rõ rệt. Tôi lấy làm ngạc nhiên vì sao trong nhà lại có đông người đến vậy. Ông ngoại ngồi xếp bằng tròn thu lu trên phản, sáng giọng:

- Từ nãy đến giờ đã có đĩa nào sắc nước trúc lịch cho nó uống chưa?

Mẹ tôi từ ngoài hiên bước vào, miệng lầu bầu gì đó, quần quanh trong nhà một tý rồi lại bước ra ngoài sân đến chỗ mấy người mà tôi chỉ nhìn thấy loáng thoáng, đương cửa mấy miếng gỗ, nện búa kỳ cạch.

Ông ngoại gắt lên:

- Ô hay... Mẹ thầy Thành lạ nhỉ! Thầy đã bảo là phải sắc nước trúc lịch cho nó uống thì mới hạ đờm thở hắt ra được chứ.

Sao tôi lại phải uống nước trúc lịch để thở hắt ra nhỉ? Và nước trúc lịch là thứ gì? Có giống nước thuốc bắc sắc trong ấm đất chắt ra từng bát mà tôi vẫn uống không?

- Đến khổ! Nó hành hạ người ta ròng rã hàng năm trời rồi còn gì...

Tôi nghe rõ tiếng mẹ nói nhăm nhắng ở chỗ mấy người đang đóng “áo quan” vọng vào. Mấy người này cần nhần về những miếng gỗ đầu thừa đuôi thẹo mục mủn hết cả. Chắc mẹ tôi nhặt nhanh ở đâu đó hoặc xin nhà hàng xóm. Rồi bà nói với họ:

- Thôi các bác ạ. Nhà có gì đóng nấy. Nó còn là trẻ con, đóng cái hòm bằng gỗ nào chả được, cốt cho kín. Chứ các bác cứ... - rồi bà oà khóc. - Rõ khốn khổ cho cái thân tôi!

Tôi có cảm giác ớn lạnh suốt dọc sống lưng. Ô kìa... sao lại đóng quan tài chôn tôi xuống đất?... Tôi mắc tội gì?... Tôi mắc tội gì mà đem chôn sống tôi?

Cha mẹ ơi, sao tôi lại không biết người chết chôn xuống đất là như thế nào. Tôi đã từng đi xem rất nhiều đám ma, tôi đã từng nhìn thấy những người đói lả ra chết. Giờ tôi vẫn còn nhớ như in hồi bà ngoại qua đời. Lúc liệm bà ngoại vào quan tài, lũ cháu chắt lau nhau chúng tôi được vào tận nơi nhìn mặt bà lần cuối cùng.

Tôi không thể nào quên được cái cảm giác lúc đó. Tôi không nhận ra được mặt bà ngoại nữa. Bà ngoại khi còn sống mặt nom khác cơ.

Bà không ưa ba anh em chúng tôi. Vì lý do gì thì tôi chẳng biết. Song anh em tôi mỗi khi về quê ngoại là đều quần lấy ông bà, thích thú và vui sướng. Vậy mà bà nằm bất động trên phản, top đi như thân cây cằn cỗi khô mố, cong queo. Bà ngoại hoàn toàn thành người khác rồi. Thành thử tôi thấy rờn rợn. Sinh khí trong con người bà siêu thoát chỉ còn để lại một cái xác không, vô hồn, chẳng còn nổi nóng cáu gắt mỗi khi chúng tôi nô đùa nghịch ngợm nữa. Vậy mà tôi lại sợ. Sợ đến run cả người. Lũ cháu chắt đĩa nào cũng lấy bẫy vào ngó bà ngoại rồi ù té chạy ra bám vào người lớn.

Trống ngực đập thành thịch. Giờ tôi cũng giống như thế ư?

Cổ tôi đang bị mắc một cái gì đó ở trong ấy nên khó thở quá.

Tôi gắng lấy hết sức mình. Vẫn chỉ thấy tiếng khò khè, khò khè.

Bất lực, tôi đành nằm ì ra, nước mắt giàn giụa vì tủi thân. Rồi tôi lại lịm dần đi, thêm thiếp mơ màng.

Có ai đó đưa thìa cay miệng tôi mở ra, chiêu mấy cùi thìa nước cay cay. Cứ thế, đến vài ba lần. Tôi chẳng hay biết gì, nhưng do bản năng mà vẫn cố nuốt từng ngụm nước cay cay một

cách khó nhọc. Quả nhiên, đám đờm tắc nghẽn ở cổ họng bị thứ nước âm ỉ cay cay kia làm tan ra, rồi tuột xuống dạ dày. Vậy là tôi thở được liền. Tôi hít lấy hít để không khí vào lồng ngực. Bầu không khí như có phép lạ, như liều thuốc tiên, chui vào buồng phổi trong ngực tôi, vực sự sống đang hấp hối như đám lửa tàn sáng bừng lên. Để rồi tôi dần dần tỉnh táo lại.

Ông ngoại đương bước lại giường tôi nằm kia kìa. Tôi giương tròn đôi mắt nhìn ông. Ông ngoại không nói gì, lặng lẽ sờ vào cổ tay tôi xem mạch, bẹo bẹo vào bàn chân rồi lên hai cổ chân. Tôi không thấy có cảm giác gì, như chưa hề có ai bẹo cấu vào chân mình, nằm ỉ ra hết cái xác không hồn, không sự sống.

Lúc quay trở ra cái phản mà ông ngoại vẫn ngồi, ông nói khe khẽ, như nói với chính mình, cho một mình nghe:

- Chết từ chân lên rồi...

Ông ngoại ngồi xuống phản, co chân lên xếp bằng tròn như cũ. Rồi ông kéo cái điều bát lại gần chỗ mình, mời thuốc, châm lửa hút. Cái điều bát rít lên sòng sọc một tràng dài danh tiếng. Nhả khói ra, ông lại ngồi im lặng, giống như pho tượng trong đền mà tôi đã nhìn thấy trong dịp đi hội Phủ Giầy. Tôi bắt đầu chết rồi hay sao? Chết từ chân lên rồi! Nghe ông ngoại nói thế, tôi bèn thử co hai chân lại xem sao. Không tài nào nhúc nhích cử động được.

Hay là ngộ nguậy mấy ngón chân vậy. Cũng vẫn cứng đờ ra. Tôi chẳng hề thấy bất kỳ một thứ cảm giác nào từ hai bàn chân truyền lên cả. Chao ôi... khủng khiếp biết chừng nào! Tôi đang chết. Chết thật. Giống như bà ngoại mất rồi. Tôi bắt đầu đi vào cõi chết từ hai bàn chân thực rồi. Và lúc này, không hiểu sao tôi lại tỉnh táo đến vậy. Mọi việc xảy ra quanh mình ở trong cái nhà này, tôi đều nhận biết và phân biệt được một cách rõ rệt. Trí nhớ vụt lóe sáng khơi dậy tiềm thức trong tôi hiện ra trước mắt những gì mà trí khôn của một đứa trẻ lên tám chín tuổi ghi nhận được từ bấy lâu nay, cái lò mờ phảng phất, cái đậm nét rõ ràng. Sự sống còn lại chút nào trong người tôi chột bùng lên trong giây phút cuối cùng để rồi tắt ngấm chẳng?

Hắn trời đã tối lắm rồi nên ánh sáng từ chiếc đèn hoa kỳ tỏa ra tù mù giống như ánh sáng phát ra từ bụng con đom đóm bay giữa ao bèo.

Trong nhà bỗng ồn ào. Tôi cố ngoái đầu nhìn ra. Anh Thành và thằng Bền vào trong làng Hệ Dưỡng vừa về đang rớt rít khoe ông ngoại gói xôi của nhà cô Thắm gửi biếu. Chắc nhà cô Thắm đồ xôi thả hương vào ngày mồng Một đầu tháng đây. Gia đình tôi thường qua lại nhà cô vì cô là cán bộ đoàn thể của xã. Cha tôi làm cán bộ kháng chiến hoạt động ở vùng này nên mới đưa mẹ con tôi từ quê ngoại tản cư vào đây.

Nghe nói có xôi, tự dưng tôi thấy đói và thèm ăn đến thế. Rõ ràng gần một năm trời ốm đau tôi không hề muốn ăn một thứ gì.

Mỗi ngày chỉ cố nuốt mấy thìa nước cháo. Có lẽ sự sống kéo dài được như vậy chắc chắn là nhờ thuốc bắc. Tôi uống liên tục như uống nước vối. Giờ bỗng tôi lại thấy đói có kỳ không? Tôi gắng sức vươn cánh tay gầy guộc hết hai đoạn nửa tép nối với nhau chơi vơi trong không gian, xòe năm ngón tay xương xẩu ra xin:

- Anh Thành ơi... cho em ăn xôi với!

Mẹ tôi ở ngoài sân bước vào nghe thấy vậy, liền gắt:

- Sắp chết mà vẫn còn đòi ăn à?

Như chạm phải lửa, tôi co giật cánh tay gầy guộc đang chơi vơi của mình vào, rã rời tự nó rơi bộp xuống giường. Trái tim tôi như có sợi dây thắt chặt lại, nhói đau, tủi hờn. Tôi quay mặt vào bức vách, mặc kệ cho nước mắt ứa ra giàn giụa.

Chợt có tiếng ông ngoại quát:

- Mẹ thằng Thành nói với con như vậy hả?

Rồi ông dịu giọng:

- Cháu Thành của ông đầu rồi nào?
- Dạ cháu ở đây... - anh Thành từ ngoài hiên bước vào.
- Cháu đem xôi vào cho em Vũng ăn đi.
- Eo! Em Vũng sắp chết rồi ông ạ.
- Thì cháu cứ đem vào cho em nó ăn với, kéo tội.
- Ừ...

Thành đứng tần ngần. Từ bé anh ấy vốn đã có tính ăn tham.

Mẹ tôi vẫn thường nhắc lại chuyện hồi anh Thành mới lên bốn.

Một hôm ăn cơm, mâm cơm chỉ có một đĩa con thịt rang. Bố tôi thò đũa gắp một miếng. Thành nhìn thấy òa lên khóc liền, miệng gào thét lên:

- “Giả thịt con đây, giả thịt con đây!...”
 - Mang vào cho em ăn đi chứ! - Ông ngoại lại giục.
- Anh Thành vẫn cứ đứng tần ngần. Thằng Bền thấy thế liền chạy vào giơ nắm xôi trước mặt:
- Ông ơi! Cháu cho anh Vũng nắm xôi của cháu nhé.

Vậy là anh Thành được gỡ bí, nhảy tót ra ngoài hiên. Nói rồi thằng Bền chạy lon ton tới bên giường tôi. Nó mới hơn năm tuổi nên chưa thể biết chuyện tôi đang chết dần từ chân lên sẽ ra làm sao. Bởi thế nó đâu có sợ. Nó lay người tôi, miệng reo to:

- Anh Vũng ơi, dậy ăn xôi này...

Thằng Bền dúi vào tay tôi nắm xôi. Tôi không thể nào cự quây để nhắc mình ngồi lên được. Hai chân tôi lúc này như đôi ống giang, cứng đờ, nặng trĩu, không chút cảm giác. Tôi nằm ngửa và nhét từng dúm xôi vào miệng, nhai ngấu nghiến đến ngon lành.

Thằng Bền ngó gần sát xem tôi ăn xôi một lúc rồi chạy ra ngoài hiên khoe:

- Mẹ ơi!... Anh Vũng ăn xôi ngon lắm!

Mẹ tôi đang mài giần gạo, không rõ nói với nó hay nói với ai:

- Chắc ăn giả bữa rồi chết thôi.

Tôi mãi ăn nên không bận lòng đến những lời nói đó. Xôi ngon thật. Tôi chưa bao giờ thấy thòm thèm như lúc này.

Ông ngoại vẫn ngồi xếp bằng tròn thu lu trên phản. Ánh đèn dầu lù mù nên nhìn ông như một cái bóng đen sẫm, lù lù.

No bụng, trong người tôi cảm thấy dễ chịu lạ thường. Thằng Bền lại vào leo lên giường, ngồi với tôi. Đến khi mẹ tôi trông thấy, bà quát luôn:

- Bền! Có ra ngoài đi không? Mày muốn lây bệnh chết theo nó à?

Giật mình, thằng Bền ngó lại vào mặt tôi, tò mò, khó hiểu. Tôi vẫn nằm im trước mặt nó đây. Tôi là anh nó, vẫn thường cõng nó đi chơi dạo nào. Vậy mà ngồi với tôi sẽ lây bệnh chết theo. Người ta sẽ mang ra chôn ở ngoài bãi tha ma. Ma là gì nhỉ? Thằng Bền nào có biết. Nhưng mỗi khi người ta dữ ma là nó sợ. Nó hình dung ma là con vật quái dị và độc ác lắm. Hẳn vì thế mà hễ trẻ con hồn quấy là các bà mẹ, bà chị ẵm trẻ con đều lấy ma ra để dọa.

Như vậy thì anh Vũng của nó sẽ thành ma. Ai chết mà chả hóa ra ma. Thế thì khiếp quá! Nghĩ sao đó bỗng nó nhìn tôi chăm chăm, lùi dít ra mép giường, tụt xuống. Vẫn không rời mắt nhìn tôi, đi giật lùi. Như gặp quái vật, đứa trẻ vừa nhìn thẳng sợ hãi đón chờ tai họa, vừa lùi bước tìm đường thoát thân. Gần đến cửa, nó ù té quay ra ôm chầm lấy mẹ tôi, hoảng hốt và kinh hãi.

Tôi vẫn cứ nằm ngửa, duỗi thẳng hai chân cứng nhắc, giá lạnh không còn thấy cảm giác gì

nữa, nhìn lên mái nhà tối om.

Không rõ giấc ngủ kéo đến hay là tôi lại thiếp lịm đi, hay là đích thị Tử Thần đã hiện ra lần dần từng bước. Khi đã cướp xong đôi chân, liền bắt đầu nuốt tới phần thân xác tôi vào miệng Cái Chết.

Toàn thân tôi chợt nhẹ bẫng. Tôi có cảm giác như mình đang bồng bênh trôi nổi chơi vui giữa khoảng không. Tôi chết thật đến nơi rồi.

Tiếng búa đóng đinh ghép quan tài càn cạch ở ngoài sân vọng vào như tiếng mõ ngoài chùa, mờ tỏ, huyền hoặc, xa xôi, hư ảo. Tôi nào có hay biết gì đâu. Thân xác hay linh hồn tôi bay bổng, lượn lờ. Ngọn đèn dầu để giữa phản nơi ông ngoại đang ngồi, ai đó hay chính ông ngoại đã vặn nhỏ lại, đốm lửa bé bằng hạt đỗ xanh tỏa thứ ánh sáng lơ mờ nhợt nhạt, khiến cho không gian trong nhà nhập nhoạng, tối tăm.

Ngoài trời, gió ào ào về từng đợt từng đợt, đập vào vách núi Ngang, lật những tấm gianh lợp trên mái nhà chốc chốc lại loạt xoạt.

Đêm.

Cả vùng núi đá vôi chìm vào đêm tối, tĩnh mịch, thăm sâu, hoang dã, chứa chất bao điều bí ẩn. Đúng như trong các truyện cổ tích mà lũ trẻ con chúng tôi vẫn thường nghe ông ngoại kể vào những buổi tối có trăng trong những dịp hè về thăm quê hàng năm.

Tôi đang trong giây phút “ra đi” về nơi thiên cổ nên không thấy có một ai vào với tôi nữa. Mọi người đều đã lên giường đi ngủ cả rồi. Chỉ có mình ông ngoại là vẫn còn thức, cứ ngồi thu lu trên phản như cái cây già cỗi ử rữ chờ ngày tàn lụi hẳn. Ông ngoại đã ngoài sáu mươi tuổi rồi. Vóc người vốn nhỏ nhắn, về già càng top đi, gân guốc và khắc khổ. Vốn là một nhà nho hay chữ trong làng nên có đọc một số sách thuốc. Ông không làm thầy lang kiếm tiền, nhưng bà con họ hàng hay láng giềng có người nào đau ốm đến nhờ cậy, ông sẵn lòng đến thăm con bệnh, bắt mạch kê đơn cho họ đi cắt thuốc. Hẳn lúc này, trước tính mạng đứa cháu ngoại mà phải chịu bó tay buông cho Tử Thần cướp nó đi thì lòng ông đau đớn lắm.

Ông ngoại vẫn cứ ngồi lặng thầm suy tư trong bóng tối. Là người có đông con, lắm cháu. Nhưng trong thâm tâm, ông ngoại dành tình yêu thương cho người con gái thứ năm này. Bởi trong số những đứa con kể từ các con vợ cả đến các con vợ ba, nó là người chất phác thật thà. Năm nó mười tám tuổi, ông cho con gái đi lấy chồng. Chàng rể quê ở mãi ngoài tỉnh Hà Đông. Nhà nghèo phải đi kiếm sống từ thuở mười lăm, mười sáu. Ông thuận ưng, thậm chí còn giấu vợ cùng các con mình, giúi tiền cho chàng rể tương lai lo đồ sính lễ. Ơn trời nó là một trong những chàng rể tốt nhất trong số các con rể của ông, lại là người lanh lợi, có chí tiến thủ nên ăn ở trong họ ngoài làng ai ai cũng yêu thương quý mến.

Ông những mừng. Tuy nhiên cũng phải nói thật, hồi vợ ông còn sống, bà ấy thương con gái theo cái kiểu đàn bà nhà quê, mắt chưa bao giờ nhìn vượt khỏi cái bờ dậu cúc tần nhà mình. Thấy cây mà chẳng thấy rừng. Chỉ ham cho con vào những nhà có cửa. Nên bà ấy chê thằng chồng nó nghèo, đối xử có phần tệ bạc với con. Giờ con rể ông theo cách mạng, làm cán bộ thoát ly hoạt động cho kháng chiến. Con gái ông ở nhà một nách ba đứa con mọn. Ông không lưu tâm chăm nom con cháu sao được. Hơn nữa, ba đứa cháu ngoại này đều được sinh ra và lớn lên trên quê mẹ nó nên ông biết rõ từng đứa. Bởi vậy, khi nghe tin thằng Vững ốm, tuy người đang mệt, ông vẫn bắt thằng Tùng với con Thảo (là những người con còn đang sống với ông) vống vào thăm bệnh cho cháu.

Nó là đứa khôi ngô linh lợi nhất trong ba thằng cháu ngoại này.

Giờ ông đành chịu bó tay... Như thế có nghĩa là bất lực đứng nhìn thằng cháu chết. Nó mà chết thật thì chắc chắn, ông sẽ buồn lòng rồi không khéo chết theo cháu cũng nên. Ông ngoại vẫn còn ngồi lặng người như chìm vào bóng tối, suy ngẫm một mình. Ông những giận con gái. Ừ thì cái chuyện con cái nó ốm đau rờn rã một năm trời, chạy chữa thuốc men mất đứt đi mấy lưạ lợn thật. Thời buổi chiến tranh loạn lạc làm ăn kiếm ra đồng bạc nào có dễ, lại còn phải chăm sóc đứa trẻ đau ốm, hờn quấy cũng vất vả mà vẫn không cứu chữa nổi, ai chả xót thương.

Nhiều khi câu bần. Chẳng những thế, nó lại là đứa con nuôi. Con nuôi nhưng lại còn hơn con đẻ. Bởi bố mẹ nó đều đi làm cách mạng, sinh con trong nhà tù. Ngày Việt Minh cướp chính quyền đã kịp thời chiếm ngay nhà giam, giải thoát được hai mẹ con. Nhưng chẳng bao lâu thì người mẹ qua đời bởi kiệt sức. Bố thằng bé thì bị giặc đầy đi Côn Đảo không biết sống chết ra sao. Là bạn cùng hoạt động, con rể ông đã nhận đứa bé về, thuyết phục vợ nuôi. Ấu cũng là cái số kiếp nó vào nhờ cậy cửa nhà mình. Chẳng lộc của thì cũng lộc con trời cho. Quả nhiên con gái ông đẻ sòn sòn, toàn con trai cả.

Thằng Vững lớn lên sống hòa mình với lũ cháu ông, không một ai trong nhà được phép cho nó biết sự thật. Và rồi “bố mẹ” cũng như chú bác, cậu dì không hề bận tâm tới tông tích nó nữa, coi nó đích thị là con đẻ, cháu ruột của mình. Vậy đã thương thì thương cho trót. Đàng này... Giờ nó sắp chết rồi. Đạo lý của người làm cha làm mẹ sống ở đời sao lại nỡ nói năng cay nghiệt với con cái thế? Mà nào nó có làm nên tội tình gì. Nay ông trời bắt nó “đi” về với bố mẹ nó nơi “chín suối”, đành phải cắn răng chịu đựng chứ biết làm sao.

Ngẫm ngợi gì đấy, chợt ông lắc đầu lẩm bẩm một mình: “Nó cạn nghĩ như mẹ nó ngày xưa vậy. Thương chồng thương con nhưng thiếu cận và xốc nổi quá!”

Đêm chuyển dần về sáng. ở vùng núi, mùa hè cũng vậy, đêm bao giờ cũng lạnh lạnh. Thức mãi chắc là mệt mỏi lắm rồi. Ông ngoại vặn ngọn đèn dầu cho đốm lửa đều bấc to lên, ánh sáng bừng thêm một chút. Ông khẽ lần bước đến giường tôi nằm, đưa tay lên sờ nắn khắp người thằng cháu bé bỏng đã bén sâu vào lòng yêu thương của ông. “Không lẽ nó lại chết ư?” Thoảng trong đầu ông câu hỏi. Ông đứng lặng yên nhìn tôi hồi lâu. Không nói gì. Rồi ông lặng lẽ quay ra, thu dọn chiếu bát, ấm tích và đĩa chén, lấy cái gối mây đặt xuống phản ngả lưng nằm.

Ngọn đèn dầu lặn vào bóng đêm bởi đốm lửa ở đầu bấc chỉ còn bé tí nhờ nhờ xanh xanh như ánh lân tinh ngoài bãi tha ma.

Chỉ có gió là không ngủ, vẫn thức đập vào chái hồi, đập vào vách núi hun hút, loạt xoạt.

Rõ ràng là tôi không chết nên mọi sự việc đều được lưu giữ trong trí nhớ. Sự sống trong con người tôi chỉ còn thoi thóp ở trái tim bé nhỏ, yếu đuối. Thỉnh thoảng nó mới gằng gỗi một nhịp đến là khó khăn, cố sức đẩy chút máu có trong cơ thể lên nuôi bộ óc. Để tôi có thể sống trong một giấc mơ kỳ lạ và khó hiểu. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hay biết một tí gì về sự thật con người tôi. Mới tám chín tuổi đầu, tâm hồn còn thơ trẻ nên tôi không hề bận tâm về bất cứ một sự bí ẩn nào. Tôi đinh ninh mình được sống trong gia đình với bố mẹ và anh em ấm êm, hòa thuận như bất kỳ một đứa trẻ nào. Đến tuổi học hành được cấp sách đến trường.

Gia đình tôi vốn làm ăn sinh sống ở thị xã Ninh Bình. Sau mấy lần chạy tản cư loanh quanh, luẩn quẩn. Gồng gánh chạy ra vùng Thượng Đồng, rồi lại bồng bế nhau đi vào thị trấn Cầu Cừ tỉnh Thanh Hóa. Ở đó không được bao lâu lại trở ra làng Bộ Đầu giáp cầu Yên là quê mẹ tôi. Mẹ tôi thôi không bán thuốc Lào mà chuyển sang mở hàng xén bán ở phố ga Cầu Yên. Phố ga khá đông vui, chạy từ mố cầu phía nam vào tới khu nhà ga hỏa xa, phải tới hơn cây số. Bên kia đường sắt là cánh đồng chiêm bao bọc lấy làng Đông Trang. Bên này đường nhựa là nhà cửa, phố xá với đủ các hàng quán, cửa hiệu, đằng sau liền với làng Bộ Đầu. Ông ngoại tôi cũng có một ngôi nhà ngói hai gian ở mặt phố.

Giặc Pháp chiếm đóng dưới Phát Diệm, xây chốt ở núi Sâu, thỉnh thoảng lại đi càn quét quanh vùng, cướp bóc của cải, gạo thóc, trâu bò gà lợn và phá phong trào du kích, hoặc câu đại bác lên vùng ven thị xã Ninh Bình. Mà quê ngoại tôi cách thị xã có năm sáu cây số là cùng. Nếu tính theo đường chim bay thì còn gần hơn nhiều. Thành thử lắm khi đạn lạc xuống. Đã có mấy nhà ở dãy phố Cầu Yên trúng đạn rồi. Mẹ tôi mới đành đưa gia đình vào ở núi Ngang thuộc xứ đạo Hệ Dưỡng để tránh bom đạn. Cũng có nhiều gia đình ở phố Cầu Yên chạy vào. Đông vui và thành xóm Núi Ngang. Xóm Núi Ngang nhà nào cũng dựng một đầu hồi nhà áp sát vách núi để tiện khi tàu bay Pháp có đến oanh tạc thì chạy vào hang ẩn nấp cho nhanh. Đầu hồi kia chĩa ra phía cánh đồng chiêm trũng.

Những đứa trẻ lớn bằng tôi trở lên đều đi học. Vào học tận trong làng Hệ Dưỡng ấy. Lớp học mở ở chùa của dân bên “đời” dựng dưới chân núi giáp làng. Từ ngôi chùa đến nhà thờ xứ đạo

cũng rất gần.

Thầy giáo dạy tôi là một ông y tá đã ngoài bốn mươi tuổi, tên là Kỳ. Không rõ vì lý do gì mà ông bỏ nhà thương trên thị xã Ninh Bình về làng sống với vợ con. Đoàn thể mời ông ra dạy đám trẻ con học chữ.

Tôi là đứa học trò chăm chỉ và cũng sáng dạ nên được thầy giáo yêu mến. Một hôm vào nhà ông chơi, thấy có nhiều sách xếp đứng thành từng hàng để trong tủ, tôi bèn hỏi:

- Bẩm thầy... thầy có các quyển sách gì để trong tủ kia ạ?

Ông giáo Kỳ tròn mắt nhìn tôi. Có lẽ vì ngạc nhiên lắm, bởi đám học trò ông dạy đều là những đứa trẻ tinh nghịch, mải nô đùa hơn là phải ngồi làm tính, viết tập thật nắn nót từng chữ, từng dòng, càng ngại viết ám tả và rất sợ làm tập làm văn, chứ đừng nói gì đến chuyện buộc chúng nó ngồi một chỗ đọc sách.

Tôi run lấy bầy, khoanh hai tay trước ngực đứng thẳng người y như một đứa học trò đứng chịu lỗi trước mặt thầy giáo. Bởi tôi ngỡ ông phạt lòng, khó chịu vì sự tò mò của tôi. Đến khi những nét nhăn trên mặt ông Kỳ dần ra, ánh mắt dịu đi, nheo nheo như cười, tôi mới hoàn hồn. Ông Kỳ hào hứng:

- Toàn sách truyện cả đấy, con ạ! Con có muốn đọc truyện không?

- Bẩm thầy... có ạ!

Ông Kỳ lấy làm thích thú bởi ít có người mượn sách của ông để đọc. Dân quê, dường như cả làng chỉ có vài ba người biết chữ quốc ngữ là cùng. Còn đám quan viên, hào lý trong làng chỉ biết đọc có mỗi chữ Nho thôi. Nhưng cái thứ Hán tự này xem ra học cũng khó vào nên có người đọc viết được, có người chỉ đọc được thôi, hiểu nghĩa lơ mơ lắm. Ông lần trong túi áo lấy ra chùm chìa khóa, chọn chìa rồi mở tủ. Nom ông đứng nghiêng nghiêng cái đầu ngó nhìn khắp lượt các hàng sách, đến điệu. Dáng vẻ hào hoa lịch lãm người thành phố có học chứ không nghiêm nghị khó tính như ông thầy đồ dạy tôi học chữ Thánh Hiền ở làng Bộ Đầu. Sau một lúc lựa chọn, ông vạch hàng sách rút ra một quyển, quay lại đưa cho tôi:

- Thầy cho con mượn quyển này. Phải giữ gìn sách cẩn thận đấy. Thấy không, sách của thầy vẫn còn mới nguyên. Khi nào đọc xong thì trả, không được chuyển tay người khác làm bẩn sách. Rồi thầy sẽ cho con mượn tiếp quyển khác.

Mắt tôi sáng lên, hai tay run run đón lấy cuốn sách. Tôi đứng ngây ra ngắm nghía cái bìa có hình người đàn bà ăn vận kiểu ám tả: Bây giờ gọi là môn chính tả. Quần áo thuở xưa, phía sau thấp thoáng có bóng núi xa mờ. Lần đầu tiên trong đời một đứa trẻ tôi được nhìn thấy quyển sách truyện. Và quyển truyện trong tay tôi mới đẹp làm sao! Tâm trí tôi cuốn hút vào bức tranh in ở bìa. Trông hệt người thật. Ai đó vẽ được như thế này thì thật là kỳ tài quá. Và cũng là lần đầu tiên trong đời tôi cảm nhận thấy con người có thể làm được cho mình nhiều thứ đồ dùng tuyệt mỹ, như cuốn sách này chẳng hạn.

Ông giáo Kỳ nói người ta in trong sách bao chuyện. Cả những chuyện cổ tích mà ông ngoại kể cũng có in trong sách. Đọc sách là cách mở mang kiến thức và còn "sống" được nhiều hơn so với những người cả đời không biết một cuốn truyện là gì. Cuối cùng, ông giáo nói với tôi:

- Thôi... cứ thế nhá. Con mang sách về mà đọc.

Tôi chột bưng tỉnh, ngẩng đầu nhìn ông với nỗi niềm hân hoan, miệng lắp bắp:

- Cho con mượn thầy đem về nhà đọc ạ!

Nói rồi tôi nhảy tót qua cửa, vọt ra sân, quên cả chào thầy.

Ông Kỳ nói với theo:

- Nhớ giữ gìn sách cho sạch sẽ nghe con...

Về nhà, tôi leo lên hang đá gỡ cuốn truyện ra đọc. Đây là quyển truyện "Chàng rể cóc" viết bằng văn vần. Câu chuyện cổ tích này làm cho tôi xúc động đến khó tả. Tâm hồn thơ bé trong tôi định ninh tin là cuộc đời có thật câu chuyện xảy ra như thế. Nhiều buổi chiều nằm dài trong

hang đá bởi chẳng biết chơi trò gì và cũng không có chỗ nào nô đùa, tôi những miên man với bao ý nghĩ.

Tâm hồn như phiêu diêu, bồng bềnh mường tượng ra trong óc cảnh sống thuở “ngày xưa ngày xưa” nào đó. Để rồi chính những điều mình tưởng tượng nghĩ ra lại hấp dẫn cuốn hút tâm trí mình. Tôi đắm ra mê đọc truyện. Truyện nào cũng đọc. Còn ông giáo Kỳ thì lấy làm vui thích có đứa học trò ham đọc sách.

Ban đầu ông giáo cho tôi đọc “Chàng rể cóc”, tiếp tới truyện “Thạch Sanh”, truyện “Tấm Cám”. Rồi đến “Tống Trân - Cúc Hoa”, “Nhị độ mai”, “Cung oán ngâm khúc”, “Truyện Kiều”... Cuối cùng thì đủ loại: “Chinh đông, chinh tây”, “Tam quốc”, “Thủy hử”, “Đông chu liệt quốc”, “Tây du ký”, “Đôi lứa xứng đôi”, “Bỉ vỏ”... Rất nhiều. Cứ đọc xong một quyển, đến lớp, ông thầy lại bắt tôi kể lại cho chúng bạn nghe. Ban đầu thì có run run, ấp úng. Dần dần thành quen nên tôi kể chuyện ngày càng lưu loát, mạch lạc. Ông giáo Kỳ đứng tựa lưng vào cửa lớp học nhìn tôi, thỉnh thoảng lại gật gù.

Rồi ông còn nói cho tôi nghe những điều hay dở của cuốn truyện mà ông lấy làm tâm đắc. Ông giáo còn ngạc nhiên trước sự đọc sách nhanh của tôi. Có lần hôm trước mượn sách, hôm sau đến lớp học tôi đã mang trả. Ông hỏi:

- Thế con không thích đọc quyển truyện này à?

- Thưa thầy, con đọc xong rồi ạ.

Ông giáo trở mắt ra nhìn tôi dăm dăm:

- Con đọc xong rồi? Thế về nhà con không đi chơi à?

- Trình thầy ở xóm Núi Ngang chúng con chả có chỗ nào mà nô đùa cả. Leo trèo mãi lên núi cũng chán lắm, chui rúc mãi trong các hang đá cũng buồn. Con chỉ ngồi đọc sách thôi.

Buổi tối, đám trẻ con xóm Núi Ngang thường rủ nhau tụ tập ngồi chơi ở cửa hang. Chúng tôi nắn những con vẹt, con ngan bằng đất nung, khoét một lỗ nhỏ ở ngang sườn bên này, hai lỗ nhỏ ở ngang sườn bên kia, phòi khô thổi thành tiếng như tiếng tù và nghe buồn buồn, nhất là khi tiếng núi vắng âm trở lại. Thổi như thế mãi cũng chán. Chúng nó quay ra bắt tôi kể chuyện. Rồi thành quen, thành lệ.

Mỗi lần kể cho chúng bạn nghe những chuyện đã đọc ở trong sách, tâm hồn tôi như hòa nhập vào các nhân vật đó, vừa thơ ngây con trẻ, vừa ngộ nghĩnh hồn nhiên. Đám bạn vây quanh tôi lắng nghe, nhiều đứa há hốc mồm, đôi lúc bật cười thích thú...

Vậy mà tôi đã ốm liệt giường một năm nay rồi. Chết đi sống lại đến mấy lần. Đám bạn xóm Núi Ngang đâu cả? Bố mẹ, anh em tôi đâu cả? Ông giáo Kỳ ở đâu? Cả ông ngoại tôi nữa kìa. Ông đi đâu rồi? Sao chỉ có mình tôi... chỉ có một mình tôi lạc giữa cánh rừng ma thiêng nước độc hoang vắng, cổ xưa thế này? Ô kìa... đàn voi từ rừng già Châu Phi kéo nhau tới kìa. ại... con cộp từ trong truyện Thủy Hử nhảy chồm ra kìa. Trời đất ơi! Đây mới khiếp chứ, con Trần tình từ trong miếu thần trườn đến nhe cái miệng đầy răng nuốt chàng Thạch Sanh... Có một cái gì, như một bàn tay khổng lồ giữ lấy tôi, như có tảng đá đè nặng trên ngực không thể cựa quậy, không thể thốt lên thành tiếng kêu cứu. Tôi có cảm giác run bắn, co rúm người lại như sắp chết đến nơi. Tôi nhắm nghiền mắt lại không dám nhìn những con quái vật trước mặt nữa. Khi tôi mở mắt ra, những con quái vật biến hết sạch. Hoàn hồn. Tôi ngơ ngác giữa rừng xanh hoang dã. Chợt Bụt hiện lên kia kìa. Bụt giống ông ngoại như hệt. Bụt cất tiếng nói hân hoan. Tiếng Bụt thoảng trong thính không, nhẹ như gió thoảng: “Tấm ơi... còn đừng khóc nữa...” Bụt tới xoa tay vào trán tôi, đưa cho tôi uống bát nước vối đen đen: “Thuốc tiên cứu con sống lại đây, con ạ!” Tôi gắng sức há miệng uống bát thuốc tiên Bụt mang tới. “Thôi... được rồi. Con nằm yên ngủ đi. Tử Thần sẽ bị đuổi ra khỏi người con, sự sống sẽ dần dần hồi sinh...” Khi tôi tỉnh giấc thì trời đã sáng bảnh mắt rồi.

Tôi mở to hai mắt nhìn thao láo lên nóc nhà. Trong người nhẹ nhõm, đầu óc tỉnh táo đến mức tôi tưởng như mình vẫn khỏe khoắn, chưa bao giờ bị ốm liệt giường, sống bình thường như anh Thành, thằng Bền, như mọi đứa trẻ khác. Tôi nghe rất rõ tiếng cậu Tùng và dì Thảo,

chắc ngủ nhờ bên nhà hàng xóm đêm qua đã về, đang rì rầm nói chuyện với nhau ở ngoài sân:

- Chắc thằng Vũng chết rồi hay sao mà im lặng quá thế này?

Dì Thảo sụt sùi khóc:

- Cháu Vũng ơi... sao cháu nữ vội bỏ ông bà, bố mẹ, cậu dì, bỏ anh em mà đi hả cháu? Cháu có biết dì vồng ông vào thuốc thang cứu chữa cháu không?

Cậu Tùng nói khe khẽ:

- Thì hãy cứ vào nhà xem sự thể nó ra sao đã nào.

Ông ngoại tề chỉnh áo quần, đầu chít khăn voan màu tím thẫm gọn thành từng vòng như khăn xếp, ngồi xếp chân bằng tròn, uống nước ở phản giữa nhà từ bao giờ. Thấy mẹ tôi từ buồng giáp hang núi đi ra, ông bảo:

- Mẹ thằng Thành thử ngó xem thằng Vũng nó thế nào?

Mẹ tôi giật bắn người:

- Khiếp! Con sợ lắm! Thôi... đằng nào thì cũng để tí nữa chú Thìn với các cậu các dì về đông đủ - Bà bước ra cửa: - Ôi... cậu Tùng, dì Thảo dậy sớm thế?

Dì Thảo meo máo hỏi mẹ tôi:

- Liệu cháu Vũng nó có còn sống không hả chị?

- Dì vào giường nó xem hộ tôi một cái.

Cậu Tùng bước lên hiên cầu nhàu:

- Chị đến thật là... đã coi là con cháu trong nhà mà còn sợ à?

Thằng Bền cũng thức giấc từ lúc nào không hay. Nó chạy vào giường với tôi:

- Anh Vũng ơi...

Vừa gọi nó vừa lay người tôi. Tôi quay mặt ra nhìn nó. Nó ấp úng hỏi:

- Anh còn sống à?

Tôi mở to mắt ra nhìn nó trước câu hỏi. Ô hay... sao thằng Bền lại hỏi tôi thế? Tôi có chết đâu, vẫn sống đấy chứ. Lạ nhỉ. Tôi chết làm sao được. Tôi là thằng bé khỏe mạnh nhất nhà. Năm lên bảy tuổi tôi từng vật anh Thành ngã chống kèn, suýt va đầu vào cái cối đá ở nhà cậu Hảo, có cậu Phùng - con út của ông ngoại trạc tuổi anh Thành - làm chứng. Chứ không thì tôi bị một trận đòn nên thân vì tội dám đánh anh. Thằng Bền tụt xuống giường chạy ra khoe với ông ngoại:

- Ông ơi! Anh Vũng còn sống kia kìa...

Ông ngoại gật gật đầu, gương mặt bừng sáng như một người thành đạt sau một cuộc thi căng thẳng đã vượt qua được mọi khó khăn, đã tìm gỡ được mối hóc hiểm để giải trình câu hỏi của giám khảo. Ở đây, rõ ràng còn hơn cuộc thi. Bởi vật nhau với cái chết, giữ lại sự sống cho tôi mới thật sự là khó khăn và hóc hiểm, những tưởng phải chịu bó tay.

Vừa lúc cậu Tùng bước vào nhà:

- Cháu Vũng sống lại rồi hả thầy?

- Ừ!

Ông ngoại gật đầu, chỉ “ừ” một tiếng gọn không, sáng khoái, rồi kéo cái điều bát lại gần, so xe điều, mỗi thuốc vào, chờ cậu Tùng lấy đóm châm lửa cho ông hút thuốc. Ông ngoại nói, giọng nhỏ nhẹ:

- Đêm qua thầy ngồi ngẫm nghĩ mãi. Không có nhẽ mình chịu bó tay để cháu nó chết. Thầy liều cho nó uống một chén thuốc tự mình sắc lấy. Lúc bấy giờ đã quá đêm rồi. Nếu nó uống chén thuốc này mà không bị “công”, tâm lực chịu đựng nổi thì dứt khoát sống. Còn bằng

không... thì chết luôn...

Đón que đóm bén lửa, ông ngoại đưa xe điều vào miệng. Cái điều bát kêu réo lên sòng sọc. Ông nhả khói, lấy làm khoan khoái, rồi nói tiếp:

- Thằng bé quả là đứa chịu khó uống thuốc. Nó cũng biết sợ chết chứ cứ gì người lớn. Thầy bảo: "Cháu ngoan của ông cố sức uống chén thuốc này nhé. Uống xong là sẽ khỏi bệnh, không thể chết được. Chịu khó nào. Rồi chóng khỏe ra ở với ông. Ông sẽ kể cho cháu nghe nhiều chuyện cổ tích". Nó nửa mê nửa tỉnh nhưng vẫn cố ngóc đầu lên cho thầy bế ngồi, rồi há miệng uống ừng ực hết chén thuốc. Thuốc này đắng lắm. Một lúc sau thì người nó ấm dần rồi thầy thấy mạch. Cầm chắc nó sống. Ấm nó ngủ một lúc lâu, thầy mới đặt nó xuống giường, quấn chiếc chăn chiên cho chặt kín quanh mình. Ra phản nằm chộp mắt được một tí thì thầy nghe tiếng tiếng gà đã gáy vọng từ trong Hệ Dưỡng ra tận đây rồi.

Mẹ tôi từ dưới bếp đi lên, dì Thảo từ ngoài sân vào, chú Thìn đang cho lợn ăn cũng bỏ cả đấy. Cả nhà nhốn nháo ồn ào mừng vui lẫn buồn tủi. Tôi nằm ngáy ra ngơ ngác nhìn mọi người chẳng hiểu là tại sao lại như vậy.

Tiếng bác Vinh gái, hàng xóm nhà tôi, vừa bước lên hiên đã hỏi:

- Thằng Vững sống lại rồi hả ông? Trời ơi... phúc đức làm sao!

Rồi bác Vinh bước lại bên giường tôi nằm:

- Vững này, ô! Cháu còn sống thật rồi. Này nghe cháu, cháu phải biết ơn ông ngoại đấy, cháu nhá. Ông ngoại đã cứu cháu sống đấy.

Bác Vinh quay ra gọi đứa con gái xấp xỉ tuổi tôi, cùng học một lớp với nhau:

- Dung này vào đây với anh Vững. Anh sống lại rồi đây này...

Trời sáng rõ. Ánh bình minh rực rỡ bùng lên khắp mọi nơi.

Ông ngoại vào thăm bệnh lại cho tôi. Ông nhìn kỹ gương mặt, sắc da ở người, rồi sờ nắn tay chân mình mẩy, xem lại mạch tay, mạch chân. Đầu ông lúc gật gật, khi lắc lắc. Xong đâu đấy, ông trở ra ngồi bò trên phản viết. Một lúc sau ông ngồi thẳng dậy. Mọi người ngồi ở giường, ở bậc hèm cửa chờ ông cắt đặt từng việc. Ông gọi mẹ tôi ra ngồi ở phản để ông nói, giọng nhỏ nhẹ thương cảm với nỗi vất vả của con gái:

- Thầy vừa xem lại bệnh cho cháu. Còn nước còn tát, đã thương thì thương cho trót, con ạ. Thầy tính vậy. Hai con lợn trong chuồng nhà mày còn bé quá. Hãy cứ để đấy nuôi. Thầy cho nó con lợn chắc xấp xỉ tám mươi cân gì đấy, để chạy thuốc thang ngay bây giờ cho nó. Nếu bây giờ mày không còn đồng nào thì giết tạm của ai đó đưa cho chú Thìn đi xuống chợ Tu cắt thuốc. Đơn thuốc cắt cho nó đây.

Ông ngoại đưa lá đơn với những cột chữ Nho thẳng tắp, đều đặn và vuông vắn, viết bằng bút lông, mực Tàu. Chú Thìn đưa hai ngón tay đón lấy rồi gấp tư, bỏ vào túi áo, gài ghim bằng cần thận.

Chú là em ruột bố tôi, mới mười tám tuổi, vào ở với mẹ tôi được vài ba năm nay. Ông ngoại dặn lại chú Thìn một lần nữa, đến là cận kề: nếu thiếu vị này thì thay bằng vị kia, bao nhiêu đồng cân một vị mỗi thang. Đoạn, ông quay sang bảo cậu Tùng:

- Con về nhà ngay bây giờ. Nhớ bắt con lợn lớn nhất trong chuồng bán đi rồi mang tiền vào cho chị mày thuốc thang cho cháu. Khi vào nhớ gánh cho nó gánh gạo thông. Đỡ thêm cho mẹ con nhà nó. Còn con Thảo, ở lại với chị mày và các cháu. Hôm nào thằng Tùng vào thì hai đứa võng thầy về.

Từ nãy đến giờ mẹ tôi cứ ngồi mặt bần thần, rầu rĩ và im lặng. Chắc đoán biết là mẹ tôi chẳng còn đồng nào dính túi, bác Vinh gái liền lên tiếng:

- Thôi ơn giờ, cày nhờ có cụ đây nên cháu nó sống lại là mừng rồi. Nếu bác Thành không còn đồng nào thì em về lấy bên nhà mang sang cho bác giết tạm một ít.

Nói xong, bác Vinh đứng lên ngay, về nhà một tí đã nhào sang, ngại ngần đưa tiền cho mẹ

tôi.

- Cảnh nghèo túng với nhau, em có từng này bác cầm lấy đưa cho chú Thìn đi cắt thuốc ngay kẻo trưa mất rồi.

Cảm thấy món tiền chẳng đáng là bao, chợt sức nhớ, bác Vinh vội cởi bao thắt lưng xanh ở bụng ra:

- A... còn chỗ này nữa, gộp cả lại. Cứ tạm mua cho cháu nó chục thang cái đã.

Mọi người tản ra, ai vào việc nấy. Anh Thành cấp sách đi học. Cái Dung hôm nay được nghỉ nên ở nhà sang chơi với thằng Bền. Chúng treò cả lên giường trò chuyện với tôi luôn miệng.

Nhưng tôi lại thiếp đi. Tử Thần chưa đủ sức mạnh cướp được tôi đi, song sự sống thì hãy còn mong manh lắm.

Cha tôi tạt về nhà được vài ba ngày. Công tác đoàn thể cuốn hút ông nên chuyện tôi ốm đau rờn rã một năm trời, dầu có biết, ông vẫn không thể về nhà được. Vả lại mọi việc đã có ông ngoại lo toan cả rồi. Ông ngoại có chân trong Mặt trận Liên Việt huyện, vẫn thường xuyên hội họp nên cũng gặp cha tôi luôn. Bởi vậy, khi nhìn thấy tôi như cái bóng ma trên giường, cha tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên. Ông ngồi bế tôi một lúc đợi chú Thìn đi xúc cua về. Cha tôi nói chuyện gì đó với chú hồi lâu rồi đi vào Hệ Dưỡng.

Ông nói là ông đi đến gặp cha xứ ở đấy để bàn việc làm lễ phóng thích cho một số lính về sĩ công giáo theo Pháp đi càn quét bị ta bắt. Sau một thời gian giáo dục, chính quyền kháng chiến khoan hồng cho về sinh sống làm ăn với vợ con gia đình.

Hồi này mẹ tôi bán hàng xén để nuôi con cái nên từ sớm tinh mơ đã gồng gánh đôi bồ lên thuyền chống sào đến các chợ quanh vùng cho tới tận khuya. Ở nhà, chú Thìn thường vào Hệ Dưỡng xúc cua ở các ao bèo lục bình, hay cắt vỏ te kiếm ít tép vụn.

Sáng hôm sau, vì có chuyện to tiếng giữa bố mẹ với nhau nên tôi mới biết rõ sự thể. Chuyện là như thế này: Chuyến này cha tôi về nhà mấy ngày không phải vì chuyện tôi suýt chết. Tuy thương con đứt ruột nhưng cha tôi không thể làm được gì, cho dù chỉ có ít tiền gửi về để đỡ dần mẹ tôi. Bởi cán bộ kháng chiến đâu có lương bổng, đi đến đâu sống dựa vào dân ở đó. Đồng bào có gì cho, ăn nấy. Cha tôi tạt về nhà chính vì chuyện chú Thìn. Thì ra cha tôi định đưa chú Thìn đi tòng quân. Cố nhiên là chú Thìn thích rồi. Bởi chú là thanh niên sức dài vai rộng, chạy giặc phải bỏ quê vào đây. Chẳng biết làm gì để kiếm sống, cứ ru rú ở nhà với mấy đứa cháu cũng chán, ăn bám chị dâu mãi càng không tiện. Riêng mẹ tôi thì lấy làm bức tức. Chẳng phải là hám lợi gì, song phận đàn bà con mọn có một mình chạy loạn làm sao? Hơn nữa lại còn thằng con đang sống dở chết dở nằm trên giường kia nữa chứ. Chả nhẽ bỏ mặc nó đấy để chạy lấy thân mình. Phải tội với giới! Mẹ tôi đổ mọi sự cho cha tôi. Nếu không có thằng Vững. Sao lại không có tôi?

Mẹ tôi để tôi ra là chuyện miễn cưỡng hay sao? Nếu không có thằng Vững. Nếu... tiếng nói của mẹ tôi cứ văng đến tai tôi. Chỉ nói có như thế thôi thì bà ngập ngừng. Cha tôi suýt cắt ngang lời.

Tính ông nóng như lửa, đã quyết là làm. Mẹ tôi đành chịu. Đành chịu trong sự phần chí. Bà giận dỗi bỏ buổi chợ, ở nhà.

Vậy là chú Thìn xăng xái đi ngay xuống chợ Tu mua sắm mấy thứ lặt vặt để sớm hôm sau cùng cha tôi lên đường.

Trời bỗng nổi giông. Mây đen kéo về. Gió lồng lộn như con ngựa bất kham tung vó giữa thảo nguyên. Mưa. Nước như trút từ trên trời xuống ào ào. Gió hất tốc mái chuồng lợn. Thế là không ai bảo ai cha mẹ tôi cùng chạy ra sửa lại mái chuồng.

Trong nhà không còn một ai. Anh Thành và thằng Bền chạy sang chơi bên nhà chị Nhàn. Mưa không về được. Chỉ còn mỗi mình tôi đang nằm quay mặt vào vách.

Ngoài trời mưa như xối nước, sấm chớp ùng oàng nhè nhằng những lưỡi lửa chốc lại lóe sáng. Không hiểu sao, tôi bỗng thèm nhìn ra xem trời mưa thế. Tôi gắng lấy hết sức để tự lật

người quay mặt nhìn ra cửa mà không tài nào cử động nổi. Thân xác tôi cứ ì ra như đồng thít bất động. Chỉ có mỗi bên chân tay phải thì có khá một chút. Tức là co lại duỗi ra được một tí, rê đi rê lại nhích một tẹo. Tôi đành bật miệng kêu:

- Thầy u ơi! Vào lật người cho con quay mặt nhìn ra cửa với.

Tiếng mẹ tôi gắt gỏng quát ở ngoài chuồng lợn xuyên làn mưa vọng vào:

- Làm nũng vừa vừa chứ! Hầu hạ mày suốt ngày không đủ hay sao mà hể động một tí là hành người ta! Không tự quay ra được thì cứ nằm thế đã sao?

- Nhưng con tê người lắm rồi.

- Thế cũng không chết được đâu mà sợ.

Tôi bật khóc ré lên vì tủi hờn và đau đớn. Tim tôi thắt lại, toàn thân rã rời. Tôi nào có dám làm nũng đòi hỏi cái gì. Tôi nằm quay mặt vào vách suốt từ sáng tới giờ, cố hết sức rồi mà không thể tự lật nổi người đấy chứ. Mưa vẫn cứ rơi xối xả như vậy gọi, giục giã nổi thèm muốn khát vọng được quay nhìn ra. Trời mưa có sức hấp dẫn lạ kỳ cảm dỗ tôi.

Chắc là dọi xong mái chuồng lợn, cha tôi chạy vào. Ông tới bế tôi ra đặt nằm ở phản giữa, ngoảnh mặt nhìn mưa rơi.

- Có lạnh không Vững? Nếu lạnh thầy mặc thêm áo cho con.

Tôi lắc đầu, nước mắt đầm đìa. Cha tôi nựng:

- Thôi nín đi con! Để thầy tắm kéo cảm lạnh. Rồi thầy vào nằm với con.

Hồi lâu. Rất lâu. Khi cha tôi đến nằm xuống bên cạnh, nâng đầu gối lên cánh tay người, quặp hai chân khằng khiu của tôi vào lòng cho ấm thì tôi đã ngủ thiếp đi rồi...

Chiều hôm đó, chú Thìn ngồi bế tôi cả buổi. Hẳn chú thương tôi lắm nên trước khi đi xa, chú dành cả thời gian còn lại để an ủi tôi. Chú thủ thủ căn dặn tôi phải gắng chịu khó uống thuốc, ăn thật nhiều cơm cho chóng khỏe rồi còn phải đi học nữa chứ.

Sớm hôm sau. Trước khi đi, cha tôi nói với mẹ tôi:

- Mẹ thằng Thành đừng cẩu gắt với thằng Vững như thế. Con nó còn nhỏ dại, lại ốm đau bệnh tật chứ nó có nhõng nhẽo gì đâu. Tôi sẽ rẽ về làng mời ông ngoại vào thăm lại bệnh cho nó.

Rồi cha tôi vào bế tôi lên, thơm hai bên má. Tôi thấy mắt ông rung rung. Chú Thìn cũng vào bế tôi. Chú nói như mếu:

- Đừng chết cháu nhé! Rồi chú sẽ về thăm cháu. Chú sẽ dẫn cháu đi học.

Cha tôi cùng chú Thìn khoác túi dết đi ra. Bên ngoài, trời vẫn còn nhập nhoạng. Nhưng đó đây đã có nhiều tiếng gà gáy sáng và tiếng chó sủa vang. Tôi không thể biết rằng từ giờ phút này tôi bắt đầu phải tự làm nhiều việc cho chính mình chứ chẳng còn ai ở nhà nâng giắc như trước nữa. Lòng tôi dâng trào một nỗi băng khuâng, cảm nhận thấy sự thiếu vắng chú Thìn như thiếu hụt một nơi nương tựa, chỗ che.

Rồi tôi lại thiu thiu ngủ.

PHẦN HAI

Nàng tiên trên cung Quảng và con chó vàng

Mấy ngày sau ông ngoại lại vào. Sau khi thăm bệnh cho tôi, ông gọi mẹ tôi vào bảo:

- Thăng Vững nó bị bán thân bất toại[1] rồi.

Mẹ tôi sầm mặt lại nhăn nhó đến khó coi. Nỗi thất vọng hiện ra rõ nét. Như thế có nghĩa là nó mang tật nguyên suốt đời sao? Nó nằm chết gí một chỗ, phải mất một người hầu hạ, nâng giắc.

Bà mếu máo:

- Thầy bảo con phải làm thế nào bây giờ? Lộc con lộc của ở đâu thì chẳng biết, chứ tai và suốt từ ngày đó cho đến nay còn gì. Tất cả là tại nhà con hết. Giờ đâm ra một nách ba đứa con mọn, chồng lại đi công tác thoát ly chẳng đỡ đần được gì. Có chú Thìn ở nhà trông nom chúng nó giúp con thì bố thằng Thành lại cho đi tòng quân. Nay cái bệnh bắt nó nằm liệt đấy, ai là người hầu hạ?

Rồi mẹ tôi khóc òa lên:

- Sao cái thân tôi khổ sở thế này! Nào tôi có ăn ở bất lương mà ông giờ đây ải đời tôi long đong lận đận gian truân như vậy. Con với cái! Sống thì nuôi, chết thì chôn cho rảnh. Chứ sống như thế, sau này cũng chỉ ăn báo cô thôi...

Ông ngoại gắt lên:

- Ô hay con mẹ thằng Thành lạ nhỉ? Có con thì phải khổ với con chứ.

- Nhưng nó có phải... lại dở sống dở chết như vậy thì ai hầu hạ suốt đời được.

- Thì cứ cố chạy chữa thuốc men đã.

Mẹ tôi phân trần:

- Thì thầy tính chạy chữa đến bao giờ? Cắt thuốc như uống nước với ròng rã hơn năm trời rồi có ít ỏi gì đâu. Kiểm được đồng nào là đội nón ra đi sạch, lại còn mang công mắc nợ nữa.

Nói rồi bà sụp xuống bậc cửa khóc hu hu, than thân trách phận, kể lể mọi công lao khó nhọc bấy lâu nay làm cho ông ngoại cũng phải cúi lòng. Ông vờ điếu thuốc vào tra vào nõ điếu, rồi châm lửa hút. Ông ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu mới nói:

- Để thầy lo liệu vậy. Giờ các con lớn đều đã ra ở riêng cả rồi. Mẹ mày qua đời đã đoạn tang. Nay chỉ còn thằng Tùng, con Thảo, con Chín và thằng Phùng ở với thầy. Con Chín với thằng Phùng thì bé quá. Công việc đồng áng dồn lên vai thằng Tùng với con Thảo thì làm không xuể. Nên thầy tính chia ruộng đều cho các con. Gái cũng như trai. Ruộng nhà ta cả thầy có ba mẫu, con nhận lấy mấy sào mà cấy.

Mẹ tôi nói xen vào cắt ngang lời ông:

- Con đi chợ suốt ngày bán hàng nuôi các cháu, làm sao mà cấy được?

- Để thầy nói hết đã nào! - Giọng ông ngoại hơi sảng - Thì con cứ nhận. Thầy sẽ bảo thằng Tùng con Thảo nó làm giúp.

Tôi nằm im ắng nghe ông ngoại với mẹ tôi bàn tính lo toan cho số phận của tôi mà lòng những ngậm ngùi buồn tủi xen lẫn giận hờn. Tôi bỗng cảm thấy tai họa thật sự đã giáng xuống cuộc đời mình ngay từ khi bắt đầu ốm cơ. Và bi kịch ngày càng hiện ra một cách khủng khiếp thế thảm. Giả sử nếu có sống, sau này lớn lên tôi cũng chỉ là con người vô dụng. Giờ đây tuy đã có hy vọng sống lại mà sao tôi lại muốn chết quách cho xong! Bởi sống mà suốt đời ăn bám bố

mẹ, anh em thì sống làm gì? Sống như vậy thì tủi hèn lắm, cay đắng lắm.

Ông ngoại chia ruộng cho các con thật. Không những thế, ông còn chia đều tài sản từ cái bát cái đĩa trở lên. Ông cho người đi gọi cha tôi về. Cha tôi chỉ nhận ba sào ruộng thôi. Còn tài sản cha tôi nhường phần của mẹ tôi cho thêm cậu Phùng, là em ruột mới mười một tuổi. Nhưng ông ngoại vẫn ép cha tôi phải nhận cái đình, một cái nồi mười lăm cùng với đôi mâm đồng và cái chậu thau lớn. Ngoài ra ông ngoại còn cho cha tôi tất cả những cuốn sách thuốc của mình. Để đầy một cái hòm gỗ lớn. Ông ngoại bảo cha tôi là người hiếu học, sáng dạ, lại có đức nên ông muốn truyền lại nghề thuốc cho. Ít lâu sau, ông ngoại gửi thuốc và miếng cao hổ cốt bằng bao diêm vào cho tôi. Ông viết thư dặn dò tỉ mỉ và nhắc nhở tôi phải gắng sức uống hết nửa lạng cao đó.

Quả đúng như trong thư của ông ngoại. Uống cao hổ rất tanh. Thỉnh thoảng ợ nước miếng lên miệng thì tanh lắm, vẫn không được khạc, được nôn ra. Khó hơn cả uống thuốc bắc. Tôi cố ráng sức chịu đựng. Chịu đựng một cách nhẫn nại. Sức khỏe của tôi hồi lại trông thấy, trong người nhẹ nhõm, đầu óc lúc nào cũng tỉnh táo. Tôi đã thấy đói và thèm ăn đủ thứ.

Ngày ngày mẹ tôi thức giấc từ sớm tinh mơ nấu cơm để lại cho ba anh em chúng tôi rồi gồng gánh đi chợ. Anh Thành sau khi bón cơm cho tôi ăn xong, đưa thằng Bền sang gửi bên nhà chị Nhàn, đi học cho đến chiều mới về.

Nhà chỉ còn một mình tôi nằm ở phản. Nhớ lời ông ngoại dặn, tôi cố cử động tay chân. Thật khó khăn. Thân thể, tay chân tôi như thân cây chuối nằm thẳng đơ. Tôi cố lấy sức lặn toàn thân lật sang phải hoặc sang trái đều không thấy động đậy gì. Gắng sức đến vã mồ hôi cũng chẳng ăn thua. Suốt sáng sang chiều, rồi tới tối. Đến lúc mệt quá là ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Cuối cùng tôi đành tìm cách tập khác. Tay chân bên phải có khá hơn bên trái. Vậy là cả ngày lẫn đêm, hễ lúc nào thức là tôi cử động chúng.

Thời gian nặng nề và chậm chạp trôi qua. Thời gian trở thành một sự thử thách khắc nghiệt đối với tôi. Nó cam lạng nhưng cam dỗ cuộc sống làm sao! Nó làm cho con người vui tươi, ham muốn, ước vọng. Song cũng sẵn sàng quật ngã con người đến thất bại, và làm họ nản chí đến rã rời.

Không còn cách nào khác, cuộc sống buộc tôi phải kiên trì, kiên trì một cách bản năng. Rồi đến một lúc, các ngón chân, ngón tay bên phải của tôi cử động được nhanh hơn, hoạt hơn. Tôi liền tập cả bên trái. Rõ ràng bên này thật khó suy suyển. Phải rất lâu mấy ngón tay mới động đậy còn các ngón chân vẫn “nằm ì ra” như chết rồi, như không phải là ngón chân nữa.

Dần dà bàn chân phải, bàn tay phải, rồi chuyển tới cổ chân, cổ tay cử động. Tôi tập co vào, duỗi ra, rê đi rê lại. Rồi tiến cao hơn là thử nhấc tay chân lên. Đến khổ. Gắng sức nâng tay nâng chân lên vừa khỏi mặt phản thì nó rơi đến bịch xuống ngay. Cứ thế đến hàng trăm hàng nghìn rồi hàng vạn lần, lặp đi lặp lại không biết chán, không biết mệt mỏi, chân tay bên phải của tôi mới tự nâng cao lên khỏi mặt phản được một chút, lâu chừng vài chục giây là cùng. Nhưng tôi không nản. Vả lại tôi cũng không còn biết cậy nhờ ai xoa bóp và “khởi động” giúp cho tay chân co duỗi.

Chắc chắn là do công hiệu của thuốc cùng với tác dụng của cao hổ cốt và sự kiên trì luyện tập mà chân tay bên phải của tôi cử động co duỗi mau lẹ hơn, tay bên trái cũng bắt đầu chuyển biến.

Vậy là tay chân bên phải cứ đập tứ tung quờ quạng loạn xạ. Và rồi tự đẩy thân thể di động xê dịch trên phản. Cổ cứng dần và đã nhấc nổi đầu lên. Lật được người bên này sang bên kia rồi. Sướng quá!

Lần đầu tiên lật úp được người xuống phản thì lại khốn, vì không thể nào xoay người lật ngửa lên được. Tôi tìm mọi cách. Nhưng chỉ có một bên tay chân phải cử động nên chẳng ăn thua gì.

Mệt rã rời và đói quá, tôi đành cứ nằm úp người xuống mặt phản như thế suốt ngày. Ía dãi dầm dề nhầy nhụa. Đến khi anh Thành đi học về thấy thế khiếp quá kêu chị Nhàn sang bế tôi ra vại nước tắm rửa cho mới thoát nạn.

Tôi vẫn cứ tập. Được cái là chị Nhàn thỉnh thoảng lại chạy sang lật người cho tôi nằm ngửa.

Cứ thế, tháng này nối tiếp tháng sau. Cho đến mùa con nước năm tới lại lên, tràn vào mép hiên nhà thì tôi ngồi dậy được. Lúc này tay bên trái co duỗi, giơ lên hạ xuống chỉ kém tay bên phải ba bốn phần. Chân trái bắt đầu có tín hiệu nhúc nhích cử động. Nỗi khát vọng được đi lại, chạy nhảy, nô đùa như anh Thành, thằng Bền, như chúng bạn xóm Núi Ngang càng nôn nao rạo rực trong lòng tôi. Trí nhớ và sự nhận biết ngày càng hồi phục thì nỗi khát vọng, mơ ước được như mọi đứa trẻ có tay chân khỏe mạnh ngày càng cháy bỏng, thôi thúc và dẫn dắt tâm can tôi. Tròn một năm sáu tháng tôi nằm bệt trong xó nhà nên thêm lê từ phản sang giường, từ góc nhà này tới bên góc nhà kia, thêm ra tới ngoài hiên nhìn cánh đồng ngập nước mọc đầy cỏ bãi, được trông thấy núi Cháy ở bên kia cánh đồng nom giống như con gà trống vươn cổ gáy đánh thức mặt trời buổi sớm. Trước khi tôi bị ốm, buổi tối nào, lũ trẻ con xóm Núi Ngang cũng tụ tập nhau ngồi nhìn những đốm sáng di động, lúc ẩn lúc hiện lạ kỳ trên sườn núi đen kịt để dủ dọá đứa nhát gan, bảo đó là “ma trời”, làm nhiều cu cậu và bọn cái hăm sợ té đái ra quần; hoặc ngồi nghe tôi kể chuyện. Tôi thêm được leo lên sườn núi bắt chim, nằm trên hang đá cao lưng chừng núi hóng mát. Thêm đi hái sún đá[2] vào những ngày mưa rào tháng ba mang về nấu canh chua, hoặc luộc lên ăn sần sật như mộc nhĩ, lại có vị chua chua. Thêm được chèo thuyền chơi trên cánh đồng nước hái những bông hoa súng tím tím đến là đẹp. Thêm được cắp sách tung tăng đến lớp học với chúng bạn, nghe ông giáo Kỳ giảng bài, hoặc nghe ông kể những chuyện về người thổ dân da đỏ châu Mỹ, người Eskimô ở Bắc Cực, hay những con đười ươi ngừng mặt cười nhăn nhó với ông trời. Tôi yêu quý và kính phục sự hiểu biết của ông giáo. Không hiểu bây giờ ông có còn kể nhiều chuyện cho lũ học trò cứ há hốc mồm, nghech mặt ngồi nghe nữa không?

Tới kỳ nghỉ hè, anh Thành ở nhà nên tôi đỡ buồn. Nhưng anh ấy ham chơi nên chốc chốc lại tót sang nhà hàng xóm, có hôm đi biệt đến trưa mới về. Cổ nhiên là tôi không dám mách mẹ. Lơ mơ là anh Thành dọa đánh liềm. Chẳng riêng gì tôi, thằng Bền mà đòi theo phá thói cũng ăn bạt tai, đá đít... Thành thử vẫn chỉ có mình tôi ở nhà, vẫn tự luyện tập một mình.

Cũng may là cái Dung thường sang chơi với tôi luôn. Có hôm ở cả ngày. Tôi nói với nó:

- Từ khi ốm dậy đến giờ tớ quên không biết đứng nữa rồi.
- Không phải đâu. Tại đằng ấy còn yếu quá đấy.

Tôi thú nhận:

- Tớ như đứa bé mới mười tháng ấy, phải tập lẫy tập bò đến khổ.
- Cứ chịu khó tập đi, đã có tớ giúp.

Thế là nó giúp tôi tập đứng. Hôm đầu cái Dung hăm hở bậm môi bế xốc tôi dậy, nặng nhọc lễ mễ như con cóc tha con nhái. Tôi hơn nó chừng một tuổi là cùng. Giá như tôi không bị ốm chắc nó chỉ cao đến tai tôi thôi. Nhưng bây giờ nó đã nhỉnh bằng đầu tôi rồi. Nó để cho hai bàn chân tôi chạm xuống mặt phản thì buông tay ra định xốc lại cái quần của nó bị tụt. Không ngờ hai ống chân tôi dài ngoẵng giống đôi ống nứa tếp mềm nhũn như bún. Nó không kịp đỡ, đành để cái quần tụt giải rút tuột xuống đầu gối mà tôi thì vẫn cứ ngã đổ chống kênh xuống phản, hai chân treo ra, đau điếng đến nỗi tôi bật khóc òa. Cái Dung càng hoảng hốt và sợ hãi. Nó lúng túng quên khuấy kéo quần lên, và cũng chẳng biết làm gì, òa lên khóc theo.

Nghe thấy tiếng hai đứa trẻ khóc, chị Nhàn chạy sang nom cảnh ngộ chúng tôi đến tức cười. Cái Dung quần tụt xuống đến chân, đứng mếu máo. Còn tôi hai chân ống giang xoạc ra, mặt nhăn nhó, miệng sứt sứt.

Chị Nhàn bế tôi lên, nắn nắn hai chân:

- Không sao... không sao! Cả hai đứa nín đi nào. Dung, mày kéo quần lên thắt lại giải rút đi chứ.

Rồi chị kéo cái Dung ngồi xuống sát vào mình:

- Thôi nín đi. Chị nắn lại chân thằng Vững rồi. Mày là con bé ngoan lắm. Ở chơi với nó nhé.

Ngồi với chúng tôi một lúc thì chị về nhà. Nhà chị Nhàn chỉ có hai mẹ con. Tôi không rõ mẹ con chị ở đâu mà chạy vào tản cư tối ở trong núi Ngang này. Và tôi cũng không được biết mẹ con chị sinh sống bằng cách gì. Mẹ chị đi suốt ngày. Bà hiền lành phúc hậu lắm. Tối tối bà vẫn sang bên nhà tôi chơi. Có hôm ngồi bế tôi suốt buổi. Chẳng mấy khi thấy bà nói chuyện. Chị Nhàn giống mẹ như đúc, tuổi mới mười lăm, mười sáu là cùng. Dáng người chị mảnh khảnh, bộ ngực bắt đầu nở nang, không vắn tóc như các bà các cô ở đây mà chị buộc túm lại phía sau bằng một sợi len đỏ. Gương mặt trái xoan, hơi gầy, xanh xanh, được đôi mắt tròn to và sáng lúc nào cũng như đang cười. Chị ở nhà băm bèo nấu cám nuôi hai con lợn, chẳng hề đi chơi đâu. Chỉ tới mùa cấy, khi lúa đang thì con gái chị mới đi kéo vó te, kiếm được rõ nhiều cá vụn và tôm tép, ăn không hết, đem phơi khô la liệt met nọ giàn kia rồi cho vào hũ đây kín bằng lá chuối khô, để làm thức ăn phòng ngày mưa bão chứ không đem bán.

Tôi không dám tập đứng tên nhè nhè như đứa trẻ mười tháng, và cũng không chịu để cho cái Dung bế thốc đứng lên rồi buông tay ra nữa. Sau cái lần ngã đau điếng người ấy, tôi hoảng sợ thực sự.

Có lẽ không bao giờ tôi có thể đứng được chứ đừng nói đến chuyện đi lại, chạy nhảy. Thành thử khi một đi tiểu hay muốn ra ngoài hiền ngắm nhìn bầu trời, đồng nước, núi non... tôi chỉ còn cách bò ra mép phản, tụt người ngồi bệt xuống đất lê dít "đi" thôi.

Cái Dung không chịu bó tay. Nó loay hoay tìm cách. Ngày nào cũng xăng xái một cách nhiệt thành. Nhưng cũng chẳng tìm được cách gì. Nó ngồi dần mặt ra, rồi nựng tôi như nựng em bé:

- Đằng ấy không chịu tập đứng thì chẳng bao giờ đứng được đâu, chẳng bao giờ đi lại được như tớ đâu. Đằng ấy chịu khó để tớ bế lên vậy. Tớ không để đằng ấy ngã nữa đâu mà sợ.

Nó nói rõ nhiều. Rằng nó sẽ đứng ôm chặt lấy tôi để cho hai bàn chân của tôi đặt xuống mặt phản cho quen. Thật quen đã. Rằng sau đó nó mới buông tay, nhưng để tôi vịn chặt vào người nó. Như thế sẽ không bao giờ ngã. Giọng nó thân thiết dịu ngọt lạ lùng:

- Như thế sẽ không ngã đâu. Thật mà. Đằng ấy đừng sợ.

Tôi buộc phải nghe theo nó chứ còn biết làm cách nào để tự đứng lên được mà tập đi. Anh Thành thì ham chơi quá không mấy khi nhòm ngó đến tôi. Anh ấy có cái thói biết mẹ tôi về vào lúc nào là anh ấy về trước một tí để dọn dẹp nhà cửa cho gọn kéo mẹ tôi rầy la. Thành thử bà không thể biết ở nhà anh Thành như thế nào. Nhiều khi còn khen anh ấy nữa. Được thể anh Thành càng lên nước. Tôi và thằng Bền sợ anh bằng phép. Ngậm miệng không dám mách điều gì. Tôi chỉ còn nhờ được cái Dung thôi. Hai đứa chúng tôi cứ ôm nhau đứng lên ngồi xuống suốt buổi. Bởi tôi vẫn sợ ngã, ôm chặt lấy cái Dung chứ không chịu để cho nó buông tay ra.

Ngày hôm sau. Rồi ngày hôm sau nữa. Cũng thế. Thực tình tôi nản lắm rồi. Song cái Dung vẫn không chịu buông tha. Đầu óc tôi trì độn quá không tìm được cách khác. Còn cái Dung lại vẫn luẩn quẩn với cái trò bế tôi đứng lên. Cũng lạ. Nó không biết mệt hay sao?

Chị Nhàn đã sang gỡ thế bí cho chúng tôi. Chị mang chiếc ghế đầu ra, đặt bụng tôi áp vào mặt ghế để thông hai chân chạm xuống mặt đất cho quen dần đã. Có thế mà chúng tôi cũng không nghĩ ra! Tôi cảm thấy thoải mái chứ không gò bó như để cái Dung bằm môi gắng sức bế đứng dậy. Lúc nào mỏi, hoặc chán thì tôi mới tụt người ngồi bệt xuống đất chẳng hề đau đớn gì. Cứ thế thành quen.

Rồi tôi đủ sức từ từ vươn thẳng người đứng vịn chặt vào thành ghế. Thích quá! Tôi ngây ngất vì vui sướng. Và, lần đầu tiên tôi để ý đến cái Dung. Nhà nó chạy tản cư vào Núi Ngang cùng với nhà tôi. Bố nó cũng đi kháng chiến nên ở nhà chỉ có hai mẹ con nó thôi. Bác Vinh gái là dân thành thị nên thạo buôn bán lắm, nhà lại khá giả. Cái Dung cùng học với tôi một lớp. Tính nó nhẹ nhàng ít nói. Nó chơi với tôi đến thân và rất thích nghe tôi kể chuyện. Có bao giờ tôi để tâm đến nó đâu. Tôi cứ mãi những chuyện đầu đầu, hết sách lại vở, vùi đầu vào đọc truyện. Còn nó thì hể rồi rảnh lại sang chơi với tôi luôn. Tự nó đến chứ chẳng ai xui hay khiến mà tôi cũng không thể nài bắt nó được. Nó chẳng mấy khi rời tôi nửa bước.

Lúc này cái Dung đang ngồi ở phản nhìn tôi đứng vịn vào ghế đầu. Hẳn nó cũng thấy vui thích nên gương mặt tươi tắn lắm. Hai núm đồng tiền bên má lộ rõ, đến xinh. Nó trắng trẻo,

mặt trái mặt, có mái tóc dài chấm gấu áo sau lưng đen nhánh.

Cả tôi lẫn cái Dung đều đã chín mười tuổi rồi. Bọn con trai như tôi vẫn mãi chơi, ham nghịch và vẫn còn tắm trường tông ngoài vại nước. Nhưng cái Dung đã bắt đầu biết giữ ý tứ, e thẹn và xấu hổ. Nó ra dáng người lớn hơn tôi. Không hiểu sao tôi cảm nhận mọi sự ân cần của nó, ngoan ngoãn như một đứa em trai với chị gái. Phải thế chăng mà cái Dung mỗi ngày một khẳng định thêm sự khôn lớn của nó bằng cách cư xử, chơi đùa với tôi và chúng bạn.

Cảm thấy mình đã đứng vững, tôi thử buông tay vịn ghế ra.

Một đứa trẻ chín mười tuổi lại tập đứng tênh tênh như đứa bé chín mười tháng. Chao ôi... đứng buông được tay ra đến là thích! Cái Dung thấy thế mừng quá nhảy tót xuống đất, reo rồi rít:

- Đứng được rồi! Đứng được rồi!...

Tôi nhìn nó, tí mắt cười khoái chí, cũng reo theo nên mất thăng bằng ngã bệt xuống ngay. May, cũng chỉ là đau đít thôi.

Sang bước tập cao hơn: tập đi. Lúc này đầu óc tôi cũng không đến nỗi dần dần lảm. Tôi tự tìm ra cách cho mình tập. Tôi lèn quanh giường, quanh phản cho hai chân thêm cứng cáp, cho bàn chân bám vào mặt đất chắc chắn hơn, “thật” chân hơn. Tôi mê mãi say sưa. Càng lần đi càng hăng càng vững hơn. Hai đầu gối bớt run hơn, chân bước mạnh bạo hơn. Tôi với cái Dung hoặc thằng Bền chơi trò đuổi nhau quanh giường. Chúng nó cứ đứng chờ cho tôi lần đi gần tới thì lại nhào ra xa hơn, đến tức. Nhưng mà ham. Lại còn thích nữa. Nhà lúc nào cũng vang tiếng la hét, tiếng reo cười nắc nẻ đến ồn ã. Không còn vắng lặng, tẻ nhạt, cô đơn nữa.

Sau đó, tôi bảo chúng nó xếp giúp cho mấy cái ghế đầu cách xa nhau hơn từ phản ra cửa, rồi ra hiên. Tôi đã đi ra được đến hiên, rồi xuống sân. Nói là “đi được” nhưng chỉ có chân bên phải là co bước được thôi. Còn chân bên trái vẫn còn quá yếu nên chỉ kéo lết trên mặt đất. Song dầu sao tôi vẫn tự đi được ra sân, mặc dù phải vịn vào ghế, cũng thấy khoái lắm rồi. Bầu trời đã hiện ra trước mặt. Tôi lại nom thấy núi Cháy và dãy núi đá vôi trùng điệp chẳng rõ nó bắt đầu từ đâu và đến chỗ nào mới kết thúc. Tôi thích thú ngắm nhìn thiên nhiên quanh mình như là kẻ đầu tiên khám phá ra xứ sở màu mỡ và tươi xanh của chúng ta.

Con Vàng chạy đến. Nó đưa cái mũi hít hít hai chân tôi, ve vẩy đuôi mừng rỡ như được gặp lại chủ cũ, hay là nó mừng vì thấy tôi còn sống để nó đùa với nó? Tôi vỗ vỗ tay vào lưng nó trong tâm trạng hào hứng khó tả. Giống như trước ngày tôi bị ốm, mỗi khi đi học về nó đều đứng đón tôi trước cửa nhà, chồm lên giơ hai chân trước đặt trên ngực. Tôi nắm lấy chân con Vàng, lắc lắc, gật đầu với nó. Giá tôi có cái gì làm quà cho nó nhỉ? Tôi nói với con Vàng:

- Vàng ơi... mày vẫn còn nhớ tao à?

Cô Thắm ở Hệ Dưỡng cho nhà tôi con Vàng hồi nó được hơn một tháng. Cả nhà tôi ai cũng thích nó. Ăn khỏe, lớn nhanh, không cắn trộm nhưng lại biết giữ nhà, quấy luyến chủ. Càng lớn nom con Vàng càng đẹp mã. Nó cao to gần như chó lòi, lông vàng mượt, đôi tai vểnh lên hướng về phía trước đến thích, cái mõm vừa phải và cặp mắt sạch sẽ, tinh nhanh. Ai vào nhà tôi chơi cũng khen, đều dặn hễ nó đẻ thì để cho họ một con. Anh Thành với tôi đều hay cho nó theo trèo lên núi hóng mát, bắt chim hoặc dẫn nó đi săn chuột trong các hang dưới chân núi. Con Vàng luôn tỏ ra hăng hái, đón ý chủ và cũng “sáng dạ” đáo để. Còn điều này nữa thì cả tôi lẫn anh Thành đều không nói ra. Ấy là mẹ tôi thường hay đi chợ đến khuya. Bởi ở vùng tự do tùy địa điểm của từng làng xã quanh vùng mà họp chợ vào buổi sáng, buổi chiều hoặc buổi tối để phòng tránh tàu bay Pháp oanh tạc. Nên ở nhà chỉ có mấy anh em chúng tôi thôi. Thực tình chúng tôi cũng thấy sờ sợ. Nhất là tối đến. Từ khi xin con Vàng về nuôi, đêm tối nó lùnh sục chỗ này, góc kia trong nhà, ngoài sân. Hễ thấy động là nó sủa liên nên anh em tôi yên tâm lắm. Anh Thành chúa sợ ma. Tối hay lĩnh đi chơi. Đến khi về nhà là tót lên giường ngủ ngay. Thành thử tôi phải thu dọn nhà cửa, xem chuồng gà, con lợn. Có con Vàng đi bên vững bụng hẳn.

Hơn năm nay tôi nằm liệt giường, chắc con Vàng bận khoản lắm thì phải. Bởi không thấy tôi nó đùa với nó, hoặc thiếu vắng tôi trong những cuộc leo núi vui nhộn và thú vị. Giờ con Vàng đã thành “mẹ sề” của mấy lứa con rồi. Nó dăm tính và càng tinh khôn hơn trước. Nó quanh

quần bên tôi một lúc rồi phốc ra cánh đồng. Chạy được một quãng nó dừng lại quay đầu ngó nhìn tôi. Thấy chủ vẫn đứng ì ra nhìn, nó liền quay lại, ngoàm vào ống quần tôi giăng giăng kéo đi. Tôi đã chạy nhảy được đầu mà đi theo nó. Cúi xuống vuốt nhẹ tay lên lưng con Vàng, tôi nói:

- Tao chưa đi lại bình thường được. Thôi... một mình mày chạy ra cánh đồng đi.

Hiếu ý. Con Vàng cúi đầu lượn vòng quanh tôi mấy lần rồi mới thông thả bước từng bước một đi chỗ khác. Chắc nó cảm thấy nó đùa ngoài cánh đồng một mình thì buồn lắm. Tôi đứng tần ngần nhìn nó, lòng những thân thiết mến yêu như người bạn thân.

Mặt trời đã chui tọt xuống sau rặng núi đá vôi trùng điệp. Bầu trời còn bừng sáng nhờ ánh hoàng hôn do sự khúc xạ của mặt trời phản chiếu. Núi non bàng bạc một màu xanh lam huyền ảo. Từng đàn chim đang sải cánh bay về núi, chấp chới dập dờn trên các tầng mây. Tôi nhìn thấy rõ người đi kiếm củi đang gánh xuống quèn bên núi Cháy. Liệu đến bao giờ tôi mới có thể đi được tới đấy?

Cái Dung sang giúp tôi thu dọn mấy cái ghế đẩu, rồi múc nước vào chậu thau rửa mặt mũi tay chân cho tôi. Nó làm với mọi cử chỉ của người chị gái, đến tháo vát, gọn gàng. Chị Nhàn đi gánh nước qua thấy thế cứ tấm tắc khen mãi. Đến khi anh Thành với thằng Bền đi chơi kéo nhau về thì còn có mỗi việc đi thổi cơm. Tôi bám vào thằng Bền tập tễnh lê bước chân tới bếp. Anh Thành đang gao, vo, nhóm lửa cho tôi ngồi đun. Thằng Bền hào hứng kể chuyện nó theo anh Thành đi thả diều ở bên kia núi Ngang, chỗ cái quèn dốc mà trước đây có lần con Vàng xỏ vào hang bắt chuột, khi chạy ra trượt cẳng lăn theo sườn núi xuống, suýt chết.

Rằm tháng Tám.

Xóm Núi Ngang nhà nào cũng làm cỗ "trông trăng" vui tết Trung thu. Nhà khá giả thì giết gà giết vịt làm cỗ bàn cơm rượu, bánh trái hoa quả. Nhà nghèo khó nhất cũng cố kiếm quả bông, nải chuối hoặc vài trái ổi cho con. Thành thử cái xóm Núi Ngang heo hắt bỗng rộn rịp tung bừng.

Cứ như mọi năm thì mẹ con chúng tôi bỗng bế nhau ra nhà ông ngoại ăn cỗ, chơi bời đến ngày hôm sau mới về.

Khi còn sống, bà ngoại quả là một người tài đảm nhất vùng. Chả thế mà ngày bước về nhà chồng chỉ có hai bàn tay trắng, cơ ngơi nhà chồng lụp xụp nghèo túng, tuy phận làm hai, bà xin ra ở riêng, tự mình lo toan tính toán công việc làm ăn. Vậy mà chỉ mấy năm sau, bà đã tậu ruộng tậu trâu, trông nom cấy cày hàng mẫu ruộng. Rồi mua đất làm nhà. Tòa nhà đến đẹp. Đá phiến bó thềm dài rộng hơn một mét. Nhà xây dựng kiểu Tây, có trần quét vôi sáng, vẽ những hoa văn màu xanh màu đỏ đến vui mắt. Cậu Tùng thường leo lên trần nhà bắt chim ngói, xiên nướng chả cho chúng tôi ăn, ngon hết chỗ nói.

Tuy là ngày tết của trẻ con, nhưng vì đông con, lắm cháu nên ông ngoại thường giết lợn làm cỗ hân hoan. Con cháu dâu rể nội ngoại về hết. Cả nhà quây quần đoàn tụ đến vui. Lũ trẻ con chúng tôi có dịp quen biết và nhận anh, nhận em vui chơi thỏa thích.

Từ ngày tôi ốm đau đến giờ, mẹ tôi không mấy khi nghỉ chợ cho anh em chúng tôi ra nhà ông ngoại chơi.

Dẫu sao anh em chúng tôi vẫn cứ háo hức chờ mong từ mấy ngày hôm trước. Chả là các anh chị Thanh niên cứu quốc trong Hệ Dưỡng tổ chức cho đội thiếu nhi ăn cơm kết đoàn, rước đèn, phá cỗ tập đoàn và còn diễn cả kịch. Không khí nào nức chuẩn bị ngày Trung thu cuốn hút tôi hòa nhập cùng anh em và chúng bạn bàn tính các trò vui. Nhiều khi tôi quên khuấy mình là thằng bé tàn tật ốm yếu.

Hồi tháng ba. Khi chú Thìn còn ở nhà. Nhân mấy ngày mưa tầm tã, rồi rãi chẳng có việc gì, chú kiếm mấy thanh tre, tỉ mẩn vót nan làm cho anh em tôi một chiếc đèn con thỏ. Dán giấy vàng, điểm tai mắt mũi miệng bằng giấy trắng, nom giống ời là giống. Rồi chú lấy một tờ giấy bản rõ to, bọc kín lại để giữ đèn cho mới. Treo cất lên xà nhà. Chú dặn để đến tết Trung thu mới được lấy xuống chơi.

Giờ ba anh em tôi cũng rối rít với chiếc đèn. Cố nhiên là tôi chỉ biết có trở mắt ngồi nhìn anh

Thành hơn hờ cầm cây đèn giơ lên cao hý hửng chạy lăng xăng quanh trong nhà, ra ngoài hiên, mặc cho thằng Bền đuổi theo túm vào chân gào thét đòi.

Mẹ tôi vẫn đi chợ như thường ngày. Bà để sẵn nải chuối với quả bòng cho anh em tôi, chờ tối đến cùng “phá cỗ”. Nhân thể vào năm học mới, mẹ tôi may cho anh Thành một bộ quần áo bằng vải diêm bầu Nam Định nhuộm nâu hời hề. Nghĩ mà tủi. Suốt ngày tôi ngồi ở nhà trông miếng vải nhuộm phơi ngoài sân mà những thèm mong được may áo quần bằng miếng vải đó. Mẹ tôi bảo sẽ may tất cho cả ba đứa để khỏi phải tranh nhau. Đến khi mang đi may. Tôi thấy mẹ bảo có mỗi một mình anh Thành đến nhà bác thợ may đo vải. Tôi đòi theo. Mẹ tôi bảo không đủ vải. Tôi không thể như thằng Bền chạy theo gào khóc. Ngồi ở nhà rân rấn nước mắt nhẩn nhẩn.

Vốn đã trắng trẻo và xinh trai, anh Thành mặc quần áo mới, nom càng kháu khỉnh, sạch sẽ, bảnh bao. Thằng Bền lại được dịp hờn suốt buổi vì không được quần áo mới. Té ra bác thợ may đo làm phép người nó. Còn tôi, cũng chỉ biết nhìn, cổ gạt đi mà vẫn cứ thèm. Nhà tôi nghèo quá. Tôi lại ốm đau bệnh tật chết đi sống lại mấy phen. Dai dẳng, ròng rã suốt một năm trời. Thì còn lấy đâu ra mà may mặc mua sắm thứ gì. Dầu tôi có đòi thì mẹ cũng không thể kiếm đâu ra vải may cho. Vả lại tôi bị què quặt thế này, có đi lại được đâu mà cần đến quần áo đẹp. Ngay từ lúc còn bốn năm tuổi, chẳng mấy khi tôi được may quần áo mới. Toàn mặc quần áo anh Thành chật trút cho.

Rồi đến lượt thằng Bền ra đời. Nó không bị rơi vào cảnh như tôi vì quần áo tôi có thải ra thì cũng chỉ còn làm được khăn lau bàn, giẻ rửa bát là cùng! Nhiều khi cũng thấy tủi thân. Nghĩ mà ứa nước mắt.

Tối đến, anh Thành bố quả bòng chia cho mỗi đứa một phần. Nải chuối cũng được cắt ra tính từng quả, thật công bằng, không đứa nào hơn kém đứa nào. Ai ăn hết thì thôi. Đứa nào để dành cũng tùy.

Tôi có đi đâu chơi bởi được mà ăn cho vội. Thằng Bền chén liền. Nhưng nó không thể ăn hết được ngay phần của mình. Anh Thành quẩn vào ăn đồ của nó. Còn phần của mình, anh ấy giấu vào khe đá đầu hồi nhà. Anh ấy hứa sẽ công thằng Bền vào Hệ Dưỡng cho cùng đi rước đèn và xem kịch. Thằng Bền hơn hờ không đòi quần áo mới nữa. Không những thế, còn quả chuối, múi bòng nào nó đều đưa hết cho anh Thành ăn.

Có mấy đứa bạn gọi ở ngoài sân. Không kịp đóng chuồng gà, ngó qua con lợn, anh Thành vội cầm cây đèn con thỏ chạy tót ra với chúng bạn, quên khuấy lời hứa với thằng Bền. Nó bật gào khóc chạy đuổi theo gọi. Vướng hèm cửa nên không túm được áo anh Thành giữ lại, nó ngồi bệt xuống đất, tay chân cào đập tứ tung.

Anh Thành mãi chạy theo chúng bạn, nói vọng lại qua hơi thở:

- Mày ở nhà chơi với thằng Vững. Đi theo tao lội qua dòng nước thế nào được.

Tháng này, tuy con nước ròng nhưng chỗ đầu núi Ngang sang làng Hệ Dưỡng là quãng đồng trũng, đi qua lại phải lội bì bõm đến bụng chân người lớn. Đám trẻ em phải tụt quần lội qua.

Tôi bước lần ra ngồi đồ thằng Bền mãi mà nó vẫn không thôi gào khóc. Không những thế, nó còn nằm bò ra đất ăn vạ. Tôi những tức anh Thành quá. Thà anh ấy đừng nói dối, mặc nó chơi từ chập tối thì đâu có đến nông nổi này! Chắc nghe thấy tiếng khóc gào của thằng Bền, chị Nhàn chạy sang:

- Thế thằng Thành đâu rồi?

- Anh ấy mang đèn vào Hệ Dưỡng đi rước với đám thiếu nhi trong ấy rồi.

Tôi nói, lòng những ảm ức, suýt nữa thì cũng khóc òa. Chị Nhàn bế thốc thằng Bền lên:

- Thôi... Vững lên giường ngủ đi. Chị bế thằng Bền cho nó chơi rồi ngủ luôn ở bên nhà với chị.

Chị Nhàn đi rồi, tiếng thằng Bền khóc tí ti vẫn còn vọng lại.

Thế là chỉ còn mỗi một mình tôi ở nhà. Ngoài trời trăng đã lên. Sáng quá. Bầu trời trong vắt, cao thẳm, dát vàng xuống mặt đất, ruộng đồng, núi non, làng xóm. Ánh trăng hắt vào cửa nhà làm bừng sáng mọi chỗ. Làm sao mà tôi có thể lên giường đi ngủ ngay được. Tiếng trống ếch cà rùng, cà rùng từ trong làng Hệ Dưỡng vọng ra lúc rõ lúc mờ. Chắc anh Thành đang hờn hờ đốt ngọn đèn dầu bằng cái lọ thuốc tây nút kín có sợi bắc, nhét vào đầu ống nứa tếp trong mình cái lồng đèn con thỏ, hòa vào đoàn trẻ con rồng rắn cùng giơ cây đèn lên cao. Giờ này, lũ trẻ con xóm Núi Ngang vào đầy hết cả rồi nên im ắng một cách lạ lùng. Tôi thấy buồn buồn và cô quạnh quá.

Trăng sáng tỏ, bát ngát và dịu mát làm sao! Tôi lết chân bước ra hiên. Bầu trời cao vời vợi nên ánh trăng cứ huyền ảo, mộng mị một thứ ánh sáng dịu mắt và mơn trớn. Không gian thêm bao la. Cánh đồng lúa lên xanh nhấp nhô muôn lớp sóng tới chân núi Cháy. Còn dãy núi đá vôi trùng điệp như bức tường thành lúc này ẩn hiện bằng bạc tằm trong ánh trăng.

Tôi thần thờ đứng nhìn trời đất hồi lâu. Cứ thế cho đến khi mỏi chân, tôi ngồi bệt xuống thềm hiên trước cửa nhà. Con Vàng từ đâu đó ngoài chuồng lợn đi vào. Nó ngơ ngác nhìn tôi đang ngồi như một cái bóng. Không rõ nó có đoán biết được tâm trạng tôi lúc này hay không mà nó cứ ư ử trong họng như muốn nói điều gì đó. Quẩn quanh bên tôi một lúc rồi bỗng nó phốc vào nhà. Chẳng biết nó lục sục mò mẫm gì đấy hồi lâu. Lúc sau con Vàng tha ra túm chuối bốn quả đem lại chỗ tôi ngồi, nhả miệng để đấy. Nó hí hửng làm được một việc cho chủ, chiếu thẳng hai mắt nhìn tôi. Tôi kinh ngạc trước sự việc và ngỡ ngàng đối với “người bạn” thân yêu này. Sao nó tinh khôn đến thế? Thần tình đến thế?

- Vàng ơi... Mày đem cho tao đấy à?

Tôi khẽ thốt lên hỏi nó. Mà không biết tại sao tôi lại buột miệng hỏi con vật như thế. Con Vàng chẳng rõ có hiểu được câu hỏi của tôi hay không mà nó gật gật cái đầu, trong miệng ư ử, cái đuôi ngoáy tít.

Tôi cầm lấy túm chuối. Con Vàng đến khôn. Nó ngoam vào cuống chuối chứ không ngoam vào quả. Nhìn túm chuối tôi mới ngẩn ra. Bốn quả chuối này là của anh Thành. Anh ấy giấu kín vào khe đá kia mà. Chắc là nó để ý nên mới biết. Tôi chống tay đứng dậy cầm lấy túm chuối cất đi. Ai lại ăn vụng phần của anh ấy. Con Vàng cuốn vào chân tôi ý không bằng lòng. Tôi vẫn nhẹ tay đập đập vào lưng nó:

- Đây là phần của anh Thành đấy. Mày không biết à? Tao không ăn vụng của anh ấy đâu.

Con Vàng sủa gâu gâu mấy tiếng. Nó vẫn bám theo tôi vào nhà. Tôi cất túm chuối đi cho anh Thành. Rồi lại lết chân bước ra thềm hiên trước cửa. Ngồi ngắm nhìn băng quơ trời đất, núi non đồng ruộng được ánh trăng nhuộm cho cái màu thần thoại mà tôi mừng tượng từ trong truyện cổ tích vẫn thường nghe ông ngoại kể. Con Vàng đành chịu. Nó lùng sục quanh nhà, chuồng gà, chuồng lợn như làm công việc thuộc bốn phận của mình - tên lính gác giữ nhà cho chủ. Nó ăng ăng sủa chỗ này, góc kia như đánh tiếng đi tuần. Xong đâu đấy, nó lại quay vào nằm cạnh chỗ tôi ngồi.

Chợt có một con chuột đồng to bằng con chó con chưa mở mắt chạy vút ngang qua sân vào chỗ vại nước giáp chân núi. Tôi run bắn người, hốt hoảng. Gắng lấy hết sức bình sinh để tự chủ, xua đuổi sự sợ hãi đi. Chân què chạy trốn làm sao được. Con Vàng mắt tinh lắm, nó phốc đuổi theo liền. Nhưng không kịp rồi. Con chuột đen trũi đã kịp lẩn trốn thoát thân vào một khe núi nào đấy. Khi tôi hoàn hồn là lúc con Vàng sủa vuốt đuôi một cách giận dữ và bất lực. Tiếng sủa của nó đập vào vách núi vọng ra âm oang nhại lại nghe đến rùng rợn, cổ xưa, hoang hoải.

Cuối cùng, con Vàng cũng đành trở vào nằm xuống chỗ cũ bên cạnh tôi, miệng còn ư ử hậm hực. Tôi kéo cổ nó ôm vào lòng, vỗ về cho nó nguôi cơn bức tức, thân thiết như người bạn.

Trước đây tôi vốn đã thích con Vàng. Và bây giờ, cuộc sống càng gắn bó nó với tôi. Nó là người bạn trung thành và thủy chung nhất mực. Bất chợt tôi bỗng thêm muốn giá nó có thể biến ra người nhỉ? Nếu không được, thì cũng biết nói như người. Hân lúc này tôi sẽ sung sướng biết bao. Bởi được như thế, tôi sẽ không bị cô đơn nữa, có “người” để trò chuyện với nhau. Tôi sẽ chia sẻ nỗi buồn sâu kín trong lòng mình với nó. Tiếc thay, con Vàng chỉ là một con chó. Dầu

khôn đến mấy, nó cũng không thể nói được như người. Khiến tôi... những lúc như thế này, có miệng nói thành thừa, buộc phải câm lặng. Và như thế, một đứa trẻ hiểu động, mau mồm mau miệng như tôi làm sao mà chịu nổi. Tôi cứ vẫn vợ nghĩ ngợi. Cũng chẳng biết nghĩ ngợi gì. Buồn quá. Buồn đến ứa nước mắt.

Trăng đã lên qua khỏi bên sườn núi Ngang. Trăng tròn như quả bóng vàng au. Tôi man mác nhớ tới câu chuyện Chú Cuội ngồi gốc cây đa, bèn chăm chú nhìn lên Cung Quảng. Thử tìm xem lúc này Chú Cuội ngồi ở chỗ nào? Tìm mãi... tìm mãi cho đến mỏi mắt cũng chẳng thấy. Mặt trăng chỉ là một cái đĩa dát vàng lơ lửng giữa bầu trời. Nhưng tâm trí tôi vẫn cứ bị hút vào câu chuyện cổ tích. Để rồi đắm mình trong một giấc mơ. Có tiếng ai đó hát thoảng đến tai tôi, giọng con trẻ véo von vang lên giữa tĩnh mịch nghe sao mà lạc lõng, đơn điệu và thoảng buồn man mác:

Chú Cuội ngồi gốc cây đa

Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời

Cha còn cắt cỏ trên trời.

Mẹ thì cưỡi ngựa đi chơi thuyền rồng...

Tôi ngoảnh nhìn đó đây mọi phía xem tiếng hát đó vang ra từ đâu. Trời đất quanh tôi lặng tờ. Rừng núi xóm làng mờ dần trong sương. Đêm thu. Trăng sáng đến lạnh lùng. Tôi bỗng thấy mình bé nhỏ quá, cô đơn quá.

Chợt có tiếng bước chân người lạo xạo giẫm trên đường đá đi về phía nhà tôi. Anh Thành đi rước đèn đã về ư? Không phải! Tôi bồi hồi chờ đợi. Cái Dung như từ trong ánh trăng, hệt như một cô tiên bé nhỏ xinh xắn và lộng lẫy, bước ra tiến lại chỗ tôi.

- Đẳng ấy ngồi một mình ở nhà à?

Không hiểu sao tôi lại xịu mặt không nói gì. Cái Dung sượng thật. Nó vừa xinh xắn lại là con nhà giàu, được bố mẹ chiều chuộng ăn diện thỏa thích. Còn tôi... Tôi cũng là một đứa trẻ như nó. Vậy mà sao tôi... sao tôi... Tôi những ghen ngào, có cái gì ghen tặc ở cổ họng.

Cái Dung ngồi sụp xuống bên cạnh tôi:

- Sao... đẳng ấy khóc à?

Tôi bỗng nấc lên như đứa trẻ tủi hờn với chị gái. Cái Dung quàng tay ôm tôi vỗ về:

- Thôi... nín đi! Tớ mang bánh dẻo cho đây này...

Nó dúm vào tay tôi gói bánh và kể lể:

- Mẹ tớ dẫn tớ vào trong Hệ Dưỡng ăn ở cỗ nhà một người cùng quê chạy tản cư vào đây. Chứ không, tớ đã sang chơi với đẳng ấy từ chiều cơ.

Tôi nói trong tiếng nấc:

- Thế không xem rước đèn à?

- Không. Ăn cỗ xong là tớ đòi mẹ đi về. Lội sang núi ướt hết cả quần đây này.

Nói xong, cái Dung buông tôi ra, đứng dậy: - Tưởng đẳng ấy đi ngủ nên tớ không mang xôi sang. Để tớ về lấy cho nhé.

- Tớ không ăn đâu - Tôi lắc đầu.

- Không. Xôi ngon lắm! Có cả thịt gà nữa...

Nó vụt chạy về nhà. Tiếng đá lạo xạo dưới chân. Tôi kéo vạt áo lên lau nước mắt. Nỗi buồn tủi dần dần tan biến. Cái Dung trở sang với gói xôi to tướng bọc lá chuối:

- Đẳng ấy ăn đi này.

Tôi lắc đầu:

- Tớ không ăn thật mà. Bụng no rồi.

- Thế chiều nay đằng ấy ăn cơm với gì?
- Ăn với mắm cua.
- Vậy thì ăn thêm ít xôi với thịt gà đi. Ngon lắm cơ.

Tôi xua tay:

- Tớ chẳng ăn nữa đâu.

Thấy tôi dứt khoát. Cái Dung đành chịu, nó đỡ dành:

- Vậy tớ cất vào nhà để sáng mai đằng ấy ăn nhé?

Chẳng cần tôi có đồng ý hay không, cái Dung cứ mang gói xôi vào để trên phản. Khi quay ra nó bảo:

- Còn cái bánh dẻo thì đằng ấy ăn ngay vậy.

Rồi nó cứ bắt tôi phải ăn bằng đũa. Tôi dè dặt cắn một miếng bé. Chao ôi... ngon quá đi thôi. Mùi bột nếp thơm lừng, dẻo dẻo là. Nước miếng ứa ra đầy miệng. Cái Dung im lặng nhìn tôi ăn. Nó nghĩ gì? Nào tôi có biết. Rồi nó lên tiếng:

- Hôm nay mẹ con tớ gặp ông giáo Kỳ đấy.
- Thế hả?

Tôi ngược mắt nhìn nó, không biết thầy giáo Kỳ có còn nhớ tôi nữa không? Cái Dung kể cho tôi nghe mọi chuyện. Ông giáo Kỳ mời mẹ con nó vào nhà chơi. Nhà ông làm cổ Trung thu to lắm. Hoa quả, bánh trái xếp đầy trên ban thờ. Ông giáo nói với mẹ nó nhiều chuyện lắm. Ông Kỳ khen nó viết chữ đẹp, chăm chỉ học tập ở lớp. Ông còn hỏi mẹ cái Dung có biết vì sao tôi bỏ học không. Mẹ nó liền kể mọi sự thể. Ông Kỳ ngồi ngẩn ra nghe. Ông cứ lắc đầu trăn:

- Nó là thằng bé học sáng dạ lắm - ông nói: - Thật là tội nghiệp cho thằng bé. Chứ nếu nó vẫn khỏe mạnh, được học hành thì sẽ tấn tới đấy.

Cuối cùng, cái Dung bảo:

- Ông giáo đưa tớ mang cái bánh dẻo về cho đằng ấy đấy.

Nghe cái Dung nói mà lòng tôi bỗng xốn xang một nỗi khát khao khó tả. Liệu đến bao giờ thì tôi chạy nhảy đi lại như chúng bạn để cùng cắp sách tới lớp học?

Sực nhớ ra điều gì, cái Dung reo to:

- À... Ông giáo Kỳ bảo tớ hỏi đằng ấy có còn nhớ mặt chữ, đọc sách được không?
- Để làm gì?
- Ông giáo sẽ cho đằng ấy mượn sách truyện mà đọc.

Tôi lắc đầu thất vọng:

- Nhưng tớ làm sao đi được vào trong làng?

Cái Dung hiểu ý tôi muốn nói, nó bật cười:

- Rõ ngốc! Tớ sẽ mượn mang về cho đằng ấy chứ.

Tôi ngồi ngẩn ra. Từ ngày ốm dậy, sao tôi không nghĩ tới chuyện học hành, đọc sách cho nó bớt buồn? Tôi đưa tay gãi gãi đầu:

- Ừ nhỉ. Nhưng chả biết bây giờ giờ vỡ ra xem chữ tớ có còn nhớ hay không đây.

Tôi bèn bảo cái Dung vào lấy vở của anh Thành ra cho tôi xem thử. Chà khoái quá! Tôi vẫn còn nhớ mặt chữ, đọc lưu loát như trước có sượng không. Cái Dung nhìn tôi mỉm cười, lõm sâu má lúm đồng tiền trên má. Nhưng cả hai tay tôi cầm quyển vở cứ run run. Cái Dung bảo là không sao cả. Tôi có viết lách gì đâu mà lo. Cứ đặt sách xuống phản rồi lật từng trang ra mà đọc.

Đã khuya. Cái Dung ra về. Tôi cũng vào nhà, lên giường đi ngủ. Con Vàng sửa ông ổng phía ngoài chuồng lợn rồi vào nằm ở hiên trước cửa ra vào. Nó còn ư ử trong họng mấy tiếng nữa mới thôi. Nó thật là con vật mẫn cán với công việc thuộc bốn phận mà chủ nhà phó thác. ánh trăng hắt vào bùng sáng cả góc nhà. Tôi nằm thiu thiu đi vào giấc ngủ lúc nào không hay, ngon lành và thanh thản.

PHẦN BA

Cuộc hành quân trong bồ

Vào một buổi sáng. Khi tỉnh giấc tôi đã thấy trong nhà có bốn năm người đàn ông còn rất trẻ. Họ ăn vận áo quần giống nhau, đầu người nào cũng gần như cạo trọc, đang trò chuyện râm ran. Người nằm, người ngồi. Có một người ôm cái hộp bằng gỗ hình thù rất lạ, giống như quả bầu phình ra thắt vào có cái cần dài, đầu cần có những cái núm, căng sáu dây song song với nhau, anh gãi mấy ngón tay vào bật thành tiếng trầm bổng, thánh thót ngân vang, miệng anh khe khẽ hát lời bài ca nghe đến du dương:

Làng tôi xanh bóng tre

Từng tiếng chuông ban chiều

Tiếng chuông nhà thờ rung...

Làng tôi theo đoàn quân du kích

Cướp lấy súng quân thù, trả thù xưa...

Tôi bần thần nhìn họ vừa lạ lẫm vừa khó hiểu nhưng vẫn bị hấp dẫn và cuốn hút. Rồi một người trong số họ trông thấy tôi, lên tiếng:

- Em nhỏ ngủ dậy rồi đấy à?

Tôi lắp bắp trả lời người khách lạ:

- Dạ... vâng...

Anh Thành bung nồi cơm từ dưới bếp lên, giục tôi đi rửa mặt. Tôi liền tụt xuống lết từng bước ra vại nước. Tôi hỏi anh:

- Mấy người đang ở trong nhà mình là ai thế?

- Các anh bộ đội Cụ Hồ đấy. Họ về hồi khuya, đóng quân rải khắp từ trong Hệ Dưỡng ra xóm Núi Ngang mình. Đông lắm. Chắc các anh ấy sắp kéo xuống đánh bọn Tây ở phía Phát Diệm hay sao ấy.

- Sao anh biết?

- Thì nghe các anh ấy xì xào nói chuyện với nhau. Tao đoán thế.

- U có biết các anh ấy về trọ ở nhà mình không?

- Có chứ. U cho năm người ở nhà mình. Cái anh đang nằm ngủ tên là Hào. Chỉ huy đấy. Còn anh đang đánh đàn ghi ta tên là Phả làm y tá tiểu đoàn, quê mãi ở Hà Nội cơ.

Tôi cứ lác mắt nghe anh Thành nói. Anh ấy biết đến nhiều. Suốt ngày tôi cứ ru rú ở nhà nên chẳng hiểu mô tê gì cả.

Tôi lết chân bước vào tới hiên thì anh Phả buông cây đàn xuống giường, chạy ra đỡ tôi.

- Em bị liệt chân à? - Anh hỏi.

- Ông ngoại em bảo em bị bán thân bất toại ạ.

- Năm nay em mấy tuổi rồi?

- Dạ... em đã mười tuổi ạ.

- Tên em là gì?

Tôi ngoảnh lên nhìn anh Phả. Cũng chỉ hơn chú Thìn tôi một hai tuổi là cùng:

- Tên em là Vững ạ.

Anh Phả nắm chặt cánh tay tôi dắt lên thềm.

Anh Thành đi học. Thăng Bền chạy theo mấy đứa trẻ con trong xóm lau nhau sáu bảy tuổi nô nghịch quanh quần bên sườn núi. Anh Phả với mấy anh bộ đội rồi cũng đi. Nhà chỉ còn lại mình tôi với quyển truyện mà cái Dung mượn giúp ở nhà ông giáo Kỳ.

Từ hôm có bộ đội Cụ Hồ về đóng quân, xóm Núi Ngang và nhất là nhà tôi lúc nào cũng có người qua lại nhộn nhịp. Tôi không còn cô đơn buồn chán nữa. Ngày nào anh Phả cũng tắm rửa cho ba anh em tôi sạch sẽ. Nhất là tôi. Lúc rồi rãi anh còn kể chuyện hay dạy tôi hát. Anh làm y tá nên biết tiêm thuốc và chữa bệnh. Anh bảo nếu hồi tôi mới ốm mà được đưa đi nhà thương chữa sớm thì không như thế này. Tuy là người thành phố, anh Phả da đen nhẻm như củ sừng. Vậy mà nom anh đến duyên. Chả thế mà dạo này chị Nhàn hôm nào cũng lấy cớ sang với tôi để nghe anh Phả hát, nghe anh Phả gảy đàn ghi ta. Tôi thấy anh Phả cũng chiều chị Nhàn lắm. Nhiều khi anh ngồi hàng buổi gảy đàn và hát cho chị Nhàn nghe. Tiếng đàn và lời ca quyện vào nhau trầm bổng, thánh thót du dương khuấy động làm xao xuyến tâm hồn thơ bé của tôi. Tôi bồi hồi như nghe rõ tiếng hạt mưa thu rơi. Tôi băng khuâng như chính mình là người lữ khách bên sông ngóng cô lái đò. Tôi thổn thức cùng chàng trai nào đấy ngẩn ngơ chẳng thấy bóng dáng cô bạn láng giềng đâu. Và, tôi còn mơ màng tưởng được cả một buổi chiều trên chiến khu rừng nơi Việt Bắc xa mù, với những cô sơn nữ đi trong rừng vắng...

Chị Nhàn bế tôi ngồi lên lòng. Nhiều lúc chị ghì chặt tôi, nhìn anh Phả không chớp mắt, ánh mắt long lanh, đôi má ửng hồng trông xinh hơn mọi ngày.

Chắc hẳn có bọn Việt gian chỉ điểm nên chỉ mấy ngày sau, vào buổi chiều thứ sáu, giặc Pháp cho máy bay đến ném bom oanh tạc xứ đạo Hệ Dưỡng và các làng lân cận tới chập tối mới yên. Bọn trẻ con xóm Núi Ngang hoảng hốt sợ hãi, không đứa nào dám nhí nhố đứng ngoài ngó lên trời xem tàu bay nhào lộn như mọi bận nữa, chui tọt cả vào hang. Đến khiếp! Bom từ trên trời rơi xuống lã chã từng chùm như phân trâu. Nổ ầm ầm tai lộng óc. Anh Phả đề lên tôi che chắn kéo mảnh bom bắn vào hang trúng phải người. Mỗi lần tiếng bom nổ gần, sức ép tủa vào miệng hang hất chúng tôi lên. Núi Ngang như con voi khổng lồ thời tiền sử nằm phủ phục giữa cánh đồng rung chuyển lay động đến tận lòng núi.

Gần tối lũ tàu bay Pháp mới cuốn gói sạch. Bầu trời trở lại yên tĩnh. Những cánh đồng, làng xóm và núi non quanh vùng Hệ Dưỡng như rỉ máu, toang hoác những vết thương, nhà cháy, tháp chuông nhà thờ sập đổ và làm nhiều người chết, bị thương. Đơn vị đóng quân trong vùng có mấy chiến sĩ hy sinh, anh liên lạc của tiểu đoàn bị mảnh bom phạt cắt đứt bàn chân. Con lừa chuyên đi tải gạo cho bộ đội bị bắn chết dọc đường.

Tối mịt cha tôi từ cơ quan tỉnh bộ mặt trăn trở. Ông gặp anh Hào. Hai người dắt nhau ra đầu núi trao đổi chuyện gì đó.

Mấy anh nuôi mang thịt lừa đem chia cho những gia đình nghèo ở xóm Núi Ngang. Nhiều nhà không chịu nhận bảo để bộ đội làm thức ăn đi đường.

Đêm hôm ấy cha tôi đi luôn. Tôi có linh cảm cuộc sống như đang ngấm ngầm xảy ra một cái gì đó rất trọng đại, nên cha tôi cũng như các anh bộ đội chuyện trò với nhau cứ thì thầm, bí mật lắm.

Sáng ra, tôi không thấy anh bộ đội nào còn ở nhà mình nữa. Các anh đã bí mật lên đường hành quân từ lúc khuya, cả xóm Núi Ngang không một ai biết. Căn nhà tôi lại trống vắng như trước.

Tôi cảm thấy hẫng một cái gì, thiếu vắng một cái gì. Chợt có tiếng chị Nhàn hát vang sang:

Các anh đi ngày ấy đã lâu rồi

Xóm làng tôi còn nhớ mãi

Các anh đi đến bao giờ trở lại...

Lòng tôi cứ nôn nao nổi nhớ. Các anh bộ đội hành quân đi đâu? Lúc này các anh có mặt ở vùng nào?

Ít lâu sau, cơ quan Ty nông chính tỉnh chuyển tới xóm Núi Ngang ở. Nhà tôi là nơi ở và làm việc của bác trưởng ty, mấy nhân viên văn thư, đánh máy và nấu cơm.

Việc học hành của anh Thành và cái Dung gián đoạn vì lớp không thể mở được. Tàu bay Pháp suốt ngày đêm vè vè trên trời thám thính. Cũng may, những lúc rỗi rãi các bác các chú cán bộ Ty nông chính dạy đám trẻ làm tính, viết âm tả. Thành ra tôi có điều kiện theo học được. Tôi thử sức cùng học bài với cái Dung xem có được không. Sau mấy buổi, các chú bảo tôi học được, đôi khi lại còn khen tiếp thu nhanh. Tôi hào hứng học tập và cảm thấy mình không bị bỏ rơi, lạc lõng như trước nữa. Có điều tay phải tôi cầm bút vẫn còn ngượng ngập và run lăm, khiến chữ viết nguệch ngoạc như gà bới.

Vừa sáng ra. Bầu trời u ám và buồn tẻ. Ba anh em chúng tôi đang ngồi ăn cơm thì bác Vinh chạy sang:

- Ô hay! Sao mẹ các cháu đi chợ sớm vậy?

Tôi hỏi bác Vinh:

- Có chuyện gì thế bác?

- Người ta đồn bọn Tây ở dưới bốt Phát Diệm đang đánh lên thị xã Ninh Bình rồi đấy.

Bác đưa mắt nhìn khắp nhà rồi bảo:

- Thôi... các cháu ăn cơm nhanh lên. Anh em bảo nhau thu dọn đồ đạc gọn lại chờ mẹ về đi tản cư ngay kẻo không kịp.

Nói xong, bác Vinh hốt hải quay ra, miệng lẩm bẩm:

- Rõ khổ... Tây càn đến nơi rồi mà mẹ chúng nó còn tiếc buổi chợ! Không khéo giặc nó kéo đến thì khổ...

Ba anh em chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau rồi đột nhiên cuống lên. Ăn vội ăn vàng. Nhất là nghe thấy tiếng tù và từ trong Hệ Dưỡng vọng ra nghe ù ừ rờn rợn. Xóm Núi Ngang bỗng nhốn nháo tiếng bước chân, tiếng người gọi nhau í ới, gất gỏng hoặc quát tháo, tiếng trẻ con gào khóc cùng với tiếng lợn kêu, chó sủa. Nhìn ra cánh đồng, người tản cư gồng gánh bế bồng hối hả bước thấp bước cao, bọn trẻ con chạy theo bạt mạng lội bì bõm, lúi thúi lệch thếch. Trâu bò lồng tót lên phía trước, tạt qua cả ruộng lúa xanh rờn mà vẫn bị quất roi vun vút vào mông, kêu rống lên, vọng vào núi đá.

Mẹ con chị Nhàn tất tưởi tay nải, bị gậy, gánh gồng ra đi. Thấy ba anh em tôi đứng nép vào nhau trước cửa nhón nhác như mấy con chim non vắng mẹ gặp bão, chị Nhàn ái ngại ngoảnh lại bảo:

- Mẹ con chị chạy trước nhé. Đứng ở cửa làm gì nữa. Vào thu dọn đồ đạc giường chiếu đi.

Rồi tới mẹ con bác Vinh đi tiếp. Cái Dung cuống cuồng chạy sang an ủi:

- Chắc mẹ đảng ấy sắp về rồi. Tây đi càn tan chợ còn gì. Thôi tớ đi nhá.

Nó nhìn vào mắt tôi như muốn nói gì nữa mà không nói được rồi quay đi. Cứ thế. Tiếng chân người, tiếng lợn kêu, chó sủa và tiếng gọi nhau giục giã, í ới, đi qua.

Anh Thành chạy loang quanh trong nhà rồi lại ngó ra cửa chẳng biết thu dọn cái gì. Thăng Bền tự dưng òa lên khóc. Còn tôi... thực sự là tôi lo sợ quá. Liệu mẹ tôi có về kịp không? Mà về kịp thì chạy đi đâu? Ai là người gánh gồng đồ đạc hàng hóa? Ai là người đu thăng Bền, công tôi? Hay là mình tôi ở lại? Cha mẹ ơi, tôi mà phải ở lại, Tây nó đến nó giết tôi mất. Khủng khiếp quá!

Cái thăng Tây người cao lêu đêu, lông lá, mũi khoằm khoằm, mắt sâu hoắm xì xồ ra lệnh cho thăng lính bắn. Một phát đạn nổ đoàng. Thế là tôi lăn đùng ra chết. Hay là... có khi thế lại hay, đỡ khổ cho mẹ tôi, đỡ vất vả cho mọi người.

Tôi ngồi dần mặt ra vò dầu bèo chân. Thật khốn khổ! Tôi là đứa bé biết ăn biết nói và biết nghĩ. Giờ đây trước loạn lạc càng bộc lộ rõ tôi chỉ là cái bị thịt, sống chỉ ăn báo cô chứ được tích sự gì. Sống mà như thế này thì cũng coi như đã chết.

Con Vàng cũng quính lên. Nó quấn vào tôi ngo ngoe ngác ngác. Chưa được yên chỗ một lúc nó lại chạy ra quấn vào chân anh Thành để trông cây sự chở che. Nó đã cảm thấy tai họa đang đến gần. Vương cẳng, anh Thành đá vào mông nó. Con Vàng kêu “ăng” lên một tiếng nhẩn chịu chứ không dám cắn lại chủ, đành quay lại chỗ tôi, nằm phủ phục nghếch cái đầu, mắt lơ lảo nhìn. Không rõ nó nghĩ cái gì.

Khoảng trưa mẹ tôi mới về tới nhà. Hót hải và lo sợ. Bà quát tháo ầm lên. Anh Thành giúp mẹ tôi cất giấu cái đỉnh đồng, cái nồi mười lăm, chậu thau, đôi mâm và hòm sách thuốc ông ngoại cho vào hang.

Xóm Núi Ngang vắng teo. Chắc chỉ còn gia đình tôi với vài nhà nữa là cùng. Mẹ tôi cuống cuống thu dọn chỗ hàng xén gọn vào một cái bồ, còn cái bồ kia đựng ít gạo, vài thứ nồi niêu bát đĩa, tay nải quần áo, hàng hóa đồ đạc của gia đình dồn lên vai mẹ tôi, làm sao có thể mang hết được đi bây giờ? Bà trở nên quẩn trí, rên rỉ chửi rủa chúng tôi. Nhất là tôi. Rồi bà òa khóc. Thằng Bền nhón nhác khóc theo. Cuối cùng thì anh Thành với tôi cũng mếu máo.

- Thằng Thành có công được thằng Vững không? - Mẹ tôi hỏi.

- Thế còn thằng Bền? Còn hai con lợn? - anh Thành bắn khoả hỏi lại.

Tôi tập tễnh lê bước chân lại phía mẹ:

- Thôi con ở lại với con Vàng trông nhà và trông hai con lợn.

Hai mắt mẹ tôi ánh lên cái nhìn lạ lẫm:

- Mà muốn chết à? Què thì què nhưng Tây nó có Việt gian. Chúng nó sẽ biết mày là con Việt Minh, bố làm cán bộ kháng chiến, nó giết chứ không tha đâu.

Tiếng moóc-chi-ê từ dưới Phát Diệm, dưới bốt núi Sâu của giặc Tây đã bắn lên, thỉnh thoảng lại tắc bọp... veo, ùng oàng như thúc dít mọi người. Bỗng mẹ con chúng tôi đương dờ khóc dờ mếu loay hoay với đôi bồ, tay nải áo quần và rổ bát đĩa thì chợt có một người đàn ông từ trong làng Hệ Dưỡng đi ra tìm vào nhà tôi.

- Tôi là Thịnh - người đàn ông xưng tên - ở xóm nhà thờ trong Hệ. Anh Thành nhẩn đoàn thể xã giúp đỡ đưa chị và các cháu tản cư vào Đình Trung, chỗ cơ quan Ty nông chính vừa chuyển đến. Nếu tình hình đợt này giặc Pháp càn ta căng, Ty nông chính chuyển đâu thì anh em sẽ đưa chị và các cháu chạy theo.

- Thế còn nhà tôi? - mẹ tôi mếu máo hỏi.

- Anh Thành phải ở lại lãnh đạo chống càn.

- Anh có biết nhà tôi ở đâu không?

- Tôi không được biết. Anh ấy về cơ quan huyện ủy từ tuần trăng trước rồi. Thôi... tôi cũng chẳng biết gì hơn để nói cho chị biết đâu. Chị chuẩn bị quang gánh tôi quấy giúp cho. Cái gì nặng chị cứ chuyển cho tôi.

Bầu không khí hốt hoảng và bế tắc bao trùm lấy mẹ con tôi được phá tan. Người đàn ông tên là Thịnh bế tôi và thằng Bền đặt vào một bên thúng cái, còn bên thúng kia chất nào gạo, nồi niêu bát đĩa, tay nải quần áo. Mẹ tôi gánh một bên bồ đựng hàng xén, cái chiếu, tấm chăn chiên; một bên bồ nhét đủ thứ từ hũ mắm cua, niêu muối, chai dầu tây... nghĩa là nom thấy thứ gì có thể mang đi được là vơ ráo bỏ tất vào bồ.

Anh Thành lẳng xằng đeo túi dết đựng mấy quyển vở với cái chăn chiên cuộn lại buộc chéo vai, dắt con Vàng chạy trước. Chú Thịnh nhắc gánh lên vai rảo bước. Chỉ một lúc sau, cả mẹ tôi lẫn anh Thành vừa chạy vừa thở cũng không đuổi kịp.

Ngồi trong thúng chao đi chao lại theo nhịp chân bước, thằng Bền lấy làm khoái chí như ngồi ở trong nôi. Nó hò hét gọi anh Thành, gọi mẹ rồi rít. Nhiều khi nó còn co quang rướn

người đứng lên làm cho chú Thịnh phải quát mấy lần. Còn tôi, chỉ biết ngồi lặng im ngơ ngác nhìn lên bầu trời đầy mây đang kéo về phủ kín.

Dân các làng trong vùng kéo nhau lũ lượt chạy tản cư vào núi. Cả dân ngoài Bộ Đầu quê ngoại tôi nữa. Rồi thấy cả dân thị xã cũng chạy vào đây. Táo tác vội vàng.

Trời nổi giông, không khí mát dịu.

Tới Đình Trung vào lúc chạng vạng tối. Cơ quan Ty nông chính đóng ở một cái hang đá cao rộng như một tòa nhà lớn chứa được hàng trăm người. Thấy mẹ con tôi gồng gánh nhau vào, mấy bác cán bộ nhào ra đón. Người đỡ mẹ tôi, người đỡ chú Thịnh, người dắt anh Thành.

Con Vàng nhảy phốc lên hang, ngoáy tít đuôi mừng gặp lại người quen. Mấy bác cán bộ cứ trách mẹ tôi:

- Đã bảo chị cho các cháu chuyển cùng chúng tôi từ tuần trước thì đâu đến nỗi. Giờ đồ đạc, đàn lợn phải bỏ lại đây.

- Mai em quay về mang bán đi vậy.

- Chắc mai có còn không?

Được được đốt lên. Mẹ con chúng tôi ngồi bệt xuống những tảng đá trong hang nghỉ một chút cho đỡ mệt. Nói gì đó với mấy bác cán bộ Ty nông chính rồi ra chào mẹ con tôi - chú Thịnh quay về làng ngay để kịp chuẩn bị chống càn. Chúng tôi không kịp đun nước mời chú uống.

- Không việc gì phải khách khí như vậy, chị ạ. Đưa mẹ con chị vào đây tránh giặc cũng là nhiệm vụ của đoàn thể địa phương.

Nói rồi, chú Thịnh nhảy một cái lên cửa hang. Tôi chỉ còn nghe thấy tiếng đá lạo xạo, đoán chắc chú đang lần xuống núi.

Mẹ con tôi vội thu xếp một chỗ để ở tạm. Trong lúc này, tôi thực sự là đứa bé vô dụng. Còn hơn thế, vì tôi mà mọi người khó nhọc. Bỏ tôi ở lại chắc mẹ không đang tâm, mà tha cho được mới cực nhọc làm sao. Bà ở trong tâm trạng hoang mang, chẳng biết tính toán định liệu cho mấy đứa con thế nào cho phải. Nghe bình tình chuyển này giặc Pháp mở đợt càn quét lớn lắm, lan rộng ra khắp vùng tây nam Ninh Bình. Làm thế nào chạy thoát và làm gì để sinh sống bây giờ? Các bác ở Ty nông chính bàn với mẹ con tôi là cơ quan chuyển đến đâu họ sẽ đưa mẹ con tôi theo tới đó. Còn chuyện cơm cháo thì có gì ăn nấy, khi bắt được liên lạc với tỉnh, ắt có tiếp tế thôi. Xem chừng mẹ tôi vẫn không yên bụng. Cơ quan đã thiếu thốn mọi bề, lại còn lĩnh lĩnh đồ đạc, hồ sơ giấy má, máy chữ máy in... giờ đã mang cả mẹ con tôi sao xuể. Mẹ tôi định bụng sẽ quay về Núi Ngang bán đôi lợn với số đồ đồng cất giấu trong hang đá. Gôm lấy ít tiền rồi tìm đường đưa anh em chúng tôi chạy vào Thanh Hóa.

Chắc mệt lắm nên mẹ tôi với anh Thành ngủ rõ say. Riêng tôi thì vẫn không thể nào chợp mắt được.

- Mẹ thằng Thành có trong đó không?

Tôi vùng dậy, lần lại chỗ mẹ tôi nằm lay người. Bà đang mệt, vừa thiếp đi được một lúc nên gắt:

- Để cho tao ngủ! Ỉa đái thì cứ lần ra cửa hang ấy.

Tôi gắng dần lòng lại, nói:

- Có ai gọi u ở cửa hang chứ con có muốn gì đâu.

Nghe vậy mẹ tôi mới nhồm dậy:

- Hay là thầy mày đến tìm cũng nên...

Tiếng người gọi ở ngoài cửa hang lại vọng vào:

- Mẹ thằng Thành có ở trong đó không?

- Có! - Mẹ tôi nhận ra tiếng đáp như cái máy. Bà vội bò lên cửa hang:

- Ai gọi đấy?... À... thầy vào đấy ă?

Hóa ra ông ngoại cùng cậu Phùng vào tìm đón mẹ con tôi đưa đi tản cư lên Rịa.

- Sao lại đi lên Rịa hả thầy? - Mẹ tôi hỏi lại.

- Cứ chạy lên đấy đã rồi liệu tính sau. Chồng mày có tạt qua làng gặp thầy. Nó cho biết có thể giặc Pháp tung lính mở càn lớn ra khắp tây nam Ninh Bình. Chuyến này có khi đánh nhau to. Chúng tao ai bắt được chồng mày sẽ được thưởng ba vạn đồng Đông Dương. Chúng còn treo giải cho người bắt được mẹ con nhà mày nữa...

Mẹ con tôi nghe ông ngoại nói mà bủn rủn cả chân tay. Tôi lo sợ cho cha tôi quá. Giờ cha tôi ở lại chống càn, ngộ nhớ sa vào tay giặc thì chết với chúng. Được dịp mẹ tôi liền ca cẩm oán trách cha tôi đủ điều. Rằng người ta lấy chồng được cậy nhờ chồng. Đằng này, đã chả giúp gì cho vợ đỡ cực, lại còn đa mang đeo bồng, vẫn chỉ một thân một mình gánh vác gia đình. Giờ sự thể đến nông nổi này còn biết liệu tính sao? Không chạy kịp thì... chả nhẽ chịu chết?

Nghe ông kể mọi chuyện tôi mới biết là ông có đi họp trên huyện, được nghe nói rõ tình hình hẳn hoi. Nhưng ông chép miệng:

- Đến khổ, về vận động bà con dân làng đi tản cư sớm, làm vườn không nhà trống để giúp du kích tiện bố trận đánh giặc thì chả ai nghe cho. Chủ quan. Đến khi Tây nó bắn đì đoàng ở dưới Phát Diệm lên, thế là nháo nhào như tổ ong vỡ...

Ngoài trời vẫn rả rích mưa. Bằng mọi cách mẹ con tôi phải ra đến Ghềnh trước rạng đông.

Mẹ tôi vào gọi một bác cán bộ của Ty nông chính, gửi lời chào mọi người, rồi tất tả quấy đôi bồ nặng trĩu vai xuống núi. Ông ngoại đội nón, khoác áo tơi lá công tôi, chống gậy dò dẫm đi từng bước. Anh Thành và cậu Phùng cũng thẳng Bền cũng khoác mỗi người một chiếc áo tơi lá. Riêng mẹ tôi thì buộc tấm vải nhựa để đặt đòn gánh trên vai cho dễ. Đôi bồ được che bằng miếng vải nhựa kéo đồ đạc thấm nước.

Mưa dai dẳng và nặng hạt. Đường trơn như đổ mỡ. Đêm chuyển về sáng tối nhờ nhờ. Người nọ chờ người kia đi như bò từng bước.

Mưa thưa hạt dần rồi tạnh hẳn. Trời chuyển mây trong ra. Bóng tối loãng hơn. Đã nhìn thấy mặt người nhò nhem. Chốc chốc ông ngoại lại lên tiếng nhắc tôi:

- Ôm chặt lấy ông, đừng ngủ cháu nhé!

Cuối cùng, chúng tôi cũng tới bến đò. Thấy chúng tôi tới, ông lái đò lên tiếng giục:

- Có đi sang Ghềnh thì mau chân xuống thuyền. Nghe nói Tây nó chiếm thị xã rồi.

Thế là cha con ông cháu vội vàng bồng bế nhau xuống thuyền cho mau. Khi người lái đò chống sào sắp tới bờ bên kia thì chúng tôi nghe thấy tiếng chó sủa ông ổng vọng theo.

- Con Vàng! - Tôi thốt kêu lên.

Mấy mẹ con tôi đều ngẩn ra. Con Vàng đang sủa gọi chúng tôi đó. Bởi cả nhà quính lên với đồ đạc gồng gánh nên quên bằng nó. Hẳn là nó chạy đuổi theo nhưng không kịp. Giờ biết làm thế nào? Ông lái đò cũng vội lăm rồi. Tôi ngồi ở sạp thuyền nghe con Vàng sủa theo lạc cả giọng mà cứ ngẩn ngơ thương tiếc. Con thuyền gần tới bờ bên này thì bờ bên ấy cũng xa. Tôi căng mắt nhìn lại. Mặt nước mênh mang tới chân dãy núi đen thẫm trùng điệp. Không tài nào nhìn thấy con Vàng được. Nhưng tiếng nó sủa được vách núi vọng đến âm vang khắc khoải.

Tới bờ. Cha con ông cháu lại gánh gồng bồng bế nhau lội qua cánh đồng ngập nước đến mắt cá chân, đi lên Ghềnh. Im ắng đến rợn người. Có vài bóng đen đi ngược lại. Cậu Phùng với anh Thành chột đứng sững, khe khẽ gọi:

- Thầy ơi...

- Ông ơi...

Khi gần giáp mặt nhau, một trong mấy người kia lên tiếng hỏi trước:

- Ai...? À chạy tản cư hả?

Không kịp để ông ngoại trả lời người đó nói tiếp:

- Đi mau chân lên.

Mẹ tôi hỗn hển hỏi:

- Tây nó đến đâu rồi, các ông?

- Hình như nó đến Cầu Yên rồi thì phải! Chú ý không có bọn Việt gian gián điệp phục kích đấy nhé.

Từ Cầu Yên vào tới Ghềnh không xa. Mẹ tôi bỗng cuống lên giục:

- Thôi mau chân lên, thầy ơi...

Cậu Phùng và anh Thành bị thúc chạy nhanh lên trước. Ai nấy đều phấp phồng lo gặp phải Tây hay bọn Việt gian mai phục rình nấp đâu đó. Cứ gặp bụi cây đại nào um tùm là lên tiếng hỏi: "Ai?" Chẳng có ma nào trả lời. Vậy mà cứ len lén bước qua, mắt không rời bụi cây đen kịt im lìm. Chợt ông ngoại nói:

- Mấy người ban nãy là du kích đấy.

- Thế họ đi đâu vậy thầy? - Mẹ tôi hỏi cốt để vững dạ.

Tôi ngồi sau lưng ông cũng thấp thỏm lắng nghe. Ông ngoại lại lên tiếng:

- Họ đi cài chông hay gài mìn đấy.

- Để làm gì ạ? - Mẹ tôi hỏi đến ngớ ngẩn.

- Để cản đường bọn giặc chứ để làm gì...

Đến Ghềnh thì gà te te gáy. Sáng đến nơi rồi. Chúng tôi vào một nhà bên đường nghỉ chân. Chủ nhà cho gia đình tản cư sạch chỉ còn lại một mình trông nom đồ đạc chưa chuyển được. Ông ta nói chuyện với ông ngoại và mẹ tôi, thì thảo chứ không thành tiếng. Bảo mẹ tôi giết gà nấu cơm đi. Tý nữa sáng bạch thì không thể đun nấu gì được đâu.

Cậu Phùng, anh Thành và thằng Bền nằm lăn ra đất ngủ. Mệt quá mà. Ông ngoại với chủ nhà ngồi lặng yên như hai cái bóng. Thỉnh thoảng mới nói khe khẽ với nhau đôi ba câu, hoặc hút thuốc sòng sọc. Hai mắt tôi díp lại rồi tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Chúng tôi bị đánh thức dậy. Vừa dụi mắt vừa ăn cơm. Vậy mà mẹ tôi vẫn giục ăn từa lên chứ không Tây nó đến nơi bây giờ. Sau một đêm gồng gánh và lo âu, mẹ tôi hốc hác trông thấy. Mặt vàng bệch, mắt thâm quầng, lúc nào cũng cau có.

Đang ăn cơm thì cậu Tùng từ Rịa trở lại như ông ngoại đã hẹn. Cả nhà mừng rỡ. Cậu mượn được chiếc xe đạp cọc cạch, không chuông, không phanh... Chỉ trơ khắc cái khung cùng đôi bánh... thế thôi. Dắt xe dựng vào vách. Cậu nói với ông ngoại:

- Giờ con đèo thằng Vững đi trước. Xong con trở lại. Tý nữa thằng Sơn, con nuôi anh Bội cũng mang xe đạp đến rước thầy. Cái Thảo đang ở ngoài đường, nó gánh cho chị Thành một ít đồ đạc.

Ông ngoại gật đầu:

- Thế cũng được. Thầy tính cả nhà cứ lên đường đi tiếp rồi mấy đứa bay quay lại gặp nhau đón đó. Chứ bình tình này không thể dềnh dàng, Tây nó kéo tới Ghềnh không biết đâu mà lường.

Trời sáng đã nhìn rõ mặt nhau. Đằng đông ửng hồng nơi chân mây báo hiệu một ngày nắng ráo.

Cậu Tùng buộc cái chăn chiên vào dóng ngang xe đạp. Bế tôi ngồi lên, bảo hai tay nắm chặt lấy ghi đông cho chắc. Cậu du du xe thử xem tôi ngồi đã vững chưa rồi nhảy pê-đan phóng xe

vọt lên.

Lúc đầu tôi lấy làm khoái được ngồi xe đạp phóng như bay đi trước, thích thú nhìn cảnh vật hai bên đường. Con đường từ Ghềnh đi lên Rịa là con đường đất đồi. Cũng chẳng có gì ngoài những bụi cây dại um tùm và những cây thường muông trổ đầy buồng quả chạy suốt hai bên đường lên đến đỉnh đồi, bạt ngàn như rừng. Giờ tôi mới biết đây là con đường đi chợ Vĩnh Khương mà tôi được nghe kể, ngày còn sống, bà ngoại vẫn thường mang rượu, vải vóc lên bán hoặc đổi cho bà con người Mường lấy lúa về xay. Suốt đời bà chỉ cố làm như thế mà bà nuôi nổi một gia đình hơn mười miệng ăn, lại còn xây nhà tậu ruộng, dạy dỗ con cái trồng bông, sợi dệt vải... thành một nhà khá giả trong làng.

Rồi xe xóc. Tôi ngồi ê cả mông chỉ muốn mau tới Rịa. Đường mỗi lúc một đông người chạy tản cư. Toàn đổ lên Rịa. Xe ngựa lộc cộc chạy qua, người đánh xe nào cũng vút roi liên tiếp vào mông ngựa thúc phi nước đại. Đường qua trận mưa rào ban đêm, giờ ráo nước đỏ quạch. Nắng lên. Đất đồi rực một màu gạch cua.

Cậu Tùng vòng tay lái, đạp xe rẽ vào lối nhỏ bên đường cái chỗ có cây mít cành lá tốt xanh.

- Đến nhà rồi.

Tôi nhìn thấy chị Yến và anh Tịnh con bác Bội chạy ra:

- Vững đấy à... xuống đi!

Cậu Tùng đỗ xe, nhưng vẫn để tôi ngồi trên dóng khung, dắt vào nhà mới bế tôi xuống. Tôi ngược nhìn ngôi nhà đến lạ của bác Bội mà sau này được biết đó là nhà sàn. Ngôi nhà rất to, cao ngất, sừng sững những cột gỗ cả vòng tay ôm mới xuể. Dưới sàn không có thung vách gì cả, bỏ trống tuềnh, ngổn ngang những cửa, bàn mộc và đồ nghề đục chạm của thợ, hai cái xe trâu đương đóng dở, dăm cái vòng bánh gỗ đã lắp vào vành sắt. Còn gỗ thì hàng đồng chất cao có ngon ngoài sân. Từ sàn đến mái lợp nửa, che chắn bằng những tấm phen cứng cáp và chắc chắn, mỗi gian đều mở cửa sổ có chấn song gỗ. Ngôi nhà được bao bọc một vườn cây mít lúc lỉu những quả quanh thân. Chị Yến với anh Tịnh tròn mắt nhìn tôi kinh ngạc sau vài năm mới gặp lại nhau. Tôi vốn là thằng bé khỏe mạnh, linh lợi. Giờ đứng trước mắt họ là một "bộ xương quật quèo" với cái đầu trọc tều to tướng như cái sọ dừa, mông teo lại, toàn thân "cắm" trên hai cái chân chỉ còn da bọc xương nhảnh như hai cái tằm oặt ra sau như cái trò lấy củ lang làm thằng người cắm mấy cái tằm làm chân tay. Như vậy, chị Yến anh Tịnh không thấy lạ lắm sao được. Nhất là chị Yến. Chị bằng tuổi tôi. Năm lên sáu tuổi tôi gặp chị Yến ở nhà ông ngoại. Hồi ấy chúng tôi về chịu tang bà mất.

Tôi cũng nhìn lại chị Yến, anh Tịnh ngỡ ngàng trước sự ngạc nhiên của họ. Có lẽ không tin vào mắt mình hay sao nên chị Yến lại đánh tiếng hỏi:

- Vững đấy à?

Tôi nhìn chị, chớp chớp mắt và gật đầu, cảm thấy mình yếu đuối và tiều tụy quá.

Cậu Tùng vào bếp uống nước rồi đi ra. Cậu không để ý đến chúng tôi đang nhìn nhau như kẻ ở Cung Trăng với người ở Trái Đất. Cậu hỏi:

- Thằng Sơn phóng xe đi rước ông rồi à?

- Vâng ạ! - Chị Yến lễ phép đáp.

- Thế mà tao không gặp... Thôi, cái Yến dắt thằng Vững vào hầm tránh máy bay, ngồi chơi. Cậu đạp xe quay lại đón thằng Bền đây.

Nói rồi cậu lại nhảy lên xe đi thẳng. Tôi tập tễnh lê từng bước một theo chị Yến đi ra phía đằng sau nhà sàn đến trước cửa hầm khoét ở sườn đồi. Sau giây phút ban đầu bàng hoàng đến khó hiểu, trẻ con chúng tôi rất chóng làm quen nhau nên chẳng mấy chốc đã ríu rít trò chuyện cởi mở. Tôi kể cho chị Yến nghe chuyện tôi bị ốm suýt chết như thế nào, mẹ con tôi chạy tản cư ra làm sao, và tôi tiếc ngẩn tiếc ngơ khi nghe tiếng con Vàng sữa ông ổng gọi theo từ bên dãy núi đá vôi vọng tới. Chị Yến an ủi:

- Thôi được. Để chị nói với bác cho nhà em một con chó khác. Con chó Bông nhà chị vừa mới

để một lứa năm con, lông trắng đẹp lắm.

Chị Yến không hiểu. Tôi đâu tiếc vì mất con chó rồi thay bằng một con chó khác là xong. Con Vàng nhà tôi khôn lắm. Nó không chỉ là một con chó giữ nhà, nó là người bạn của anh em tôi. Nhất là tôi. Con chó Bông lông trắng của chị Yến đẹp thật. Song đem so nó với con Vàng của tôi làm sao được. Không rõ từ lúc sửa gọi chúng tôi đến giờ, nó có còn quần quanh ở bên đồ nữa hay thôi? Nó đã biết mình lạc chủ chưa? Liệu nó có biết tìm đường trốn vào núi kiếm ăn không hay lại cứ lảng vảng ở đấy thì Tây đến, chết với tội nó mất thôi...

Có tiếng máy bay vè vè trên đầu dứt những ý nghĩ của tôi về con Vàng. Anh Tịnh kéo tôi:

- Vào hầm đi Vững. Máy bay cào cào bay thám thính đấy.

Hầm tránh máy bay của nhà bác Bội đào sâu vào lòng đồi, đâm thẳng rồi tách đôi theo hình chữ T. Nóc hầm được ken đầy những đoạn gỗ to như thân cây chuối để chống sập; hai bên vách hầm thẳng đứng, nhẵn như tường; nền hầm được rải một lớp ván cho sạch. Hầm tránh máy bay như thế này thì suốt ngày ở đây cũng không chán.

Mấy đứa đang mãi nói chuyện huyền thuyên với nhau thì bác Bội gái đi chợ Rịa về. Nghe nói tôi đã lên đang ngồi trong hầm, bác chạy vào mang theo một chùm quả đu đủ bằng ngón chân cái người lớn:

- Thằng Vững đã lên đấy à? Ăn dâu da đi cháu.

Bác nắm chân nắm tay tôi rồi bảo:

- Thôi... sống được thế này cũng là phúc đức lắm rồi! Nghe ông ngoại nói mà bác cứ rối cả ruột, ơ thế mẹ cháu đâu?

- Mẹ cháu với ông ngoại còn đi sau ạ.

- Thế... ngồi chơi nhé. Mệt thì cứ nằm kênh ra sàn gỗ mà nghỉ. Bác đi nấu cơm không trưa đến nơi rồi.

Tối trưa. Ông ngoại cùng mẹ tôi, dì Thảo, cậu Phùng, anh Thành, thằng Bền tới Rịa. Hóa ra cậu Tùng với anh Sơn lại mỗi người từng quãng bởi ai nấy cuộc bộ đều mỗi mệt quá.

Mọi người đang ồn ào trò chuyện hoặc rửa mặt mũi tay chân lấm bụi đường, đột nhiên bầu trời ầm ầm tiếng máy bay nhào lộn trên đầu ném bom oanh tạc. Tiếng súng máy bắn từ trên máy bay xuống liên hồi, tiếng bom nổ inh tai lộng óc. Vậy là người lớn, trẻ con nháo nhào chạy vào hầm, quát tháo gọi nhau ầm ĩ.

Cậu Phùng chui vào hầm bế tôi lên lòng:

- Có sợ không cháu?

Tôi nép vào người cậu không nói gì. Cậu Phùng chỉ lớn hơn tôi có mấy tuổi mà mọi việc cậu đều xử sự như người lớn. Ngay cả với anh Thành, tuy bằng tuổi nhau, cũng vậy.

Ngót tiếng bom. Bọn trẻ con túa ra khỏi hầm như bầy chim riu ran chuyện trò làm quen nhau, chẳng hề lo sợ chiến tranh giặc giã. Người lớn thăm hỏi, kể lể cho nhau nghe những chuyện gia đình làm ăn buôn bán, cấy cày.

Bữa cơm trưa phải mấy lần gián đoạn vì máy bay lượn qua, và cứ thế cho tới chiều, hết đợt ném bom này đến đợt ném bom khác.

Tối đến. Bác Bội trai về cùng với tốp thợ, bàn bạc công việc của xưởng một lúc lâu. Nghe nói cơ quan kháng chiến yêu cầu xưởng mộc của bác phải đóng gấp mấy chục chiếc xe trâu lo việc vận tải tiếp tế cho bộ đội ngoài mặt trận. Xong đâu đấy bác lên sàn chào ông ngoại. Hai cha con ngồi nói chuyện với nhau gì đấy. Chắc là ông ngoại nói với bác Bội việc mẹ con tôi chạy tản cư lên đây ở tạm nương nhờ nhà bác ít ngày.

Bác Mẫn dẫn anh Thường và anh Thụy lại thăm hỏi mẹ con tôi. Vậy là mấy chị em gái kéo nhau vào buồng nói chuyện. Anh Thường và anh Thụy cùng trạc tuổi anh em chúng tôi, đều là trẻ con với nhau cả nên cũng chóng thân quen. Tôi được biết bác Mẫn là em gái bác Bội gái, con

bà cả. Còn mẹ tôi là con bà hai mà. Chỉ một lúc sau mấy anh em đã nô đùa ầm ĩ, chạy nhảy bắt nhau ngoài sân.

Tôi nào có tham gia được, ngồi một mình ở trên sà nhà ngó qua cửa sổ nhìn lên bầu trời trắng sáng vắng vặc. Rừng núi nơi đây sau trận mây bay oanh tạc ban chiều, trở lại yên tĩnh âm u. Tiết trời lành lạnh. Trải qua mấy ngày chạy giặc căng thẳng trong lo âu sợ hãi, tới đây mẹ con tôi vẫn được vẹn toàn, được đoàn tụ trong đại gia đình họ hàng anh em ruột thịt. Phút chốc lòng tôi băng khuâng những ý nghĩ con trẻ thơ ngây. Và hơn lúc nào hết, tôi giận thân tử cực vì yếu đuối tàn tật. Và cũng hơn lúc nào hết, tôi thêm khát được như một đứa trẻ sống bình thường, tự mình làm lấy mọi việc mà mình muốn, không phải trông chờ nhờ cậy người khác.

Nhìn xuống dưới sân, thấy đám anh em vui chơi một cách hào hứng, còn tôi không thể nào tụt xuống cầu thang mà nhập vào cuộc vui. Mấy năm về trước tôi cũng chạy nhảy nghịch ngợm phải biết.

Chợt có bàn tay con gái đặt vào vai làm tôi giật nảy mình, quay lại:

- Chị Yến! Làm em hết hồn...

- Vũng có muốn xuống dưới sân không?

- Em có chạy nhảy nô đùa được đâu mà xuống.

- Thì cứ xuống! Chị dẫn Vũng đi loanh quanh cho đỡ buồn.

Chị Yến giúp tôi tut dần xuống cầu thang. Chúng tôi thủng thủng từng bước đi ra ngõ. Qua chị Yến kể, tôi được biết Rịa là một thị trấn đông vui. Mấy năm gần đây có nhiều gia đình từ khắp nơi kéo đến sinh sống. Cũng có phố xá và chợ búa nên khá sầm uất, bởi có cả bến sông, thuyền bè tấp nập.

- Thuyền đi tới đâu hả chị? - Tôi hỏi.

- Đò dọc đi Ninh Bình, Phủ Lý, Nam Định, đi vào thị xã Thanh Hóa... Rồi chị sẽ dẫn Vũng ra bến sông chơi. Vũng sẽ thấy cơ man những thuyền là thuyền. Người ta chở gạo, mắm muối, cá khô lên đây. Chả thiếu thứ gì.

Đi dạo một lúc, sợ tôi mỏi chân, chị Yến dắt tôi lên cầu thang. Ông ngoại nom thấy bèn gọi:

- Vũng đấy à?

- Dạ... cháu đây.

- Vào đây ngủ với ông nào.

Ông ngoại lẩm nhẩm trong miệng hát ru tôi như ru đứa trẻ một hai tuổi. Lúc này tôi mới thực sự thấm mệt, nằm xuống một tí là ngủ liền.

Ở đây được vài tuần thì cha tôi từ vùng địch hậu ra tìm, xin phép ông ngoại và bác Bội đưa gia đình tản cư vào Thanh Hóa. Gia đình chúng tôi lên đường từ lúc mặt trời chưa mọc.

Cuộc chia tay với ông ngoại và gia đình bác Bội diễn ra trong bóng tối. Chỉ dám thầm thì nói với nhau đôi ba câu, cứ như sợ đâu đó có Việt gian rình nấp nghe lỏm. Ông ngoại buồn rầu, còn vợ chồng bác Bội lấy làm áy náy và lo ngại cho gia đình chúng tôi.

Chị Yến với anh Tịnh cũng tỉnh giấc, bịn rịn không muốn mấy anh em chúng tôi ra đi. Thế là chị Yến chưa kịp thực hiện lời hứa dẫn tôi dạo chơi khắp thị trấn và ra xem bến đò Rịa. Tuy đã sống ở đây mấy tuần nhưng tôi nào đã được đi đâu. Chả hiểu phố xá, chợ búa thế nào.

Cha công tôi trên lưng. Mẹ gánh đôi bồ đựng đồ đạc, hàng hóa và thằng Bền, còn anh Thành cuốc bộ theo.

Đồi núi chập chùng, cây rừng rậm rạp. Không gian yên tĩnh. Cái yên tĩnh còn lại của ban đêm sắp tàn. Trời sáng nhá nhọang nên tôi đã nhìn thấy cảnh vật hai bên đường một cách lơ mơ.

Muông thú bắt đầu tỉnh giấc. Tôi lạ lẫm lắng tai nghe tiếng chim rừng, thoát tiên còn thừa

thốt, sau mỗi lúc một nhiều hơn, khiến cho buổi bình minh nơi đây rộn rã muôn âm thanh, cung bậc trầm bổng của ban nhạc thiên nhiên.

Cả nhà tôi ai nấy đều lăm lăm bước đi, đôi lúc bước thấp bước cao, hoặc vấp chân vào đá, chệch choạng tưởng ngã. Chuyển đi này không phải lo sợ giặc đuổi sau lưng nhưng tâm trạng người nào cũng mỗi mết, buồn bã. Vì lẽ gì? Tôi nào biết được. Ngay tôi cũng cảm thấy làm sao ấy. Dường như chúng tôi đang dần thân vào chốn hang cùng ngõ hẻm nào đó để rồi đành phải quay lại Rịa cũng nên. Chẳng rõ con đường này có từ bao giờ mà sao hoang vắng thế? Cảnh vật mịt mù rờn rợn. Song chúng tôi đều thấy là phải tới chỗ rừng sâu, ma thiêng nước độc thì mới sống yên ổn được. Chứ chỗ nhiều người qua lại hoặc đông vui sầm uất đâu không bị máy bay oanh tạc thì giặc Pháp cũng xua lính đến càn quét. Và sẽ có bọn Việt gian chỉ điểm gia đình tôi là gia đình có người đi kháng chiến.

Không hiểu sao tôi chợt nhớ tới những câu chuyện về hổ báo ở chốn rừng xanh vắng độc trong sách hoặc nghe người lớn kể. Đâm ra có cảm giác sờ sợ. Bởi biết đâu đấy, trong hẻm núi hay trong rừng kia, bất thần có con cọp nào đấy đang rình nháy ra vồ cha mẹ, anh em tôi thì sao? Rồi những con rắn độc, những con trăn đất, không biết ẩn náu từ chỗ nào vắng mình tới quần lấy người thì chết. Sợ hãi đến mức tôi nín thở, toàn thân run lên. Cha tôi ngờ tôi lên cơn sốt, hỏi:

- Vững làm sao thế? Con thấy mệt lắm không?

Tôi đành phải nói sự thật cho cha biết.

- Con có trí tưởng tượng như thế là tốt. Rất có thể trong rừng núi vùng này lắm hổ báo và nhiều loài rắn rết. Phải nghĩ tới điều đó. Nghĩ tới là để cảnh giác đề phòng bắt trắc, chứ không phải để lo sợ. Như vậy là không được. Người ta sẽ coi mình là kẻ yếu hèn, nhút nhát. Con người trước thiên nhiên hoang dại quả là bé nhỏ. Nhưng con người có trí khôn để nhìn nhận thiên nhiên con ạ. Và con người sẽ trở thành khổng lồ nếu họ thông minh và có lòng can đảm.

Cha tôi vừa đi vừa thủng thảng nói. Tôi cảm nhận từng lời của ông như một sự chê trách mình. Tôi từng coi anh Thành nhút nhát sợ ma. Ấy vậy mà anh Thành còn hăng hái đi lên phía trước kia kìa. Có sợ hổ báo gì đâu, lại còn lò cò chân sáo nữa chứ. Vả lại, cha tôi còn đeo một khẩu súng bên hông đây thôi. Lơ tơ mơ thấy động tĩnh gì là ông rút ra bắn liền.

Mặt trời đã bắt đầu lên. Núi rừng quanh tôi hiện ra rõ đường nét và màu sắc, hùng vĩ và mịt mù, tươi mát trong nắng sớm. Lần đầu tiên đi sâu vào rừng núi tôi mới tận mắt thấy điệp trùng nhấp nhô của muôn lớp núi này tiếp nối rặng núi kia, vạt rừng này lan tới cánh rừng nọ. Tôi đã thấy vực sâu, quền dốc và cảnh mây bay dưới chân mình.

Cha tôi bảo cả nhà dừng chân. Mẹ tôi liền đặt gánh xuống, ngồi bệt ra vệ cỏ, kéo vạt áo lau mồ hôi rờn rờn quanh cổ, thở như kéo bể lò rèn. Anh Thành tới chỗ tảng đá phẳng bên đường, nằm kên duỗi thẳng cả hai chân. Cha tôi ngồi xuống bên cạnh anh Thành, lấy cái mũ cát trên đầu phe phẩy quạt. Còn tôi, từ lúc tụt trên lưng cha xuống đất, hai chân đứng oặt ra mãi nhìn xuống vực sâu thăm thẳm.

- Thằng ranh! Có đến chỗ thầy mà ngồi không? Lộn cổ xuống đất bây giờ.

Tôi giật nẩy mình nghe tiếng mẹ quát, quay lại lê bước chân đến chỗ cha, hỏi:

- Đây là đâu hở thầy?

- Bố con mình đang ngồi ở chân dốc Giang. - ông chỉ tay nói: - Con dốc cao chưa, bên kia là vực.

Tôi ngược mắt nhìn theo hướng tay cha tôi chỉ. Con dốc vươn dài lượn lên lưng chừng núi khi đổ xuống phía bên kia có thoải thoải hơn. Người ta bạt núi làm con đường. Thành thử nó chên vên, phải đi giáp vào bên vách núi.

- Thầy đã qua đây lần nào chưa?

- Đi rồi nên mới biết chứ con. Đến ngày hội đền Sòng, con đường này tấp nập người qua lại. Chúng ta nghỉ lấy sức để vượt một mạch qua dốc kéo trưa máy bay giặc đến oanh tạc.

Chốc chốc lại có một gia đình gồng gánh chạy tản cư vượt qua chúng tôi. Rồi xe trâu, xe ngựa gõ móng xuống mặt đường lóc cọc. Anh Thành nói như van vãn:

- Thầy ơi, con mới căng lắm. Bàn chân sưng tấy lên đây này.

Quả thật, bàn chân anh Thành sưng vù lên như bị phù. Cha tôi nhào ra đường ngáng một chiếc xe trâu:

- Bác làm ơn cho tôi gửi thằng cháu qua con dốc này có được không? Cháu nó đi bộ nhiều quá, giờ hai chân sưng tấy lên không thể bước được.

Người đánh xe trâu nhìn gia đình chúng tôi rồi gật đầu:

- Bác bảo cháu leo lên xe.

Ông ta phàn nàn như để thanh minh:

- Xe chở nặng quá chứ không tôi cho bác gái gửi đôi bò kia lên nữa.

Khi anh Thành trèo lên xe, người đánh xe còn dặn:

- Nhớ lúc xuống dốc chớ có ngoá ra ngoài kéo lộn cổ xuống vực đấy.

Chúng tôi cùng lên đường. Chiếc xe trâu lóc cóc chuyển bánh. Thằng Bền ngủ gục trong bồ bây giờ mới tỉnh. Nó đòi sang xe trâu ngồi với anh Thành. Ông đánh xe không bằng lòng, sợ đường xóc nó lăn xuống vực. Vực sâu hun hút. Mà dưới ấy cũng là núi đá vôi và những khe nước.

Nắng chói chang. Không khí nồng nực, oi bức. Càng lên dốc, con đường càng lộ ra giữa trời. Ai nấy đến phải mau chân bước. Tôi ngoái đầu nhìn lại phía sau mình. Những người còn ở dưới chân dốc bé tí như đàn kiến lúi húi chậm như rùa bò lên.

Cha tôi cũng bắt đầu thở dốc. Thỉnh thoảng ông lại xốc tôi trên lưng. Tôi im lặng sợ làm điều gì không phải để ông nổi cáu thì khổ. Tai họa giáng xuống đời tôi khủng khiếp cho đến chết vẫn phải gánh chịu. Suốt từ ngày tỉnh lại cho đến nay tôi càng nhận thấy tai họa hiện ra cụ thể. Con đường mở ra trước mặt hết như con đường leo dốc mà cha con tôi đương công nhau vượt qua. Nó ngoằn ngoèo, khúc khuỷu, gập ghềnh lúc ẩn lúc hiện trong mây, lẫn vào sương mù. Liệu tôi có đủ sức vượt qua? Vượt qua bằng cách nào? Tôi đã bước sang tuổi thứ mười. Như vậy là sẽ còn sống nhiều năm nữa. Mẹ tôi nói không sai. Tôi có sống cũng chỉ là dựa ăn báo cô mà thôi. Đúng, tôi chỉ là một đồng thịt biết ăn và biết nói. Mới mười tuổi đầu, cuộc sống buộc tôi phải sớm nghĩ về con người và cuộc đời. Cố nhiên đó là những ý nghĩ tản mạn, lung tung. Và nhiều lúc cũng chẳng nghĩ được gì.

Xuống dốc. Chiếc xe trâu lăn bánh đến nhanh. Vượt chúng tôi. Người đánh xe nhảy xuống đất gắng sức ghì chiếc xe lại.

Mẹ tôi mấy lần suýt ngã. Thằng Bền thỉnh thoảng lại đòi đi hái. Bà vừa thở vừa gắt gỏng. Vẫn phải mau chân bước. Chốc chốc vẳng đến tiếng máy bay giặc như hăm dọa và thúc giục sau lưng.

Vừa xuống tới chân dốc bên này thì máy bay Tây áp đến oanh tạc. Người đi trên đường chạy bạt vào rừng. Những người còn trên đỉnh dốc hốt hoảng, kêu khóc loạn xị.

Chúng tôi chui vào một cái hang bên sườn núi cách con đường cái không xa. Cả nhà ai nấy đều mệt lử và đói. Cha tôi bảo lấy cơm nắm ra ăn. Cơm gạo thông đỏ như xôi gấc thắm màu, chấm với "cá biển" rang khô, giã nhỏ, nhai kỹ cũng thấy ngon miệng. Chợt mẹ tôi nói:

- Thầy nó có chạy tản cư với mẹ con tôi mới thấy vất vả. Bình tình này mà thầy nó lại đi, có một mình tôi sẽ xoay xở ra sao?

- Thì biết tính thế nào bây giờ? Công tác đoàn thể không bỏ đấy cho các đồng chí khác được. Ta đang dốc sức cho cuộc kháng chiến mau tới ngày thắng lợi. Mẹ nó bảo tôi bỏ dở giữa chừng ư?

- Thế thầy nó bảo vào Thạch Thành thì ở chỗ nào để sinh sống?

- Nghe nói xã Kim Tân có nhiều gia đình tản cư vào sống ở đây từ mấy năm nay rồi. Cũng đông đúc, tiện chợ búa và tiện đường thoát lên Hòa Bình nếu giặc Pháp đánh chiếm lên Rịa. Vào đó, tôi sẽ liên hệ với các đồng chí ở địa phương, nhờ họ giúp đỡ.

Chiều mát. Sau khi đã ngủ được một giấc để lấy sức, gia đình chúng tôi lại lên đường. Không rõ người tản cư ở đâu ra mà đi hàng đoàn rầm rập như đi trẩy hội. Hình như mẹ tôi bớt lo ngại hơn. Thì người ta cũng chạy cả vào Thạch Thành đấy thôi.

Trời tối đến mau. Đường rừng lại càng tối. Những người chạy tản cư lại phải đốt đuốc soi đường đi. Gia đình tôi nhập vào đoàn người nên đỡ nản lòng. Giờ đây chỉ thấy rừng cây và đồi núi vây quanh chúng tôi. Đoàn người tản cư vừa đi vừa nói chuyện với nhau to dần, rồi ồn ào. Thì ra toàn là những gia đình có người đi kháng chiến. Dân Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng... có cả. Họ đã chạy vòng vo rồi mới kéo vào đây. Cũng chưa định liệu ở đâu, cốt tìm người thân đang làm việc ở các cơ quan kháng chiến thuộc liên khu Bốn rồi mới lo tính sau.

Đến khuya. Nhân gặp một xóm nhỏ bên đường, đoàn tản cư dừng chân. Mỗi gia đình thu xếp cho mình một chỗ nằm, liền nhau để phòng dã thú hoặc rắn rết. Đàn bà và trẻ con nằm lăn ra ngủ. Đám đàn ông tùm tụm ba người hút thuốc lào, nói chuyện với nhau những cảnh tang thương mà họ nhìn thấy qua các làng mạc thôn xóm bị giặc Pháp càn quét đốt phá.

Những ngọn đuốc cháy tàn dần. Tiếng người trò chuyện cũng thưa đi. Đến khi không còn lấy một đốm lửa thì tiếng ngáy ngủ nổi lên từ đầu này tới đầu đằng kia.

Sáng sớm hôm sau, đoàn người lại kéo nhau lên đường. Nhiều gia đình bắt đầu quen nhau, đỡ dần qua lại. Bọn trẻ con tíu tít chạy đi trước, bắt đầu nô đùa và giở trò nghịch ngợm. Tôi rất thèm được đi bộ cùng với lũ trẻ. Thành thử ngồi trên lưng cha cống mà cứ như bị giam. Thăng Bền không chịu ngồi trong bồ nữa. Nó tung tăng chạy theo anh Thành đến sừng.

Chợt giữa chốn rừng xanh, núi non bao bọc trùng điệp hiện ra trước mắt chúng tôi dãy phố chạy dài, cảnh quan sơn thủy hữu tình hết như trong tranh. Tôi nhòm trên lưng cha tôi:

- Thầy ơi, đây là đâu?

- Phố Cát đấy con ạ.

Một lúc sau thì đoàn người đi tới Phố Cát. Tôi ngơ ngác nhìn quanh. Hai bên đường nhà cửa, hàng quán tươm tất. Nhiều gia đình nghỉ chân. Có nhà lo nấu cơm, có nhà vào quán ăn. Bọn trẻ con nhốn nháo đi xem hàng quán hoặc đi vào đền Sòng chơi.

Mẹ tôi kiếm ít cành cây khô làm củi nhóm bếp. Bà lặng lẽ làm mọi việc. Cha tôi tìm chỗ trải chiếu nằm nghỉ. Ông giấu bao súng ngắn vào bồ. Còn anh Thành, tuy mệt mỏi nhưng vẫn háo hức chạy loăng quăng ngó nhìn cảnh vật lạ mắt. Mẹ tôi bèn bắt anh ấy dẫn thằng Bền vào đền Sòng chơi để nó khỏi nom người ta ngồi ăn uống trong các hàng quán.

Tôi cũng muốn theo nhưng chẳng có ai cõng đi. Vào đền Sòng phải nhảy qua một quãng đầy những mỏm đá nhấp nhô như một sự sắp đặt sẵn của thiên nhiên rồi mới tới cái cầu cong lưng bắc qua dòng nước trong vắt. Nhìn rõ cả đá cuội dưới đáy và từng đàn cá bơi lội tung tăng.

Tôi đành ngồi xuống chiếu nhìn người qua đường, nhìn phố xá và cảnh vật xung quanh vừa lạ lẫm ngạc nhiên, vừa cuốn hút tâm trí thơ bé trong tôi. Không rõ lúc yên hàn, ngày hội đền Sòng đông vui nhộn nhịp như thế nào. Chứ nhìn cảnh núi non, rừng xanh, sông suối nơi đây thì ai chẳng thích tới tận cảnh.

Ngôi đền cổ xưa dựng bên chân núi có dòng suối uốn khúc chảy qua ôm vòng bao quanh. Cây rừng xen kẽ thành bức rèm thiên nhiên khiến người ta chỉ nhìn thấy ngôi đền thấp thoáng. Tạo nên khung cảnh không gian vừa hoang hoải trang nghiêm lại vừa huyền thoại. Cứ như đưa ta trở lại với cuộc sống từ thời xa xưa mông muội, rừng thiêng nước độc hoang vu. Tôi bỗng nhớ tới những câu chuyện cổ tích. Thôi đúng rồi. Chắc chắn từ ngày xưa ngày xưa, ở một chỗ nào đó quanh đây, có chàng Thạch Sanh vẫn thường kiếm củi nuôi thân bị tên Lý Thông lừa

đến ngủ trong ngôi đền kia để hiến mạng cho Trần tình. Cuộc giao tranh đã xảy ra ác liệt nơi cửa đền dưới chân núi này... Trí tưởng tượng của tôi thôi thúc sự tò mò ngây thơ trẻ con, gán những điều đã đọc trong sách với cảnh vật trước mắt. Và tôi như hóa thân mình vào câu chuyện Thạch Sanh. Tiếng ông ngoại thăm thì vắng đến bên tai: Ngày xưa, ngày xưa...

Suốt bữa ăn, tôi ngồi há miệng nghe anh Thành kể những thứ ở trong đền Sòng với nỗi thèm khát cháy lòng.

Tôi không thể nhớ là chúng tôi đã leo qua bao nhiêu con dốc, vượt qua bao chặng đường xuyên rừng. Càng đi càng chậm chạp và mệt mỏi. Con đường cứ tít tắp lẫn vào cây rừng, hút vào hẻm núi.

Câu chuyện của đoàn người tản cư trên dọc đường nhạt dần. Rồi không thấy ai nói nữa. Đến chiều, chúng tôi đến dốc Trầu.

Cha tôi bảo đây là thuộc địa phân xã Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Tôi ngần ra không hiểu gì hết. Tưởng Thanh Hóa là ở thị trấn Cầu Cừ ấy chứ. Đằng này chẳng thấy làng xóm đâu cả. Xung quanh tứ bề toàn đồi núi và rừng xanh mịt mù âm u.

Cha tôi xốc tôi bá chặt vai, gần như bò, gắng sức vượt lên. Nghỉ ở đỉnh dốc lấy sức, khi quay xuống đỡ anh Thành ông dặn tôi chú ý không rần rết ở trên cây vắng xuống cần. Tôi ngồi thu lu ngó nghiêng xem có động tĩnh gì ở cổ cây, cành lá. Anh Thành tự leo lên. Cha tôi liền gánh hộ mẹ tôi đôi bò. Nhìn thấy ngôi nhà đầu tiên dựng bên đường dốc, cha tôi thốt lên:

- Các đồng chí ở Rịa nói với tôi đúng quá. Có dân tản cư vào sống ở dốc Trầu kia kìa.

Gia đình chúng tôi xin ở nhờ một người Hà Nội. Vợ chồng ông bà chủ nhà ân cần và sẵn lòng giúp đỡ.

Tối hôm đó, sau khi gia đình chúng tôi đã dọn dẹp xong chỗ ở tạm thời. Ông bà chủ nhà ngồi hàn huyên với bố mẹ tôi hoàn cảnh của nhau.

Bác Cần trai - chủ nhà, vốn là người tham gia kháng chiến, sau một thời gian bị bệnh, bác nghỉ công tác thoát ly, đưa gia đình tản cư vào đây sinh sống được hai năm rồi. Vợ bác - một người đàn bà đầy đặn, trạc tuổi mẹ tôi. Xem ra bác Cần gái mới là người cai quản gia đình. Bác có hai mụn con gái. Một đứa bằng thằng Bền, một đứa nhỏ hơn. Cả hai đều tròn như viên bánh trôi, trắng như cục bột. Ở đây có cả một "dãy phố" chạy dài xuống chân dốc theo con đường đi vào chợ Kim Tân. Dân thành thị tản cư đến đây khá đông.

Mấy ngày liền cha mẹ tôi đi hết khắp phố, lại xuống chợ Kim Tân thăm thú tình hình và tìm chính quyền kháng chiến địa phương để liên hệ nhờ họ giúp đỡ. Cuối cùng cha tôi bàn là nên làm nhà ở phố dốc Trầu này. Theo ông, nơi đây tiện tránh máy bay đánh phá, có thể mở cửa hàng xén buôn bán. Chứ xuống dưới chợ Kim Tân ở, vừa là mục tiêu máy bay oanh tạc, vừa bất tiện cho sinh hoạt. Cha tôi không muốn để anh em chúng tôi sống ở nơi chợ búa "dễ hư thân". Mẹ tôi lại muốn làm nhà ở phố chợ. Nhưng đành cho tới hôm cha tôi nhắn được cậu Tùng vào. Cậu Tùng cùng đồng tình với ý của cha tôi. Mọi chuyện mới đi đến quyết định.

Cậu Tùng trở ra Rịa. Đến tối hôm sau lại trở vào ngay cùng với người thợ ở xưởng mộc của bác Bội. Vậy là tất bật tìm đất dựng nhà. Dân tản cư đến trước làm nhà từ phía đỉnh dốc chạy xuống lối đi chợ Kim Tân. Cho nên gia đình tôi dựng nhà ở cuối "phố" phía bên kia đường có mấy vạt nương của dân địa phương. Tôi không ngờ làm nhà lại nhanh đến thế. Chỉ vài ngày sau đã dọn vào ở. Bà con lối phố kéo tới làm giúp đến đông. Người vào rừng chặt gỗ, chặt bương, chặt vầu. Người lên đồi cắt cỏ tranh về lợp nhà, đập nứa đan phen thưng vách. Bà anh em chúng tôi nô đùa, quên bém mấy ngày đi đường vất vả lo âu. Ổn định nơi ăn chốn ở xong đâu đấy, cha tôi lại ra đi. Ông quay vào vùng tề bám dân trong lòng địch để giữ vững phong trào.

Bốn mẹ con tôi ở lại ai nấy đều buồn. Cuộc sống nay mai đến với chúng tôi sẽ như thế nào? Cha tôi sống trong vùng kìm kẹp của giặc có an toàn không? Hôm cha tôi ra đi trời mưa rả rích. Đường đất đồi vừa dính vừa trơn. Nấn ná mãi, ông dẫn lòng lên đường mặc mẹ con tôi bịn rịn, sụt sịt khóc. Hình ảnh ông ghi đậm vào tâm trí tôi. Ông thắt bao súng ngắn vào bụng, trùm áo

ra ngoài, khoác tấm vải nhựa đội chiếc nón lá lên đầu như những người thường dân vẫn qua lại giữa vùng địch và vùng tự do buôn bán các loại hàng hóa, tay chống gậy rảo bước ra đường.

Bầu trời xám xịt những đám mây sũng nước. Gió ào thổi trên đỉnh rừng thành những tiếng hú u ú âm vang.

PHẦN BỐN

Phố Dốc Trầu

Cuộc sống luôn xảy ra những điều bất ngờ mà bọn trẻ con chúng tôi chưa hiểu được. Ngay chuyện tôi gặp lại cái Dung cũng vậy. Thì ra gia đình tôi làm nhà ở gần nhà cái Dung. Cách nhau có một quãng thôi. Mấy ngày đầu mẹ con chúng tôi không biết là vì bác Vinh gái đưa cái Dung đi thị xã Thanh Hóa tìm người bà con họ hàng sinh sống ở đấy từ hồi trước cách mạng tháng Tám. Nhân tiện bác ấy cất ít hàng về bán.

Nghe nói chúng tôi đã vào đây, vừa mới về, bác Vinh liền nhào sang thăm. Chúng tôi vui mừng như gặp lại bà con ruột thịt sau bao năm xa cách. Ngay từ hôm chạy tản cư ở núi Ngang ra đi, mẹ con bác Vinh lên Ghềnh rồi thuê được xe ngựa chạy thẳng vào đây. Cho nên bác cũng không biết Tây nó đánh vào Hệ Dưỡng ra sao, chúng đốt sạch xóm Núi Ngang thế nào. Nghe mẹ tôi kể, bác Vinh cứ xuýt xoa:

- Cũng may mà mẹ con nhà bác chạy kịp, chứ mắc kẹt lại thì khốn với chúng nó.

Nhịp sống của bà con dân phố Dốc Trầu cuốn hút mẹ con tôi hòa nhập vào guồng máy của nó đến nhanh. Chỉ sau có ít ngày, chúng tôi quen biết hết thấy những nhà sống quanh mình.

Cứ sáng sáng, mẹ tôi mở cửa dọn hàng ra bán. Anh Thành cấp sách đi học. Lớp học mở trong rừng vầu, phía sau lưng phố Dốc Trầu. Thầy giáo là các anh học sinh trường Trung học Lam Sơn Thanh Hóa tản cư lên Thạch Thành đến dạy. Tuần học hai buổi.

Tôi ở nhà chơi với thằng Bền. Mẹ tôi đưa hai đứa ra tăng-xê đào ở đằng sau nhà giữa đám lau mọc đầy kín cả một rẻo chân đồi. Ngồi ở đấy suốt ngày để tránh máy bay.

Ban đầu thật khổ sở. Mẹ tôi bế hai đứa cho xuống ngồi dưới tăng-xê chơi với nhau. Cái hầm cá nhân đào sâu ngập đầu người lớn bên dưới đào thêm bốn cái ngách để mỗi người ngồi vào một cái ngách đó. Ấm ướt và nhiều cóc nhái đến ghê người. Nhưng chán hơn là hai đứa bị tù túng quá. Y hệt hai thằng tù trẻ con bị giam xuống địa ngục.

Dẫu sao thì tôi cũng đã lớn nên biết phải chịu đựng. Hơn nữa lại là đứa què quặt yếu đuối, cứ hể một tí là lại gọi mẹ ra bế xuống kéo lên thì không những làm bà vất vả, mà nếu có ra tôi lại bị mắng hoặc “ăn” vài cái phát. Tôi đành yên phận nhẫn chịu, ngồi xếp chân bằng tròn dưới hầm như ông sư ngồi niệm Phật. Chán thì nằm co chân lại, ngủ. Ngủ chán lại dậy, ngồi thu lu. Không gian quá chật chội. Bao bọc quanh mình chỉ là đất và sự ẩm ướt.

Ngước mắt nhìn trời, khoảng trời tròn vo trong cái miệng hầm nên cũng chả thấy gì, đơn điệu và tẻ nhạt. Trái lại, thằng Bền chẳng những không chịu ngồi yên mà còn bắt tôi công kênh cho nó trèo lên miệng hầm. Ngồi dưới hầm tôi nào có được yên thân. Nó mà nghịch ngợm trên đó thì mẹ tôi thế nào cũng biết. Y rằng, bà trông thấy liền chạy tới xách cổ thằng Bền từ trong bụi lau ra, quất cho mấy cái “cháy” mông nổi lằn đỏ, rồi quẳng nó xuống với tôi, mắng:

- Sao hốc thì khỏe thế! Có việc ngồi chơi với nó để tao bán hàng mà cũng không xong là nghĩa làm sao, hớ thằng ăn hại?

Thằng Bền vẫn gào khóc. Nó đập tứ tung làm tôi ngã lăn ra đất. Hắn mẹ tôi ngồi trong cửa hàng không nghe thấy được. Nên khóc mãi mỗi mồm thằng Bền đành phải nín.

Hai anh em không thể bày trò gì chơi dưới hầm được. Chỉ có nằm ngủ là giết được một ít thời gian thôi.

Mấy hôm sau tôi lết sang nhà cái Dung xem nó có quyển sách gì thì mượn về xuống tăng-xê đọc. Cái Dung phải chạy lên nhà ông Phù Lưu mở hiệu bán thuốc tây trên đầu phố mượn hộ.

Thành quen. Tôi và thằng Bền đỡ buồn chán. Rồi một hôm cái Dung bảo tôi:

- Đàng ấy đi học với chúng tớ cho vui.
- Tớ không đi được đâu.
- Đàng ấy nói sao lạ thế? Không đi được mà sang bên nhà mình được à?

Tôi lắc đầu:

- Đi học phải leo lên đồi rồi vào rừng thì tớ làm sao đi nổi.

Cuộc sống có sự cảm dỗ bình thường mà bất kỳ đứa trẻ nào cũng có thể đón nhận được. Vậy mà riêng tôi... Nếu tôi bị lừa không nhìn thấy gì đã đành. Song đàng này... Bầu trời trong xanh trên đầu, rừng núi trùng điệp xung quanh, phố xá, ruộng đồng... tôi đều nhận biết. Vậy mà cứ phải ngồi một chỗ mà ao ước và khổ đau trong dần vật.

Tối tối, mẹ tôi gánh đôi bồ hàng xén xuống chợ Kim Tân bán. Ba anh em ở nhà chơi với nhau. Anh Thành dắt thằng Bền sang chơi nhà bên cạnh, hoặc ngược lên phố đến nhà những đứa cùng học với nhau nô đùa. Chỉ có một mình tôi ở nhà với ngọn đèn tù mù bóng bằng vỏ chai cắt đáy và đoạn cổ. Hôm nào hết dầu tây thì đốt đuốc trám mù khói và khét lẹt. Tôi chả biết làm gì ngoài mỗi việc tập đi vòng quanh nhà cho vững chân. Cứ thế, mỗi tối tôi đi hàng trăm vòng có khi hàng nghìn vòng. Lúc đầu thì còn đếm thử, sau chán và buồn quá không còn thiết đếm nữa. Nghỉ một lúc cho đỡ mỏi căng, lại đi, cho đến khi buồn ngủ mới thôi.

Rồi tôi dám bám theo anh Thành đi xa hơn, ra cả ngoài bãi tha ma. Người ta bảo đó là bãi tha ma, ở ngay bên kia đường trước mặt nhà tôi, lũ trẻ con thường kéo nhau ra chơi trò đánh trận giả.

Đúng như lời cha tôi nói, hôm ông lên Rịa tìm gia đình. Giặc Pháp mở càn quét lần này để nói rộng vùng chiếm đóng của chúng. Nhiều gia đình tản cư lại phải quay về làng xóm quê hương mình bám ruộng đồng làm ăn. Dân làng Bộ Đầu dần dần về hết. Gia đình nào cũng phải làm lại nhà để ở. Khắp làng trống trơn không một bờ tre, khóm chuối. Ai cũng phải tìm lại mảnh đất cũ của mình bởi giặc Pháp dùng xe ủi san bình địa không còn lấy một chút dấu tích bờ rào ngày trước. Hồ ao gần như bị lấp sạch. Người nào về đến làng cũng ngẩn ngơ bàng hoàng, nước mắt giàn giụa vừa đau đớn, vừa hận thù quân giặc.

Ông ngoại tôi vừa về đến đầu làng thì giặc ập tới bắt luôn. Chúng giải ông lên chốt huyện. Khi mẹ con tôi biết tin thì ông ngoại đã được thả ra. Chúng không moi nổi lời khai nào của ông già. Hỏi người làng, họ đều nói ông ngoại là người làm ăn lương thiện. Mặt trận Liên Việt mời ông tham gia bởi ông ngoại là người có uy tín với bà con xóm giềng. Thế thôi, chứ ông nào có biết ai là du kích, ai là đảng viên mà tra khảo. Thế mà bọn giặc giam ông tới một tháng.

Khi trở về làng, các cậu tôi đưa ông lên Rịa ngay để ông nghỉ ngơi và dưỡng bệnh ở nhà bác Bội. Thành ra ông không thể vào đón mẹ con chúng tôi được. Ông nhắn qua người làng vào buôn bán ở chợ Kim Tân hỏi thăm tình hình sức khỏe của tôi. Rằng thằng Vững đã đi lại thật vững chân chưa? Đúng lâu có hay bị giật gân ngã không?

Suốt mấy ngày liền tôi những vẫn mơ nghĩ tới ông ngoại. Nằm ngủ tôi cũng mơ thấy ông ngoại, dáng người nhỏ nhắn, khuôn mặt vuông vuông với chiếc khăn nhiều màu tím chít thành từng nếp trên đầu của ông cứ hiện ra trong óc tôi. Hình ảnh ông khắc đậm vào tâm trí tôi đến mức nhắm mắt lại tôi vẫn hình dung ra được từng chi tiết. Vậy mà bọn giặc Pháp đã bắt ông ngoại. Hẳn chúng trối giạt cánh khuấy ông ngoại dong đi. Chao ôi... đôi tay gầy của ông ngoại từng ôm ấp bế bồng tôi. Rồi chúng đánh đập tra tấn ông nữa chứ. Ông già yếu làm sao chịu nổi. Tôi còn mừng tượng ra những thằng Tây cao lớn lênh khênh, chân tay mặt mũi tua tủa những lông lá giống hệt lũ quỷ sứ dưới địa ngục trong các tranh mà tôi đã từng được xem người ta dán ở đền trong các ngày lễ, xúm vào cầu xé ông ngoại...

Tôi không hiểu tại sao những người tốt, như ông ngoại chẳng hạn, lại chịu nhiều cay đắng khổ ải đến vậy? Tôi lại càng không hiểu là tại sao con người sống với nhau lại chém giết, đánh chửi và đối xử với nhau thù hận và ác độc đến vậy? Sao người nước này đi đánh người nước kia? Trẻ con chúng tôi đâu có tội tình gì mà chúng cũng chém giết dã man thế? Liệu giết người làm điều ác chúng có run tay không?

Không thấy có người lớn nào giảng giải cho tôi biết cả. Những câu hỏi đó cứ hiện ra trong đầu óc con trẻ của tôi.

Mẹ con chúng tôi những muốn ra thăm ông ngoại mà không thể bỗng bề nhau đi được. Và khổ tâm hơn là chúng tôi không có một thứ gì để gửi ra biếu ông. Nhà tôi nghèo quá. Mẹ tôi mở hàng xén bán chắt chẳng được là bao. Hy vọng người làng tìm thấy số đồ đồng cất giấu trong hang núi Ngang cùng với ba sào lúa chín nhờ cắt giúp cũng đều mất sạch. Mẹ tôi gắng kiếm để gia đình ngày có hai bữa cơm ăn với rau lang, rau dền, hoặc bát cà ghém vẫn chưa nổi. Tiền nong dần vốn không có. Vay mượn thời loạn ai người ta cho vay. Vả lại toàn là dân tản cư ở với nhau có mấy gia đình dư dật.

Người nào cũng phải phòng xa nhờ khi sa cơ lỡ vận. Chợ Kim Tân năm ngày mới họp một lần. Thành thử mẹ tôi phải đi đẩy xe thồ kiếm thêm. Vất vả lắm. Bà cùng mấy người dân phố cảnh nghèo với nhau, đi ngược trở ra, tùy sức khỏe mà đi xa hay gần, đón những người thồ hàng vào chợ Kim Tân, đẩy giúp họ qua từng con dốc. Tùy theo dốc cao hay thấp, dài hoặc ngắn mà họ trả cho vài trăm tiền kháng chiến. Nên mẹ con chúng tôi dầu có thương ông ngoại cũng chỉ biết khóc thầm với nhau.

Dân phố Dốc Trầu hằng hái tham gia phong trào học bình dân để xóa nạn mù chữ. Người ta vận động cả mẹ tôi. Được thế, tôi xin mẹ cho tôi đi học.

- Ai cấm mày? Nhưng đi đứng làm sao được?

Vậy là tôi đi.

Sáng dậy. Mẹ tôi ăn vội bát cơm nguội rồi đi đón xe thồ từ sớm. Anh Thành dẫn thẳng Bền sang gửi bên nhà cô Bưởi, ở giáp bên cạnh. Rồi anh ấy phốc ngay đến lớp học. Tôi loay hoay buộc hai quyển vở cùng với cái bút cuộn lại, đeo vào vai. Xong đâu đấy, tôi tập tễnh lết từng bước một theo lối mòn vòng vèo lên đồi xuống dốc. Mỗi chỗ lại đứng nghỉ. Lăn tiếp vào rừng vầu. Tới đây, đi luôn trong rừng vầu có dễ hơn. Vầu mọc gần nhau, không có cành gai góc, như những cây gậy đứng sẵn thẳng tắp để cho tôi vịn vào.

Không thể tả hết nỗi hào hứng, hân hoan của tôi khi được đến lớp học. Suốt đêm tôi không sao chợp mắt nổi, háo hức mong cho trời mau sáng lên. Tôi mừng tượng ra cảnh lớp học đông vui cùng chúng bạn nghe thầy giáo cất cao tiếng giảng bài, mở ra trước mắt đám học trò chân trời tươi sáng và xa xôi đang ở đâu đó, về những miền quê, làng xóm bên Phi Châu, về những thổ dân da đỏ ở mãi bên kia Đại Tây Dương trong rừng hoang Mỹ Châu, về những con chuột túi ở Úc Đại Lợi, những con khỉ độc sống trên quần đảo Nam Dương... mà hồi học ở Hệ Dưỡng ông giáo Kỳ thường kể. Tôi không thể nào quên người thầy giáo vốn là một y tá này cùng với tủ sách to đùng của ông.

Tới lớp học vẫn còn sớm. Tôi thấy chúng bạn cũng đã đến đông đúc. Vạt rừng vầu sôi động và sáng rực màu sắc áo quần, ríu ran tiếng nói hòa với tiếng chim hót.

Thầy giáo tròn mắt nhìn tôi hỏi:

- Thế em đã biết đọc biết viết chưa?

- Em làm được cả tính đổ rồi. - Tôi đáp, trong lòng nhen nhóm một chút hãnh diện.

Thầy vẫn nhìn tôi vẻ khó hiểu. Chắc thầy nghĩ tôi là thằng bé tàn tật thì làm sao đã biết được chữ. Nên nghe tôi trả lời thế thì lấy làm lạ lùng lắm. Cái Dung ở đâu đó nhìn thấy tôi, bèn chạy tới nói với thầy giáo:

- Thưa thầy, cho cậu ấy học cùng lớp với em được ạ.

- Sao em biết? - Thầy giáo hỏi cái Dung.

- Vững trước đây cùng học với em mà. Học giỏi lắm. Cậu ấy mới ốm khỏi đấy ạ!

Rồi nó kể cho thầy giáo nghe tôi học khá như thế nào, ham đọc truyện ra làm sao. Nó còn nói cả những điều ông giáo Kỳ khen tôi nữa. Mặt mũi tôi đỏ bừng vì xấu hổ, còn thầy giáo nghe cứ chăm chú nhìn tôi.

Thầy mỉm cười, ghi tên tôi vào sổ điểm danh. Tôi bước đến chỗ lớp học cái Dung. Nhiều cặp mắt nhìn theo của đám học trò cùng tuổi. Hẳn chúng nhìn thấy thằng què như tôi mà còn đi học thì lạ lắm. Tôi đứng sững nhìn lớp học mà ngỡ ngàng.

Trước mắt tôi đám học trò lau nhau mỗi đứa chọn một chỗ ngồi vào những khoảng trống giữa vạt rừng vầu mọc thưa. Mỗi đứa đều đặt trước mặt một miếng gỗ trên bốn cái cọc, dùng làm bàn viết.

Những hôm trời mưa, chắc chắn không có máy bay giặc thám thính thì lớp học chuyển vào trong ngôi nhà tranh dựng cạnh hiệu thuốc tây của ông Phù Lưu ở trên đầu phố.

Tôi sống trong tâm trạng hào hứng với việc lại được đi học.

Về nhà, nếu làm được việc gì giúp mẹ hoặc anh Thành thì tôi gắng làm cho gọn rồi sau đó mang sách vở ra học. Tôi bỏ học lâu quá rồi, nên theo được các bạn rất khó khăn. Bài vở cũng nhiều. Nào toán tập, nào làm luận[3], học thuộc lòng các bài sử ký, địa dư hoặc các bài thơ. Háo hức thật, nhưng nhiều khi đầu óc mụ mẫm thế nào ấy. Có mấy khổ thơ mà đọc đi đọc lại hàng buổi chiều vẫn chưa nhập tâm, nhớ câu trước, quên câu sau. Lắm khi cáu tiết tôi cứ dút dút tóc trên đầu mà nó vẫn không chịu nhớ cho. Dẫu sao, đi học được đối với tôi là sướng rồi. Bởi như thế là tôi được hòa nhập vào cuộc sống cùng với mọi đứa trẻ. Thích vậy còn mong gì hơn.

Lâu nay tôi vẫn thấy một thằng con trai chừng mười một, mười hai tuổi và một đứa con gái lớn hơn thường đến đứng xem chúng tôi học. Chẳng có đứa học trò nào để ý đến chúng nó. Tôi lấy làm lạ, bèn hỏi cái Dung. Nghe nó kể tôi mới biết. Thì ra thằng bé ấy bị câm, con nhà bà Xứng bán xôi, tên nó là Quý. Còn đứa con gái tên là Hằng, con ông Thênh mở hiệu chữa xe đạp, bị điếc. Thả nào chúng nó không học được đành đứng ngoài ngó xem.

Vào giờ nghỉ giải lao, tôi thường lảng chơi một mình kéo làm vướng cẳng cái Dung. Dạo này nó có nhiều bạn mới. Xem ý chúng nó chẳng thích tôi mấy. Tôi mà cứ bám theo cái Dung thì chỉ làm nó khó xử. Hơn nữa, cái Dung giờ cũng đổi khác so với hồi ở núi Ngang. Cũng có thể ngày thêm khôn lớn, cái Dung chẳng mấy thấy thích thú gì chơi với tôi nên có phần nhạt dần. Tôi nhận ra điều đó trong nỗi buồn man mác, xót xa như người mắc bệnh hủi bị người thân xa lánh sợ bị lây. Bởi thế, tôi lần đến chỗ thằng Quý với cái Hằng đứng. Cái Hằng chỉ vào chân tôi, hỏi:

- Đàng ấy bị Tây nó bắn vào cẳng à?

Tôi lắc đầu:

- Không phải, tớ bị ốm suýt chết đấy.

Cái Hằng nghiêng nghiêng cái đầu nghech tai về hướng tôi.

Nhưng vẫn không nghe thấy gì thì phải.

- Cái gì? - Nó hỏi lại.

Tôi đứng đực ra như người điếc nghe kèn. Thằng Quý liền vỗ vào vai tôi, miệng ươ ớ, khoa tay làm hiệu một lúc. Tôi vẫn đần mặt, há hốc miệng, nhìn mà không tài nào hiểu nổi chúng nó “nói” gì, thằng Quý nhận ra tôi chưa quen “nghe” thứ ngôn ngữ nó “nói” nên cau mặt lại ngẫm nghĩ. Nom đến cực. Rồi nó hằm hằm kéo đầu tôi ghé gần vào tai cái Hằng. Một tay nó chỉ vào tai cái Hằng, còn tay kia vỗ vỗ vào miệng nó thành tiếng “oa, oa”. Ra thế. Có nghĩa là tôi phải nói thật to vào sát tai cái Hằng thì nó mới nghe được. Tôi làm theo. Cái Hằng gật đầu, khua tay, ngả người làm điệu bộ “lên cơn sốt” để “nói” lại cho thằng Quý biết. Thằng Quý bèn gật đầu ra hiệu hiểu ý, nhìn tôi ứ ớ. Cái Hằng bảo:

- Đàng ấy tội nhỉ? Giá đàng ấy không bị ốm...

Tôi kéo đầu cái Hằng cúi thấp xuống, ghé vào tai nói như thét:

- Trước tớ khỏe lắm! Còn cao hơn cái Dung kia kìa...

Cái Hằng nhìn theo tay tôi chỉ về phía cái Dung đang nói chuyện gì đó với chúng bạn. Nó gật đầu:

- Nó cũng xinh đấy nhỉ?

Chúng tôi nói chuyện với nhau như quát tháo nên bọn học trò để ý quay lại nhìn. Chúng phá lên cười ngặt nghẽo, chỉ trỏ về phía ba đứa chúng tôi rồi chúng diễn lại cho nhau xem để giễu cợt thằng què, con điếc, đứa câm chơi với nhau. Cái Dung lĩnh biển vào một chỗ. Hình như nó thấy xấu hổ về việc tôi là bạn nó hay sao? Tự dưng mặt tôi đỏ lựng, nóng ran khắp người. Nổi tử hờn cay đắng dâng trào đến nghẹn thở. Tôi chợt nhớ tới thằng mù hát xẩm vẫn thường qua lại phố Dốc Trầu. Dân phố xúm đến nghe nó hát đông lắm. Nhiều người cho tiền và mũi lòng thương hại. Song có người tuy cho nó ít tiền nhưng lại trêu chọc ngay cái tật nguyên của nó. ấy là thử xem nó có nhận ra từng loại tiền hay không nên cho hai chục, lại bảo là năm chục hoặc một trăm. Thằng xẩm sờ tay vào tờ giấy bạc, nắn vuốt một lúc rồi đưa lên mũi ngửi. Đúng tiền thật rồi. Nhưng không phải như người bố thí xướng cho nó.

Miệng nó nhoẻn cười như mếu: “Các bác lại đùa trêu cháu mù lừa rồi. Đây là tờ bạc hai chục thôi!” Đám đông vây quanh nghe hát xẩm cười rộ lên vui thích vì thằng mù tinh quá. Nó chỉ sờ sờ, ngửi ngửi mà nói đúng tiền từng loại. Thế mới tài chứ. Trong khi đó, thằng xẩm chẳng hiểu vì sao lại tự bẹo vào hai bên gò má mình.

Chắc chắn là nó bẹo vào má nhiều lần lắm rồi nên hai bên gò má nó lúc nào cũng sưng tấy lên. Thế thì nó đi hát rong ở nơi khác chắc cũng hay bị người ta trêu chọc những đứa tật nguyên. Tôi buồn muốn khóc lên được. Tại sao người ta độc ác vậy?...

Tôi quay lại chỗ ngồi học. Im lặng không hề để ý đến đứa ngồi cạnh. Thôi được, bọn bay cứ việc giễu tao què quặt. Bệnh tật gây nên tao thế, chứ những đứa khỏe chân mạnh tay mà học dốt như bò “đội nón” chuyên môn quay cóp bài của bạn thì hay hơn gì?

Sau này khi chơi thân với nhau rồi, tôi được biết cái Hằng bị điếc là do sức ép của bom đến độ làm túa máu ra đằng mũi, đằng tai, đằng miệng, ngất xỉu đi. Đến khi chữa khỏi mới biết bị điếc. Màng nhĩ cả hai tai đều bị rách sạch. Còn thằng Quý thì bị câm, điếc bẩm sinh. Nó là đứa cực hơn hai chúng tôi. Cho đến bây giờ, thằng Quý vẫn không hề biết một thứ tiếng động nào ở bên ngoài nó ra làm sao. Thấy tôi hay lại chỗ hai đứa nó đứng chơi, chúng bèn bắt quẹn, sáng nào cũng đến đù tôi đi học.

Mẹ tôi bị cảm rồi lăn ra ốm liệt giường. Tai họa giáng xuống ba anh em chúng tôi thực là thâm. Anh Thành trở thành người chỉ huy tối cao trong nhà. Nhưng anh ấy khỉ dẹt nên chẳng biết lo toan gì. Mẹ tôi vẫn cứ phải cắt đặt công việc nhà cho từng đứa. Thằng Bền đỡ nô nghịch quấy quả hơn. Tôi nhận thêm việc nấu cơm, nấu cháo sặc thuốc cho mẹ. Anh Thành vừa bán hàng vừa lo chạy mời ông y tá về thăm bệnh cho mẹ.

Tôi vác rá đi vay gạo hết nhà cô Bưởi lại sang nhà chị Ngần, rồi đến nhà bác Vinh mà bệnh mẹ tôi vẫn chưa thuyên giảm.

Không nhẫn được ai ra Rịa để báo cho bác Bội biết. Vay được ít tiền chỉ mua vài chai dầu tây và dấm tắm vải nhưa là hết. Bày hàng bán câu dầm. Mẹ con ăn cả vào lãi lẫn vốn.

Nghĩ lại những ngày mẹ tôi chưa ốm, bà lăn lộn chạy ăn cho con, mấy anh em tôi ở nhà nấu cơm mà còn tỵ nạnh nhau từng việc. Giờ vác rá đi vay ê mặt tôi mới thấm thía. Để có hột gạo thổi cơm mới khó nhọc chứ cái việc xách nước, rửa rau, nhóm bếp thì nặng nhọc khó khăn gì đâu mà cứ đùn đẩy cho nhau! Ước gì thùng gạo nhà tôi chẳng khi nào vơi để hàng ngày anh em tôi khỏi phải thay phiên nhau mang rá sang vay hàng xóm.

Mẹ tôi cứ lúc sốt lúc tỉnh. Có ngày ăn được lưng bát cháo hành. Nhưng cũng có ngày bà kêu đắng miệng không hề nuốt lấy một thìa nước đường cát. Ông y tá bảo mẹ tôi bị ngã nước, cho uống tuyền ký-ninh vàng. Ba anh em tôi cứ ngỡ ngác như bầy chim vắng mẹ gặp bão, nhón nhác lo âu, chẳng đứa nào dám ăn no, có bữa nời cơm còn nguyên. Không khí nặng nề bi thảm bao trùm khắp nhà. Thấm vào cả thằng Bền. Dường như nó cảm thấy có một cái gì đó kinh hãi lắm sẽ xảy ra. Nên nó cứ ủ dột đến tôi.

Tối tối cô Bưởi hay chị Ngần, bác Vinh sang ngủ đờ dầm mẹ tôi. Những khi cơn sốt dứt, mẹ tôi tỉnh táo, bà rầm rì nói chuyện. Tôi nằm ngủ ở giường bên này, nào có ngủ được, mắt mở thao láo nhìn lên nóc nhà, lắng im lắng nghe. Dần dần chấp nối những đoạn mẹ tôi kể với bà con xóm giềng lối phố mà tôi hình dung ra cuộc đời của cha mẹ tôi...

Bà ngoại thân sinh ra mẹ tôi là vợ hai ông ngoại. Nhưng lại là người làm nên cơ nghiệp nhà chồng. Bà ngoại sinh được chín người con. Tuy nhà khá giả, bà ngoại vẫn bắt tất cả con cái mình đều phải lăn lung ra làm. Ai có việc ấy. Từ ẵm em, giã gạo cho tới việc đồng áng, trồng bông se sợi... Năm mẹ tôi mười ba tuổi, bà ngoại cho mẹ tôi lên tỉnh trông cửa hàng bán thuốc Lào. Chả là người chị gái mẹ tôi lấy chồng quê vùng Tiên Lãng, Vĩnh Bảo tỉnh Kiến An là vùng trồng thuốc Lào có tiếng. Bà ngoại tôi có mua một ngôi nhà mở cửa hiệu bán thuốc Lào, phong gói bằng giấy đỏ, trưng biển An Khê hắc hoi. Nay thuốc Hải Phòng.

Năm năm sau, tức năm mười tám tuổi thì mẹ tôi lấy chồng. Cuộc tình duyên này, như mẹ tôi kể, âu nó cũng là cái duyên cái số giờ se. Bởi cha tôi, người quê mãi tận ngoài tỉnh Hà Đông, sớm mồ côi mẹ phải lang bạt đi kiếm ăn khắp xứ để góp phần nuôi cha già và em dại, nên nghèo kiệt xác. Vậy mà gặp nhau, rồi quen biết nhau, mẹ tôi đã bằng lòng để cha tôi dạm hỏi. Bà ngoại và người anh trai mẹ tôi không ưng thuận. Không ưng thuận vì cha tôi là kẻ khốn khó chứ chẳng phải là người xấu xa gì. Còn hơn thế, cha tôi lại là một chàng trai mặt mày sáng sủa, hoạt bát linh lợi. Song mẹ tôi đã vượt qua mọi sự cản trở phá ngang của những người trong nhà, cùng với những lễ nghi phong kiến trời buộc. Được ông ngoại, vốn là người hiểu biết đâu không làm ra được của cải cho gia đình, nhưng vẫn là người đứng cầm cân nảy mực, thuận lòng, cuối cùng cha mẹ tôi mới nên vợ thành chồng. Cố nhiên là bà ngoại giận con gái nên chẳng cho gì.

Vốn là một cô gái nông thôn nết na, chất phác, mẹ tôi chỉ biết chăm chỉ bán hàng, tiền nong thu được bao nhiêu đều đưa lại cho gia đình. Không biết trí trá, bớt xén. Chẳng hề tọc mạch chuyện buôn bán làm ăn của mẹ ra sao. Không hề đòi hỏi ăn tiêu, đua đòi lối sống thị thành. Thuần phác đến mức chẳng giao lưu bạn bè với ai trong phố. Giờ lấy chồng chỉ có hai bàn tay trắng về nơi “đất khách quê người” làm ăn. Trong khi đó cha tôi vẫn ở lại thị xã.

Sau này mẹ tôi mới biết ông hoạt động cách mạng nên không đưa bà về quê cùng sinh sống. Lạ nước lạ cái. Lạ người lạ cảnh. Nhà chồng nghèo đến mức ngoài mấy vuông đất làm nhà ở, còn thì chẳng có lấy một mảnh vườn hay sào ruộng nào để cày cấy. Anh em bên chồng đều đi làm mướn kiếm ăn. Mẹ tôi đành xoay sang buôn thúng bán mẹt khắp các chợ quanh vùng.

Rồi một hôm có người làng Bộ Đầu làm ăn ở ngoài Hà Nội đi qua bắt gặp mẹ tôi bán muối ở ga chợ Tía[4]. Thấy cảnh gieo neo vất vả quá, khi về quê người đó có nói lại cho ông bà ngoại biết chuyện. Ông ngoại thương con gái, bèn cho người ra Hà Đông gọi mẹ tôi vào. Giấu vợ giấu con, ông ngoại dúi cho mẹ tôi ít tiền làm lưng vốn buôn bán ở chợ tỉnh. Rồi anh Thành ra đời, đến tôi xuất hiện... Rồi cách mạng tháng Tám năm bùng lên. Cha tôi cùng mọi người dân thị xã vùng lên cướp chính quyền tỉnh. Rồi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Mẹ con tôi mấy lần chạy tản cư vào Thanh Hóa rồi lại phải trở ra quê ngoại ở ngay phố Cầu Yên buôn bán. Đến lượt đẻ ra thằng Bền thì loạn lạc giặc đã tràn quét khủng khiếp. Kiếm ra đồng bạc khó biết mấy. Cho đến tận bây giờ thì nhà tôi thực sự khánh kiệt...

Tiếng mẹ tôi thỉnh thoảng lại rì rầm nói chuyện với bác Vinh, giọng mệt mỏi:

- Bác tính, con cái đứa nào mà mình chẳng thương chẳng quý. Nhất là thằng Vững...

Nói đến đây bà ngừng một chút để thở rồi nói tiếp:

- Cái hoàn cảnh em nuôi nó éo le lắm... Mà em... thực tình em coi nó như đứa con đẻ đứt ruột ra...

Bác Vinh ngạc nhiên hỏi, cắt ngang lời mẹ tôi, lạc cả giọng:

- Bác nói sao lạ thế? Thằng Vững là con riêng của bác trai ư?

- Không phải con riêng của nhà tôi đâu.

- Lại còn thế nữa cơ. Vậy nó là con nuôi à?

Không hiểu sao mẹ tôi bối rối nói thì thầm:

- Không phải con nuôi. Em vẫn coi nó như con đẻ. Nhiều lúc thấy còn yêu quý hơn cả thằng Thành, thằng Bền nữa kia. Nó là thằng bé khôi ngô, hiếu thảo...

Bác Vinh càu nhàu. Có lẽ bác ấy chả hiểu những điều mẹ tôi nói.

- Bác nói lắm nhảm thế nào ấy. Thôi, khuya rồi ngủ đi cho đỡ mệt.

Nhưng mẹ tôi vẫn cứ thì thầm:

- Em không nói lắm nhảm đâu. Thằng Vững không phải là con em đẻ ra, không phải con riêng của nhà em...

- Nếu không có gì phải giữ kẽ thì bác kể đi.

Cuộc sống có sức mạnh lạ kỳ. Nếu không có ai đánh thức dĩ vãng thì đến ngay tôi cũng không thể biết rõ mình sống những ngày thơ bé như thế nào. Nhưng một khi đã được khêu gợi thì bỗng nhiên trí nhớ chợt hiện ra đầy đủ mọi tình tiết cuộc sống, cứ như trước mắt ta là màn ảnh đang chiếu phim vậy.

Giọng nói của mẹ tôi vẫn đều đều. Tôi chìm đắm vào câu chuyện bà kể với bác Vinh...

Một hôm em đi chợ Rồng về đến phố nhà em ở. Thấy mọi người vây quanh trước hè phố hiệu ảnh Đông Ích xem anh ta vẽ chân dung Cụ Hồ trên một miếng vải căng rộng bằng cái chiếu đại. Giống quá đi thôi. Người xem ai nấy đều trầm trồ khen. Em cũng dừng lại, ngó coi. Cha mẹ ơi, cái anh Đông Ích này đến tài. Biết chụp ảnh lại còn biết cả vẽ nữa. Em đứng ngây ra ngắm mãi.

Chợt có tiếng người gọi phía sau lưng làm em giật cả mình:

- Chị Thành còn chưa về nhà à? Anh ấy ngóng chị mỏi mắt rồi.

Em quay lại. Hóa ra nhà cô Tẻo, vú em ở nhà ông phán Hoàn bên cạnh nhà em. Vậy là em tất tưởi về nhà.

Tới cửa đã thấy nhà em ngó ra:

- Sao mẹ thằng Thành về muộn vậy?

- Em qua hiệu ảnh Đông Ích thấy anh ấy vẽ tranh đẹp quá nên đứng lại ngó xem một lúc.

Vừa nói vừa đặt cái làn xuống phản, em nhìn thấy một thằng bé con đang ngồi ở trên giường kê giáp buồng trong, miệng ăn bánh đa vùng nhai rau rầu, bèn hỏi:

- Con ai đấy hả mình?

Nhà em ngồi xuống phản, miệng tùm tùm:

- Con riêng của tôi mình ạ.

Em sững sờ giây lát. Song, lay Phật, cũng trấn tĩnh được ngay. Quay lại nhìn kỹ thằng bé. Nó chỉ mới hơn hai tuổi là cùng. Kém thằng Thành hai ba tuổi. Như thế thì không thể là con riêng của anh ấy được. Em biết rõ nhà em chứ. Anh ấy không có tính trai gái cờ bạc rượu chè. Vả lại, thằng bé kia chẳng có nét gì giống nhà em cả. Ngay đến nước da cũng khác. Em lấy làm yên tâm, bật cười:

- Nếu là con riêng thì mình bế nó đi ngay về nhà mẹ nó mà ở.

Nhà em vốn không biết đùa dai. Anh ấy kể rõ sự thể. Hóa ra nó là con một người cùng hoạt động cách mạng với nhà em bị giặc Pháp đày đi Côn Đảo từ năm, khi đó mẹ nó vừa mới mang thai. Rồi mẹ nó cũng bị sa vào tay giặc. Chị ta sinh con trong nhà tù. Hồi trước cách mạng tháng Tám thành công mấy tháng, đoàn thể tìm cách giải thoát cho mẹ con chị ra khỏi nhà tù. Nay chị lâm bệnh hiểm nghèo mới qua đời mấy ngày, để lại đứa con nhỏ dại

Thế là chuyện đã rõ. Nhà em muốn đưa nó về nuôi. Hoàn cảnh đã đến nông nổi ấy mà em gạt đi làm sao đành lòng được. Vậy là từ đó thằng Vững trở thành con em. Nhà em dặn không được cho một ai biết chuyện, nhất là đối với thằng bé. Bên nhà chồng em ở tận ngoài Hà Đông

nên không một ai rõ sự thể. Còn bên em chỉ có một mình thầy em là biết thôi. Thăng Vững trở thành con em như một lẽ thường tình. Em đẻ thăng Thành, ba năm sau mới sinh ra nó kia mà. Ai chả tin như thế. Giờ em kể, bác nghe để bụng biết vậy thôi. Thăng Vững tuy còn bé nhưng cả nghĩ lắm. Nhất là từ khi nó ốm đau bệnh tật tới nay...

Để kết thúc, mẹ tôi thở dài:

- Cái số em khổ cả đời bác a! Ai cũng bảo để được mấy đứa con trai thì sướng. Sướng cái nỗi gì hở bác? Có chồng mà em đâu có nhờ cậy được gì. Nhà em cứ đi biên biệt. Giờ em một nách ba đứa con mọn, lại chạy loạn, lại ốm đau...

Tôi nghe rõ tiếng mẹ tôi sụt sùi khóc, tiếng thở dài của bác Vinh. Hồi lâu mẹ tôi chột mếu máo:

- Ngộ nhỡ em không qua khỏi... nhờ bác nhắn ông ngoại các cháu vào... đỡ dần em nuôi các cháu. Thăng Thành với thăng Bền thì chả làm sao, chứ còn thăng Vững thì... thật tội nghiệp! Nó sẽ khổ suốt đời. Em mà sống được... em còn tần tảo nuôi nó...

- Đừng có đại miệng! Chết thế nào được - Bác Vinh gắt: - Mai cho thăng Thành lên nhà ông Phù Lưu mua tiếp ít thuốc nữa mà tiêm, hoặc uống cho dứt cơn sốt.

- Tiền nong đâu mà mua. Chả nhẽ mua chịu người ta mãi hay sao.

Bác Vinh vẫn sảng giọng:

- Rõ dở hơi! Thiếu bao nhiêu thì cứ nói với tôi. Chị em cùng cảnh chạy loạn với nhau, việc gì phải giữ kẽ như thế.

Giọng mẹ tôi thều thào mệt mỏi:

- Bác cứ nói thế chứ. Hoàn cảnh em cứ túng quẫn mãi thì lấy của đâu ra trả cho bác sau này.

Bác Vinh bật cười:

- Thì gán nợ thăng Thành cho tôi vậy.

Mẹ tôi cũng phì cười, nhưng cười trong nước mắt:

- Ơn giờ, sau này nó mà được làm rể nhà bác thì sướng cả một đời...

Tiếng rì rầm trò chuyện dần dần lặng im. Hẳn mẹ tôi với bác Vinh đã thiêu thiêu ngủ. Đêm về sáng càng thêm tĩnh mịch. Thỉnh thoảng có tiếng hoăng kêu vắng đến lạc lõng. Chắc con vật hiền lành đang táo tác chạy sao cho thoát khỏi nanh vuốt con cọp đuổi sau đuôi đây. Cầu trời cho nó thoát nạn.

Tôi gắng nhắm mắt lại hồi lâu mà vẫn không thể kéo được giấc ngủ đến. Đầu óc tỉnh táo như vừa chợp mắt được một giấc ngon lành.

Giờ đây, tôi mới thấu tỏ cuộc đời cha mẹ và cuộc đời tôi. Chao ôi! Một khi được nhìn thấy sự thật, thì sự thật mới nghiệt ngã làm sao! Nếu không lấy cha tôi, hẳn cuộc đời mẹ tôi đâu đến nổi vất vả gian truân. Giá như tôi không “bước vào” cửa nhà bà thì hẳn bà cũng đỡ cơ cực bần hàn. Túng quẫn quá nên mẹ tôi trở nên bần tính, suốt ngày gắt gỏng, lắm khi quẫn trí đánh chửi các con. Vậy bố mẹ thật của tôi là ai... là ai? Tôi không hề biết một chi tiết dù nhỏ nhất nhất về cha mẹ đẻ ra mình, bóng dáng họ như thế nào.

Xin cuộc đời hãy tha thứ cho đứa trẻ khốn khổ này! Đừng ai nhắc tới cái sự thật phũ phàng đớn đau của tôi. Xin hãy cứ định ninh rằng đây là bố mẹ đẻ ra tôi. Như vậy, có lẽ cuộc sống của tôi dịu bớt nỗi xót xa hơn nhiều. Xin đừng ai nhắc đến sự thật... Sự thật nhiều khi làm ta ứa máu và tủi hờn..

Ngẫm nghĩ, tôi mới thấy cuộc đời mình không có người mẹ như bà thì chẳng rõ thân phận tôi sống chết thế nào. Suốt đời bà chỉ biết lo gánh vác công việc gia đình, chịu mọi cực khổ. Giờ đây ốm đau cũng chỉ một mình. Vậy mà tôi... mà tôi... sao lại có những ý nghĩ không hay về mẹ, sao lại đòi hỏi quá đáng, sao lại cứ ghen tỵ với anh em chúng bạn? Nào có một ai làm cho tôi

đến nông nổi này đâu. Mẹ tôi đã gắng chạy chữa thuốc men hết sức rồi đấy chứ. Tôi thật là một đứa trẻ tội lỗi và hèn kém. Trời ơi... giá tôi chết quách đi từ dạo nào có phải hơn không?

Mấy hôm nay trời mưa dầm. Bầu trời lúc nào cũng sầm sì đầy mây đen bưng kín khắp mọi chỗ. Phố xá vắng ngắt. Mưa thế này không có mấy ai mang hàng từ vùng tề ra. Đường sá lầy lội. Đèo cao dốc thẳm. Thỉnh thoảng gió lại u ú trên đỉnh rừng tràn qua. Vào những ngày mưa rả rích, dân vùng núi cũng chỉ bám quanh bếp lửa giữa nhà sàn chứ chẳng đi đâu.

Tối đến. Dọc dãy phố Dốc Trầu nhà nào cũng đóng cửa sớm.

Sau khi cắt cơn sốt, mẹ tôi vẫn nằm bẹp giường. Bà đuối sức quá. Vả lại cũng chả có gì để tắm bổ. Vẫn ngày ăn vài bát cháo, bữa với muối, bữa với thìa đường cát. Anh em chúng tôi không còn lo mẹ chết, nhưng không khí trong nhà vẫn cứ buồn buồn.

Đêm ấy...

Đã khuya lắm rồi. Rừng núi yên tĩnh đến nỗi có thể nghe được tiếng hổ gầm gừ trong rừng sâu vọng về. Mẹ con chúng tôi ai nấy đều ngủ thiếp đi vì mệt mỏi. Chợt có tiếng người gọi ở ngoài đường.

- Có phải nhà chị Thành đây không?

Cả nhà tôi vẫn đang trong giấc ngủ say nên không một ai nghe thấy tiếng gọi:

- Có phải nhà chị Thành ở đây không?

Cô Bưởi ở nhà bên cạnh chỉ cách bức vách bằng phen nửa, nghe thấy bèn lên tiếng:

- Ai gọi đấy?

Người ở ngoài đường trả lời:

- Tôi đây. Tôi là Hào đây. Có phải nhà chị Thành ở đây không ạ?

- Đúng rồi bác ạ. Để tôi gọi hộ cho...

Rồi cô Bưởi đập tay vào phen nửa, gọi:

- Chị Thành! Chị Thành!... Có ai gọi chị ở ngoài đường đấy.

Mấy mẹ con chúng tôi cùng bừng tỉnh. Anh Thành vội đánh bật lửa thắp đèn, ra mở then cửa:

- Ai hỏi mẹ em đấy?

Ba người từ trong bóng tối ở ngoài đường nhảy qua rãnh nước vào thềm nhà. Một người lên tiếng:

- Cháu Thành đấy à? Chú Hào đây. Cháu còn nhớ chú không?

Anh Thành ngược mắt nhìn ba người đàn ông rồi thốt lên:

- Ô... chú Hào thật! U ơi... chú Hào! Vững, Bền ơi... chú Hào đây này.

Mẹ tôi ngồi nhồm dậy. Anh Thành phải đốt thêm ngọn đuốc trám cho sáng. Tôi với thằng Bền sau giây phút ngỡ ngàng cũng nháo nhác ngó nhìn ba người khách. Chú Hào độ này già hẳn. Dẫu vẫn nhanh nhẹn như xưa nhưng đôi nét đường bệ của người chỉ huy đã xuất hiện. Hai anh bộ đội cùng đi đều là người chúng tôi mới gặp lần đầu.

Cởi mũ, áo mưa rũ sạch nước ngoài hiên, ba anh bộ đội to xù những ba lô và bao gạo trên người bước vào nhà.

- Sao trông chị gầy thế?... Mới ốm dậy hả? - Chú Hào nhìn mẹ tôi hỏi liên tiếp.

- Tôi suýt chết đấy, chú Hào ạ! - Mẹ tôi thều thào trả lời.

Sau khi tháo cởi nào những ba lô, bao gạo, túi dết để gọn vào góc nhà, ba anh bộ đội ra ngoài giếng khơi kéo nước rửa mặt mũi tay chân. Mẹ tôi sai anh Thành nhóm bếp nấu cơm cho khách. Chú Hào gạt đi mớ trông túi dết ra gói cơm nắm vẫn còn nguyên.

Giữa đêm khuya nhà tôi bỗng ồn ào tiếng người trò chuyện. Cái không khí vắng ngắt buồn đến hiu hắt được ba chú bộ đội xua tan. Thôi thì hồi tưởng lại những ngày sống ở xóm Núi Ngang, điểm tên từng người quen biết. Anh Phả lên công tác ở quân y trung đoàn, anh liên lạc bị thương ở bàn chân hôm máy bay oanh tạc xứ đạo Hệ Dưỡng được đi học trên chiến khu Việt Bắc... Chú Hào nói cho mẹ con chúng tôi biết là chú đi công tác lên miền Tây Bắc, nghe nói gia đình chúng tôi chạy tản cư vào đây, tiên đường chú hỏi thăm. Thật là cuộc gặp gỡ bất ngờ đến ngỡ ngàng. Sau này tôi mới biết dặn dò chú Hào vào quân tình nguyện sang Lào đánh giặc giúp nước bạn.

Suốt đêm, cả nhà không ai chợp mắt được, chốc chốc lại rì rầm nói chuyện với nhau đôi ba câu. Gần sáng thì chú Hào cùng hai chú chiến sĩ lên đường. Chú để lại cho mẹ con chúng tôi hai bao gạo, một cái chăn trấn thủ, lòng những ngậm ngùi ái ngại cho hoàn cảnh mẹ con tôi.

- Chẳng có gì để lại thêm cho chị và các cháu cả! Thôi... chị và các cháu hãy gắng chịu đựng tới ngày kháng chiến thắng lợi. Ngày ấy chắc sẽ không xa...

Anh em chúng tôi bịn rịn bám lấy các chú bộ đội, nước mắt đầm đìa:

- Chú nhớ quay trở lại với chúng cháu nhé.

Ngoài trời mưa rả rích, gió vẫn ào ào thổi từ trên đỉnh rừng tràn về. Bốn mẹ con chúng tôi đứng nép vào nhau ở bậc cửa nhìn theo ba cái bóng đen hòa vào đêm tối nhập nhoạng lúc về sáng.

Con đường lầy lội và trơn như đổ mỡ. Các chú bộ đội đi về phía chợ Kim Tân để sang miền Tây. Miền Tây ở đâu? Miền Tây có xa lắm không? Chú Hào nói miền Tây có rừng núi giống như ở đây, có bà con đồng bào cũng đùm bọc yêu thương bộ đội Cụ Hồ như ở đây. Có thật thế không chú Hào?

Tôi chuẩn bị sách vở đi học.

Trời mưa, mẹ tôi không mở cửa bán hàng. Vả lại bà vẫn chưa hồi sức. Hễ cứ ngồi lâu một lúc là chóng mặt. Hôm nay lớp anh Thành nghỉ học nên mẹ tôi bắt anh dẫn tôi đi. Nhìn trời mưa rả rích và con đường trơn lầy lội đất vàng quánh, anh Thành lấy làm ngại ngùng:

- Thôi... nghỉ một buổi học Vững ạ. Mà đi đến lớp thì bắn hết người.

- Bắn thì bắn em cũng cứ đi. - Tôi nói như van vỉ.

- Ngộ nhờ thầy giáo cũng không đến thì sao?

Anh Thành vẫn bần chừn.

- Thầy giáo không thể lỡ hẹn được.

Đầu óc tôi ngày thêm sáng ra, học đâu nhập tâm đấy, tẩn tởn trông thấy nên tôi càng ham học. Hai ba tháng nay tôi đều xếp thứ nhất hoặc thứ nhì trong lớp. Còn cái Dung chỉ xếp thứ hai mươi năm, gắng lắm mới nhích lên hai mươi ba là hết sức, tháng vừa rồi lại tụt xuống hai mươi tư. Đến lạ. Nó nào có lười nhác cho cam.

Thế mà điểm trung bình tháng nào cũng chưa được năm phẩy theo thang mười điểm. Thành ra nó có vẻ chán học lắm rồi. Cái đầu nó bỗng dưng mù mị đến vậy. Nhưng nó được cái không bao giờ bị mẹ mắng mỏ rầy la. Bác Vinh vẫn cưng nó như cục vàng.

Dạo này mẹ tôi cũng bớt chửi bới, cáu gắt với tôi. Tôi đoán chắc mấy lần thầy giáo gặp bà nói chuyện về tôi gì đấy. Thầy giáo thương tôi lắm, tuần nào cũng tìm sách cho tôi đọc. Nào “Đôi lứa xứng đôi” của Nam Cao, nào “Giông tố” của Vũ Trọng Phụng, “Bỉ vỏ” của Nguyên Hồng... Vậy mà anh Thành lại bảo tôi bỏ một buổi học! Anh ấy nghĩ thế nào chứ riêng tôi thì tôi thấy tiếc lắm.

Lâu nay tôi cũng muốn lánh tránh, ít muốn phiền cái Dung. Hơn nữa tôi thấy nó khang khác thế nào ấy. Càng ngày Dung càng tỏ ra là người lớn hơn tôi, luôn bận rộn với đám bạn mới. Tuy nó vẫn sẵn lòng giúp tôi việc nọ việc kia, song lại rất ít khi nói chuyện với tôi. Sao nhỉ? Hình

như nó còn ngái ngái gặp tôi trước mọi người nữa cơ. Đã thế tôi “cóc cần”. Nó thích chơi với anh Thành cũng phải thôi. Anh ấy xinh xẻo, múa dẻo mà lại. Dao này nó thường rủ anh ấy đi rừng kiếm củi, hay xuống chợ Kim Tân xem gánh xiếc rong biểu diễn. Nghĩ đến cái đêm bác Vinh gái sang ngủ cùng mẹ tôi hồi bà ốm ngã nước. Hai bà rì rầm trò chuyện với nhau. Tôi biết bác Vinh quý anh Thành lắm. Chả rõ đùa hay thật mà bác ấy đã ướm lời xin anh ấy làm con rể. Nếu sau này chuyện đó thành sự thực thì cái Dung là chị dâu tôi à? Làm chị... bé hơn tôi mà đòi làm chị? Đã thế tôi cóc nhờ nó dẫn đi học nữa. Tôi tự một mình đi. Đã sao? Tôi bèn nói với mẹ:

- Thôi... không cần anh Thành dẫn, con tự đi một mình cũng được.

Mẹ tôi sáng giọng:

- Tự đi một mình thế nào được! Hay là gọi cái Dung nó cùng đi học với mày.

- Ừ, con không đi với nó.

Mẹ tôi vẫn càu cạu:

- Trời mưa, đường trơn thế kia người lớn đi không khéo còn ngã nữa là mày. Thằng Thành đâu? Công em đi học chứ.

Anh Thành phụng phịu, ra điều kiện với tôi:

- Tao công mày mà ngã thì chớ có kêu đau nhé.

Nói vậy chứ anh Thành vẫn cứ chần chừ. Sợ muộn giờ học tôi bảo:

- Thôi, chả cần anh công nữa đâu. Em tự đi một mình vậy.

Nào ngờ, anh Thành có cớ kích tôi nhưng lại phân trần với mẹ:

- Mày đòi tự mình mà đi được à? Một mình mày đi nhé.

Tôi không nói gì thêm nữa, cúi xuống xắn quần lên tận đầu gối, khoác áo tơi lá, đội nón vào đầu hăm hở bước ra đường. Mới rời khỏi nhà được mười bước là tôi bỗng trượt chân, người lật ngửa, hai tay chới với. May quá, tôi kịp bám được vào cây cọc bờ dậu sân của nhà bác Chính làm nghề chụp ảnh, gắng sức co người, từ từ co chân trái còn yếu liệt ra khỏi vùng đất nhão nhoét nước mưa. Tự dưng có ai đó đỡ người tôi. Tôi ngoái cổ nhìn sang. Cái Hằng với thằng Quý như có phép thần kịp thời hiện ra hai bên.

- Các cậu đi đâu đấy? - Khi đã đứng lên được, tôi ghé vào tai cái Hằng hỏi.

- Bọn tớ đến đón cậu đi học chứ còn đi đâu nữa. Sao không chờ?

- Tưởng trời mưa, các cậu ở nhà.

- Mưa to mấy chúng tớ cũng đến. Cậu học được thì phải học cho cả chúng tớ nữa.

Cái Hằng bảo tôi bá vào cổ cho nó cộng. Tôi không nghe. Có đời thuở nhà ai con trai lại ôm lưng cho con gái cộng bao giờ. Xấu hổ lắm. Bọn trẻ con khắp phố sẽ giễu cho thôi. Cái Hằng và thằng Quý đành phải chịu. Bởi thằng Quý lại không thể cộng nổi tôi. Vậy là ba đứa chúng tôi nhùng nhằng, dặt dứ nhau đi ngược lên Dốc Trầu đến lớp học ở bên cạnh hiệu thuốc tây nhà ông Phù Lưu.

Chúng tôi làm khuấy động dãy phố im lìm giữa rừng trong trời mưa nên nhiều nhà hai bên đường mở cửa nhìn ra. Thấy chúng tôi lúi thúi lếch thếch dắt nhau đi rờn rần chắc là ngộ lắm nên họ bật cười ngặt nghẽo, gọi nhau í ới. Bọn trẻ con thích chí chỉ trỏ hò reo inh ỏi. Cốc dừa vừa hết vừa vỗ tay:

- Đồng bào hãy xem: thằng què, con điếc, đứa câm làm xiếc kìa.

Cái Hằng với thằng Quý không nghe thấy. Còn tôi thì tím mặt, uất đến nghẹn cổ. Tôi muốn đi cho chóng đến lớp mà không thể vội vã mau cẳng được. Cái Hằng và thằng Quý chẳng những không biết người hai bên phố đang giễu, lại còn khoa tay ra hiệu “nói” với nhau. Càng nhí nhố làm cho họ cười đến sặc sụa.

Tôi cắn răng lờ đi, hỏi cái Hằng.

- Sao đằng ấy không đi chữa tai cho khỏi điếc?

Nó lắc đầu.

Tôi không hiểu hết ý nên lại hỏi:

- Nhà đằng ấy giàu thế mà không có tiền mua thuốc à?

Cái Hằng nhìn thẳng vào mắt tôi, ánh mắt thật lạ lùng:

- Bố tớ tìm khắp nơi mà không có thầy thuốc.

Ra thế. Như vậy là nếu có thầy thuốc thì cái Hằng sẽ đi chữa khỏi điếc. Còn tôi? Được ông ngoại kê đơn cắt thuốc chữa mà sao chân tay còn yếu đuối thế này? Liệu có phải là do không có thầy thuốc không? Ông y tá ở phố Dốc Trầu vẫn đi khám bệnh tiêm thuốc đầy thôi. Chẳng đã chữa cho mẹ tôi khỏi ốm là gì? Có khi cái Hằng không biết gì nên mới nói thế. Mẹ tôi vẫn thường bảo cái số tôi trời bắt thế phải chịu. Mà bà Xứng mẹ thằng Quý cũng nói cái số thằng Quý phải gánh chịu như vậy. Chỉ riêng cái Hằng là đổ cho không có thầy thuốc. Nói phét thì có! Chứ đã là cái số trời bắt điếc thì điếc thôi.

Thấy trời mưa mà tôi vẫn đến lớp học, thầy giáo thích lắm. Từ trong nhà, thầy nhảy qua rãnh đón tôi, dắt vào:

- Bước khéo nhé... thế. Để thầy nhắc bóng em qua rãnh nào.

Lớp học vắng mười đứa. Cái Dung cũng không có mặt.

Lúc nghỉ giải lao, tôi lần đến bên thầy giáo hỏi:

- Thầy Khang ơi...

- Gì đấy? - Thầy quay lại hỏi.

- Liệu có thầy thuốc không ạ?

Thầy giáo nhìn tôi cười:

- Tưởng em hỏi gì. Sao lại không? Có thầy thuốc chứ.

- Vậy sao cái Hằng đứng kia kìa, nó bảo vì không có thầy thuốc nên không có ai chữa cho nó khỏi điếc.

Thầy giáo Khang gật đầu:

- Em Hằng nói đúng đấy. Chiến tranh giặc giã thế này, đến nhà thương sao được để chữa bệnh hả em.

Rồi thầy nắm tay tôi nói tiếp:

- Khi nào kháng chiến thành công. Vững phải đến nhà thương chữa bệnh cho tay chân cứng cáp khỏe mạnh như mọi người.

- Có chữa khỏi bệnh thật không thưa thầy?

- Thật chứ!

Tôi đứng nghệt mặt ra buồn vui lẫn lộn. Liệu đến bao giờ kháng chiến thành công để tôi đi nhà thương chữa bệnh? Tôi bám lấy tay thầy giáo, lại hỏi:

- Em muốn sau này lớn lên sẽ làm thầy thuốc, có được không ạ?

Thầy giáo Khang nghiêng đầu nhìn tôi hồi lâu, khẽ nói:

- Em muốn trở thành bác sĩ à?

- Bác sĩ là gì ạ?

- Là đốc-tờ ấy mà...

Tôi ngơ ngác vì chẳng hiểu gì hết. Thầy Khang bèn giảng giải:

- Đốc-tờ tức là bác sĩ là thầy thuốc. Sau này Vững muốn làm bác sĩ chữa bệnh cho mọi người

thì phải học thật giỏi để thi vào trường Y.

Thầy giáo cắt nghĩa cho tôi nghe trường Y là gì, thi vào khó thế nào, và phải học nhiều môn ra sao mới làm được bác sĩ...

Suốt giờ học tiếp, đầu óc tôi cứ lộn xộn những ý nghĩ với các chuyện mà thầy giáo Khang vừa nói. Giá mà có thầy thuốc thì mấy đứa chúng tôi, kể cả thằng xẩm nữa, chắc chắn sẽ được chữa khỏi điếc, khỏi câm, hết què, mắt sáng trở lại. Chao ôi... nếu được như vậy thì sướng ời là sướng! Sẽ không còn ai câm, điếc, mù, què nữa. Những đứa tật nguyền chúng tôi sẽ không còn bị ai trêu đùa giễu cợt nữa. Không phải trông mong vào sự thương hại của ai cả... ý nghĩ làm cho tâm hồn tôi bay bổng. Cuộc sống vẫn đáng yêu lại mở ra trước mắt vậy gọi tôi dừng cảm bước vào.

Cha tôi ở trong vùng địch hậu ra. Mẹ con chúng tôi mới biết tin ông ngoại cũng bị ốm nặng. Sau đợt giặc Pháp tung quân đánh lên thị trấn Nho Quan, bác Bội chuyển phần lớn xướng mộc vào khu rừng bên đường Hoa Sói nên hồi mẹ tôi ốm ngã nước, ông ngoại không vào thăm được.

Chúng tôi được sống trong mấy ngày gia đình đoàn tụ đông vui. Bữa ăn cũng được mẹ tôi “hào phóng” cải thiện thêm hoặc đĩa thịt rang, hoặc đĩa cá kho. Tối nào cũng vậy, trước khi đi ngủ là cha tôi bắt tôi nằm ngửa ra giường để ông xoa nắn chân tay hồi lâu cho ấm. Nét mặt cha ưu tư phiền muộn. Rồi ông nằm xuống bên cạnh tôi, hỏi chuyện học hành. Tôi hỏi cha những điều chưa hiểu trong các bài sử ký hoặc địa dư. Nhân một hôm chỉ có hai cha con ở nhà, tôi ướm lời hỏi:

- Thầy ơi... có phải con là...

Thoạt tiên cha tôi lơ đãng không để ý đến câu hỏi của tôi, ông tưởng tôi e sợ nên giục:

- Con cứ nói...

- Con không phải là con đẻ của thầy u phải không?

Nghe hết câu, tôi thấy ông sững ra giây lát rồi chuyển nét mặt đến nhanh:

- Con nghĩ vớ vẩn!

Tôi nhìn chằm chằm vào mắt ông:

- Thầy nói đi. Con là con nuôi chứ gì?

- Ai nói với con thế?

Tôi không dám nói là nghe mẹ kể với bác Vinh. Sợ ông nổi giận mắng bà. Hơn nữa tôi lại nghe lỏm mới biết được chuyện. Nghĩ mãi, tôi mới tìm được cách trả lời:

- Con nhìn kỹ trong gương không thấy con giống thầy u gì cả.

Cha tôi bật cười, ông tự nhủ sau mấy giây xúc động vì câu hỏi thật bất ngờ.

- Con ngốc lắm - Cha tôi nói: - gương mặt vuông chữ điền của con là giống thầy. Nước da thất bì là nước da của u con. Thôi, đừng có nghĩ bậy nữa. Con ốm yếu thầy u vẫn thương.

Ông giảng giải cặn kẽ, giọng đều đều khiến tôi thiu thiu ngủ đi lúc nào không biết.

Nhưng lắm đêm đang ngủ bỗng tỉnh giấc, tôi nghe tiếng tiếng mẹ tôi nói rì rầm. Thoạt đầu tôi ngỡ bà nói một mình. Mẹ tôi vẫn có cái tật như thế. Lo toan tính toán công việc gia đình, chẳng biết bàn cùng ai, cứ đêm khuya bừng tỉnh lúc nào, nghĩ ngợi điều gì là bà nói lẩm bẩm trong miệng điều ấy. Như đang nói chuyện với người nào đấy. Nhưng sau nghe thấy tiếng cha đáp lại thì tôi mới vỡ lẽ. Cha mẹ tôi đương bàn bạc về cuộc sống gia đình và các chuyện về con cái.

Mẹ tôi kể lể không biết bao nhiêu là chuyện xảy ra trong những tháng vừa qua. Trí nhớ của bà kể cũng thần tình. Bà “dựng” lại không thiếu sót một chuyện vụn vặt nào. Bà ứa nước mắt

mỗi khi nhắc đến những gian truân vất vả. Cũng may là cha tôi mang mấy yến gạo và ít tiền đoàn thể trợ cấp về cho mẹ con tôi kịp trả nốt nợ nần và sinh sống. Mẹ tôi khen anh Thành hết lời.

Quả thực, anh Thành càng lớn càng xinh trai trắng trẻo, càng giống cha tôi y hệt. Chả thế mà bác Vinh gái cứ nửa đùa nửa thật xin anh ấy làm con rể. Đến chết cười. Còn thò lò mũi xanh mà người lớn đã lo tính đến chuyện tơ duyên vợ chồng. Cái Dung thích chơi với anh Thành lắm. Nhưng thấy mẹ tôi với bác Vinh chế là mặt đỏ gay, nhõng nhẽo:

- Ừ ừ... mẹ đừng chế con, chúng bạn nó giấu cho xấu hổ lắm.

Bác Vinh cười lộ hàm răng đen hạt na, mắng yêu con gái:

- Tông môn nhà cô! Người ta lên tám tuổi đã về nhà chồng rồi. Đàng này cô đã mười một mười hai chứ còn bé bỏng gì nữa mà nhõng nhẽo. Rõ dơ chưa!

Kể lại cho cha tôi nghe chuyện này, mẹ cũng bật phì cười. Tôi nhận thấy bà tỏ ra vui thích vì bộc lộ niềm sung sướng về đứa con của mình.

Cũng là một đứa trẻ mà không một người nào để ý tới. Mọi việc chăm sóc, giúp đỡ của những người xung quanh chỉ là sự thương hại đối với kẻ tật nguyên yếu đuối. Trái tim tôi nhói đau hệt như có những mũi kim châm.

Mẹ tôi chuyển sang nói chuyện về thằng Bền. Ngày nó mới có một hai tuổi, sau đợt bị thủy đậu, người chột như cá trê chuột da. Vậy mà bây giờ nghịch ngợm, đánh nhau khắp phố. Cái thằng đến cục. Lớn lên sau này thì gan cóc tía và ngang bướng nhất nhà...

- Thằng Vững chuyển này tôi cũng thấy khá đấy chứ? - Chợt cha tôi lên tiếng như muốn gọi chuyện về tôi.

Mẹ tôi im lặng hồi lâu rồi thở dài:

- Có khỏe lên. Nhưng sau này không biết có làm được gì để tự nuôi sống nổi mình không đây?

Tôi nằm im lắng nghe xem cha mẹ nói chuyện với nhau về tôi thế nào. Mãi vẫn không thấy ai lên tiếng nói thêm gì nữa. Im lặng kéo dài. Tôi chờ đợi đến nghẹn cả thở. Rõ lâu. Vẫn im như thóc. Có lẽ cha mẹ tôi thôi không nói chuyện nữa, ngủ thiếp đi rồi cũng nên. Chốc chốc văng đến tiếng hoăng kêu gọi bầy.

Hai mắt tôi từ từ díp lại thiu thiu ngủ thì tiếng mẹ tôi rì rầm lại vang lên. Tôi giật mình mở căng mắt xua cơn buồn ngủ.

- Kể nó chết hồi ốm bại liệt thì thương đứt ruột đấy, nhưng yên phận nó. Đàng này nó lại sống, còn mang thêm cả tật nguyên, vừa khổ cái thân nó, vừa khổ cả mình... Bây giờ mình với tôi còn khỏe, làm ăn nuôi nó được. Chứ chiến tranh loạn lạc thế này, sống chết ai lường trước được thì nó sống ra sao? Đấy, cái đận tôi ốm ngã nước vừa rồi những tưởng sảy đàn tan ghé.

Tiếng thở dài của cha tôi như cố xua đi câu chuyện bế tắc về tôi. Ông nghĩ gì nhỉ?

Đã nhiều lần tôi thấy cha mẹ bàn bạc với nhau về tôi. Càng lớn tôi càng thêm hiểu biết để đoán xét ý tứ mọi người nên có dám đòi hỏi, tị nạnh với anh hoặc em, hay những nhiều gì đâu. Tôi biết thân phận mình chứ.

Chợt cha tôi lên tiếng:

- Đành vậy chứ còn biết làm thế nào bây giờ. Mình có cần rút tôi thì cái sự nó vẫn vậy. Thôi, hãy cứ biết là mình còn sống nuôi nó. Mong cho ngày kháng chiến thắng lợi đến mau để yên ổn làm ăn, xây dựng đời sống mới xem nó ra sao đã...

... Sau đó cha tôi lại ra đi. Cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới. Ông trở vào vùng địch hậu thúc đẩy phong trào ủng hộ kháng chiến, gửi lúa gạo, thuốc men ra mặt trận, đưa thanh niên trai tráng ra vùng tự do tòng quân đi giết giặc, đưa đồng bào đi dân công phục vụ tiền tuyến... Thảo nào dạo này bộ đội, dân công cứ nườm nượp hành quân qua phố Dốc Trầu. Súng ống đạn dược ùn ùn hết đoàn xe thồ này lại tới đoàn xe thồ khác. Nghe nói bộ đội ta đang tiến

quân giải phóng miền Tây Bắc, khép chặt vòng vây cứ điểm Điện Biên Phủ. Tôi thấy những chú bé liên lạc trạc tuổi tôi cũng ba lô, túi dết khoác vai chạy theo đoàn quân mà thềm đến cháy ruột. Giá tôi được như mấy chú bé liên lạc ấy nhỉ?

PHẦN NĂM

Thằng xẩm và chú bé què, cậu bé câm với cô bé điếc

1

Sáng ra.

Ăn cơm xong là anh Thành vác cái chổi kẹp bằng tàu lá cọ, phốc ra phố đến tập trung ở sân bóng chuyền. Hôm nay đội thiếu nhi Dốc Trầu làm tổng vệ sinh đường phố.

Bọn trẻ con phố Dốc Trầu chẳng rõ nghe ai nói, kháo nhau ầm ĩ là có bộ đội đặt những cỗ súng to lắm ở trên đồi để bắn máy bay nên chúng mới không dám bay qua vùng này. Và cũng lâu lắm rồi, không thấy máy bay cào cào thả truyền đơn nói xấu kháng chiến.

Dân phố Dốc Trầu náo nức hưởng theo kháng chiến. Nhiều thanh niên đi tòng quân, nhiều người đi thanh niên xung phong làm tiếp vận cho mặt trận, nhiều người đi dân công hỏa tuyến.

Lần đầu tiên tôi thấy bọn trẻ con không gọi nhau bằng “đằng ấy” hoặc “nó”, bỏ lối xưng hô “mày tao chí tớ” để nói với nhau là “bạn”.

Nghe là lạ đến thích.

Tất nhiên chỉ có riêng tôi, cái Hằng, thằng Quý là không thấy các anh chị phụ trách nhắc đến tên cho vào danh sách gọi đi sinh hoạt. Chúng tôi cũng buồn. Tôi và cái Hằng buồn nhất.

Thằng Quý thì nó chẳng thiết gì cả. Nó có nghe có nói được đâu mà thêm khát. Hôm thằng Xẩm trở lại phố hát rong, tôi có nói chuyện này cho nó biết. Nó ngồi im một lúc, chớp chớp đôi mắt đục ngầu đỏ như khói bếp rồi khẽ khàng:

- Mày buồn rầu làm gì cho nó cực thân! Ông giời bắt mày què cũng như bắt tao mù lòa, bắt con Hằng điếc, bắt thằng Quý cả câm lẫn điếc, thành thân phận kẻ tật nguyên hèn kém, sau này làm được gì mà sống? Cái khổ của bọn mình là ở chỗ đó. Chứ cái chuyện nhảy múa, hát hò không có cũng chẳng sao. Bọn mày bây giờ còn có bố mẹ nuôi đã sướng hơn tao rồi. Có lo là lo sau này phải sống tự lập ấy.

Nghe nó nói mà tôi sờn gai ốc khắp người. Quả đúng như thế thật. Dầu sao tôi cũng còn sướng hơn nó là có bố có mẹ. Thì thầy u tôi chẳng một mực bảo tôi là con đẻ là gì. Sau này nếu cha mẹ tôi không còn sức làm ăn nuôi nổi con cái thì hỏi liệu tôi làm gì để kiếm sống? Những chữ “Nếu”... cứ nảy nở hiện ra làm tôi kinh hoàng. Tôi sẽ sống ra sao khi chỉ là một cậu bé tàn tật? Sẽ đi ăn mày hay hát rong như thằng mù ư? Chao ôi, cái viễn cảnh xám xịt hiện ra trước mắt tôi mới u tối buồn thảm làm sao!

Bất giác, tôi ngược mắt nhìn lên bầu trời. Bầu trời trong xanh cao vời vời, thăm sâu và im lặng. Tôi đảo mắt nhìn cảnh vật đồi núi bao quanh, màu xanh cây rừng ngời ngời trong nắng sớm. Từng đàn bướm vàng, bướm trắng bay dập dờn qua các lùm cây. Thiên nhiên sinh động và rực rỡ màu sắc của sự sống.

2

Thằng Bền chạy ngược lên phố theo kịp anh Thành. Thành thử chỉ có một mình tôi ở nhà. Những ý nghĩ cứ luẩn quẩn trong đầu. Liệu trên đồi này có ai tàn tật giống tôi mà làm nên công trạng được như người mạnh chân khỏe tay không?

Lúc sau cái Hằng và thằng Quý chạy đến tìm tôi, xôn xao những chuyện ở chỗ bọn thiếu nhi

dọn vệ sinh.

- Vững ơi các anh chị thanh niên phạt đám lau cạnh giếng thấy hang rắn to lắm. Trứng rắn trắng xóa dưới đất, còn rắn con thì nhiều nhưn nhúc.

Thằng Quý ú ớ gân cổ “nói” chen vào. Hai tay nó khua khua vẽ những đường lượn sóng trong không gian một hồi rồi ngoáy tít. Có nghĩa là nhiều vô kể.

- Bụi lau ở đằng sau nhà anh thợ khắc đấy. - Cái Hằng nói thêm, nó hỏi tôi: - Vững còn nhớ chuyện Rắn Thần không?

- Sao lại không nhớ. Nhưng...

Tôi phải hét vào tai cái Hằng. Nó dụi dằm bảo:

- Thế mà dạo ấy dân phố lại đồn anh thợ khắc dấu với nhà cô Mán trên rừng bên La Thạch. Rồi cô ta...

Phải rồi, tôi vẫn còn nhớ như in sự thể xảy ra. Bởi hồi đó lũ trẻ lau nhau bàn cãi ầm ĩ đến hàng tháng về chuyện này. Trí tưởng tượng con trẻ của chúng tôi được nảy nở trong đầu mỗi đứa.

Biến những câu chuyện cổ tích, chuyện thần thoại mà người lớn thường kể, gắn liền cuộc đời vào anh thợ khắc dấu. Vậy mà bây giờ lại thấy hang rắn. Như thế có nghĩa là... đứa trẻ nào cũng là thằng bốc phét. Còn anh thợ khắc dấu thành kẻ làm trò cười cho thiên hạ.

Câu chuyện Rắn Thần và anh thợ khắc dấu là như thế này:

... Số là anh thợ khắc dấu sống có một mình, làm nhà mở hiệu hành nghề ở gần giếng nước chung của dãy phố. Cái nghề chẳng có mấy khách hàng. Đôi khi có cơ quan kháng chiến nhờ khắc một số bản tin hay công báo để in thành nhiều bản gửi tới từng gia đình thì mới có việc. Cho nên anh ta phải đi buôn để kiếm sống. Anh đến các xã lân cận có nhiều đồng bào thiếu số sinh sống mua các thứ lâm sản của họ về bán cho người trong vùng tề ra chợ Kim Tân đón hàng. Có đợt anh ta đi biển biệt hàng tháng trời.

Vào một buổi chiều, anh thợ khắc dấu về nhà, vừa mở cửa là nhìn thấy ngay một con rắn to như đoạn tre lớn, dài tới hai mét, đầu có mào, từ trong phía chạn bát lao ra. Anh hoảng loạn kêu la hàng xóm sang cứu. Dân phố đổ xô đến. Người ta xông vào đánh chết con rắn.

Mọi người vây quanh con vật hung dữ là thế, giờ nằm im dưới đất như một đoạn tre mốch thối, bàn tán đủ chuyện. Đám trẻ con được một phen sợ hú vía, mặt xanh dít nhái... cũng nhặng xị dứ dọa nhau, tranh cãi về con rắn. Không có nhẽ nó là Rắn Thần. Rắn thường sao lại có mào? Mà là Rắn Thần thì đánh chết được ư?

Hôm đó tôi quả quyết với chúng nó đây là con Trăn tinh trong chuyện Thạch Sanh. Chợt có một người đàn ông dân địa phương đi qua đường thấy đám đông tụ tập bàn tán bèn ngó vào xem. Ông ta ngỏ lời xin con rắn. Anh thợ khắc dấu bằng lòng ngay. Dân phố chẳng ai phản đối. Người đàn ông bèn cuộn con rắn chết đó lại, bỏ vào đầy cái thúng cái, đội lên đầu, đi về nhà. Nhà ông người Mường này ở trên đồi sau vạt rừng vầu cạnh Dốc Trầu.

Ngay sáng hôm sau dân phố Dốc Trầu lại một phen bàn tán. Thì ra trên đường mang con rắn về nhà người đàn ông không để ý tới con vật đã chết này. Nhưng thật sự nó chỉ bị đánh chết giắc thôi. Thế là rắn hồi tỉnh lại văng mình xuống đất quẩn chặt lấy người đàn ông mà nó tưởng là kẻ đã đánh nó. Vốn là người quen bắt rắn nên ông ta bình tĩnh tìm cách chống lại. Ông gắng sức lăn người về phía tảng đá ven đường. Khi cái đuôi rắn ngoe nguẩy gần cổ, người đàn ông ghé miệng cắn vào. Lập tức rắn văng mình ra. Thừa cơ ông ta bung tảng đá định nện vào đầu rắn. Con vật không đến nỗi ngu dốt văng mình tới dóp vào chân kẻ thù. Người đàn ông hăng máu liều mạng chen đầu nó lại, đè người lên rồi nện cật lực tảng đá vào đầu nó cho đến nát bét. Cuộc giao tranh quyết liệt xảy ra chưa đầy dăm phút. Về đến nhà người đàn ông sai vợ đi lấy lá dít vào chỗ rắn cắn. Nhưng muộn rồi. Bà chưa kịp xuống sàn thì ông ta co giật toàn thân rồi lăn đùng ra chết...

Hằng điếc nói với tôi:

- Đúng là Rắn Thần đấy Vững ạ.

Anh thợ khắc dấu sợ vợ con rắn trả thù phải bỏ đi biệt mấy ngày. Một hôm, khi trở về vào lúc chập tối. Vào rũ giường chiếu để ngủ, anh ta giật mình vụt lao ra đường hô hoán, miệng lúu cả lưỡi:

- Rắn... rắn... n...ó nằm dưới chiếu.

Dân phố lại một phen nữa vác gậy đến đánh. Con rắn này nhỏ hơn con rắn trước một tí.

Đến lần thứ ba. Cách tới hơn một tháng sau, tưởng đã yên ổn anh thợ khắc dấu mới trở về. Không ngờ “chạm trán” ngay một con rắn cuộn mình trên dống tre ngang cửa ra vào. Anh đành sang ở nhờ bên hiệu trồng rừng.

Nhân có đợt đoàn thể phổ vận động đi thanh niên hỏa tuyến, anh thợ khắc dấu làm đơn tình nguyện lên đường...

Chuyện xảy ra là như thế. Nhưng dân phố Dốc Trầu lại xì xào nhỏ to với nhau là anh thợ khắc dấu bị cô Mán bỏ bùa mê. Anh ấy không giữ đúng lời hứa hẹn nên cô Mán lén vào nhà bỏ thuốc nhử rắn độc vào trị tội anh chàng phản phúc. Chả rõ đúng hay không? Riêng lũ trẻ con chúng tôi đều quả quyết đó là Rắn Thần chứ không có cô Mán nào qua đây lén vào bỏ thuốc nhử chúng để trả thù kẻ bạc tình.

Nay làm vệ sinh phạt hết bụi lau mới lộ ra hang rắn. Sự thật làm đảo lộn từng phèo mọi điều tranh cãi trước đây.

Cái Hằng ngỡ tôi là đứa vô tâm, nghĩ sao đó, nó thủ thỉ nói:

- Vững ạ! Con Trăn tinh trong chuyện Thạch Sanh chưa chắc đã có thật đâu. Đấy thôi, con rắn có mào vào nhà anh thợ khắc dấu chả kinh à? Thế mà dân phố mình lại đánh chết nó được đấy.

Tôi muốn đến xem hang rắn nó như thế nào quá. Cái Hằng cản:

- Các anh chị thanh niên dọn sạch rồi, còn đâu mà xem.

- Sao dọn nhanh thế? Không sợ rắn nó cắn à?

- Có mấy người Mường đi qua bèn tới bắt hết rắn mang về. Eo ơi! Họ bạo lắm, không sợ rắn cắn đâu. Thò tay bắt như bắt lươn ấy.

Tôi trở mắt nghe cái Hằng kể. Giá mà tôi được xem họ bắt rắn nhỉ!

3

Một hôm cái Dung đến rủ anh Thành đi rửa rau câu để nấu thạch. Bọn thiếu nhi chúng nó mở quán nước để bộ đội hay dân công đi qua dừng nghỉ chân vào uống giải khát. Nó mang cho tôi với thằng Bền củ sắn nướng để ở nhà chơi với nhau. Tôi thêm gì củ sắn mà nó dứ như dứ trẻ con. Cứ làm như đã là chị tôi không bằng. Tôi không cầm. Nó đành dúi vào tay thằng Bền. Thằng Bền hí hửng bóc vỏ ăn liền. Mùi sắn nướng đến thơm. Tôi phải quay mặt đi cho khỏi thèm. Khi anh Thành với cái Dung dắt tay nhau đến nhà chị phụ trách lấy rau câu mang ra giếng rửa thì thằng Bền vẫn bám theo. Tôi cũng khép cửa lại đi ngược lên phố đến nhà cái Hằng chơi. Đang tập tễnh bước chợt nghe tiếng hát xẩm:

... Ai về chợ huyện Thanh Vân

Hỏi thăm cô Tú đánh vần được chưa?

Tiếng hát ngân nga như các bà mẹ vẫn thường ru con à ời bằng cái giọng buồn buồn trầm bổng theo nhịp gõ vào ống tre làm phách. Đích thị thằng Xẩm lại đến phố Dốc Trầu hát rong rồi. Tôi bước mau chân vậy mà vẫn lạch bạch như vệt bầu trong tháng để.

Tiếng hát lại vang lên, chuyển giọng sang bài mới:

Kìa xa nơi Côn Đảo u ừ...

Lại bài hát về những người bị đầy đi Côn Đảo mà ai đó đã dạy thằng Xẩm hát. Lời bài hát nghe rõ buồn. Vừa náo nức vừa bằng khuâng man mác. Tôi chợt nhớ tới câu chuyện giữa mẹ tôi và bác Vinh. Cha để tôi bị giặc đưa đi đầy ngoài Côn Đảo. Có thật như thế không? Cứ mỗi lần nghe thằng Xẩm hát bài này là tôi lại ghen ngào, nhiều khi ứa nước mắt. Mà sao thằng Xẩm biết ít bài hát thế? Quanh đi quẩn lại hết “Ai về chợ huyện Thanh Vân”, lại đến “Con cò bay lá bay la”, rồi cuối cùng là “Đưa con thuyền vượt muôn trùng dương...”. Đêm cho tiếng hát khàn khàn do viêm họng mãn tính là tiếng đàn bầu từng từng nghe rõ chán. Mà cái đàn bầu của nó đâu có ra cái đàn bầu. Nó chỉ là cái vỏ đồ hộp bằng sắt tây, được đục một cái lỗ buộc đầu sợi dây cước vào, còn đầu dây cước kia cuốn vào cái thanh tre, chứ không phải cần tre, để co ra hoặc chùng tay lúc bật dây cước ngân thành tiếng trầm bổng. Hồi còn ở thị xã Ninh Bình, lúc chưa bị tật nguyền như bây giờ, tôi đã từng chạy theo những người hát xẩm. Họ hát đến hay. Bài nào cũng ai oán nghe mà rớt nước mắt. Còn đàn này thằng Xẩm chẳng thuộc được mấy bài, lại không tự vận được lời ca, mà giọng cứ khàn khàn như gào thì đúng hơn. Ấy vậy mà dân phố Dốc Trầu kéo đến nghe đông đảo đến.

Tôi rẽ đám người vào ngồi xuống bên cạnh thằng Xẩm. Nó đưa tay rờ rờ vào người tôi, nhận ra ngay:

- Vững đấy à?

- Ừ, tao vừa đến. Thế mày tới đây lúc nào đấy?

- Ở mãi chợ Kim Tân cũng chán. Nhớ chúng mày quá nên tao thủng thảng đi ra đây từ sáng. May gặp mấy người đi cùng đường, nhờ họ dắt, bước cũng chóng.

Rồi nó lại cất giọng hát, miệng dẹo queo:

... Anh đừng tựa cửa chờ sung, mong độc lập hô to nơi cửa phòng. Em mong trong đoàn quân ngũ đi chiến chinh lại có tên anh...

Nó co chân ngồi xếp bằng tròn, hai bàn chân đen đũi và mồm thếch quặp chặt cái “đàn” để một tay co thanh tre căng dây cước, tay kia gảy từng tưng. Hát xong nó quờ tay cầm lấy cái nón mê ngửa ra chĩa trước mặt, giọng thống thiết van vãn:

- Xin ông đi qua, xin bà đi lại... đoái thương đến kẻ mù lòa, cho cháu dăm chục, một trăm kiếm bát cháo miếng cơm nuôi miệng.

Tôi thò tay vào túi. Túi rỗng không chẳng có thứ gì cho thằng Xẩm. Mấy lần trước tôi đều dành phần cho nó, khi củ sắn luộc, lúc chùm dâu da hay hồng bì. Ban đầu nó nhất mực không nhận, bảo tôi là đưa tàn tật có đầu dư dật mà đem cho nó. Tôi phải thề sống thề chết rằng tôi có nhiều, vả lại ăn no rồi, kéo tay nó đặt vào bụng mình xem. Tôi ngậm hơi cho căng bụng để nó tin. Nó cầm củ sắn đưa lên mũi ngửi, miệng tóp tép: “Sắn thơm nhỉ!” Tôi ngồi nom nó ăn đến ngon lành, vừa thương nó vừa tủi cho phận mình. “Tao chưa thấy ai tốt với tao như mày!”, ăn xong nó quệt tay lau miệng nói thế. “Thì mày cũng tốt với tao đấy thôi!” - tôi nói để an ủi nó: “Dầu sao tao cũng còn bố mẹ. Chứ mày...”. Thằng Xẩm chớp chớp mắt, những giọt lệ ứa ra từ từ lăn xuống gò má. Nó thều thào bảo tôi: “Mày chưa vấp phải gai nhọn đâm vào cuộc đời nên nghĩ thế thôi. Chứ con người, một khi đã độc ác thì ác độc hơn cả dã thú đấy. Nhưng mà thôi, mày cũng đừng nghĩ lắm cho nó khổ thân. Biết đâu mày sẽ gặp toàn những sự tốt lành thì sao...”. Tôi mà gặp những sự tốt lành ư? Không đâu Xẩm ơi. Mày là thằng mù, còn tao là đứa què... Những người tàn tật như chúng mình thì đừng có mơ hão huyền rằng sẽ gặp mọi sự may mắn mà rồi lại khổ đau hơn. Tôi thầm nghĩ.

Thoảng trong đầu tôi bao chuyện về thằng Xẩm. Trong con người nó chứa chất bao điều bí ẩn. Thì ra mọi sự đời nó đều biết cả, song nó cứ ngây ngô làm như chẳng hiểu gì, làm như không thấy người ta giễu cợt hay ác độc đối với nó. Mù lòa còn nhìn thấy chi. Chao ôi! Nhiều người sáng mắt mới ngu ngốc làm sao!

Trong túi áo tôi chẳng có gì. Biết vậy lúc này tôi cầm củ sắn của cái Dung lại hay. Tôi sẽ bẻ cho thằng Bền một nửa, còn lại để dành cho thằng Xẩm. Nào có ngờ bữa nay nó đến. Tôi cầm lấy tay nó lắc lắc:

- Giá ban này tao cầm củ sắn của cái Dung thì mày đỡ đói.

Không ngờ thằng Xẩm cần nhần:

- Mày lấy của người khác cho tao làm gì. ăn những thứ đó chẳng no bụng được đâu.

Tôi đành ngồi nín lặng. Đám người nghe hát lác đác đã có mấy cánh tay vươn ra bỏ vào cái nón mê tờ giấy bạc hai chục đồng tiền kháng chiến. Thằng Xẩm sau một hồi cất lời xin mấy lần, đặt nón xuống đất, sờ soạng bàn tay gầy guộc nhem nhuốc nhặt tiền, vo tròn lại giắt vào cặp quần. Xong đâu đấy, nó lại cầm thanh tre có dây cước, dài miệng hát:

Trên trời có đám mây xanh

Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng

Ước gì anh lấy được nàng...

Một lúc sau mới thấy cái Hằng và thằng Quý đến. Thằng Xẩm thôi không hát nữa hỏi:

- Sao hôm nay không thấy bọn trẻ con, chúng mày nhỉ?

- À, chúng nó đi sinh hoạt đội thiếu nhi cả rồi. Chúng mở quán nước đón bộ đội, dân công qua đường dừng chân nghỉ vào uống giải khát. Vui lắm mày ạ.

- Sao mấy đứa mày không đến đấy mà chơi?

- Đến đấy để đứng chầu rìa à? Chúng nó không cho mình tham gia. Đếch thèm đến xem. Chơi một mình cũng được.

Thằng Quý bỗng rồi rít khuya tay “nói”. Cái Hằng rất thạo thứ “ngôn ngữ” của nó nên “dịch” lại cho chúng tôi nghe:

- Thằng Quý bảo mẹ nó cho nó nắm xôi to lắm. Mấy đứa cùng ăn nhé.

Chúng tôi liền dắt thằng Xẩm ra đằng sau phố, lên đồi ngồi chơi ăn xôi với nhau. Cái Hằng đòi công tôi để bước cho nhanh, tay nó dắt thằng Xẩm. Còn thằng Quý cầm gói xôi đi trước.

Mặt trời đã lên cao. Nắng chói chang. Bốn đứa trẻ tạt nguyên đất dúi nhau lên đồi tìm chỗ vắng chơi với nhau, tránh sự ồn ào ngoài đường phố, tránh sự điều cốt của đám trẻ con khỏe tay mạnh chân và những người nhớn rồi nhàn suốt ngày ngồi tựa cửa chẳng biết làm việc gì, đợi đến bữa ăn và mong sớm hòa bình yên ổn để được trở về thành phố, không hề lo lắng đến cuộc sống và thời buổi chiến tranh loạn lạc.

Ăn xôi xong, bốn đứa chúng tôi không biết bày ra trò gì mà chơi được với nhau. Mỗi đứa mang tạt nguyên một miếng thành thử không nghĩ ra trò nào để cùng nhau tham gia được.

Thằng Quý hiểu động nên bứt rút chân tay lắm. Nó uơ uớ ra hiệu rồi bỏ đi, xuống đồi ra phố. Tôi với thằng Xẩm nằm kènh xuống đám cỏ dưới gốc cây trấu. Cái Hằng ngồi bên cạnh tôi lấy cành lá phe phẩy quạt. Ba đứa đều im lặng như cục đất.

Chợt thằng Xẩm hỏi tôi:

- Tao nghe nói mày là đứa học giỏi lắm phải không?

- Sao mày biết?

- Ấy là tao nghe người ta nói thế.

Nghĩ đến những lần cha mẹ nói với nhau về tương lai mai sau của tôi, tôi thở dài:

- Dẫu tao có học giỏi thật thì cũng chẳng làm được gì nên chán lắm.

Thằng Xẩm mắng tôi:

- Mày ngốc bỏ mẹ! Mày mà học giỏi thì sau này thế nào cũng kiếm được một chân làm bàn giấy văn phòng. Thiếu gì việc.

Tôi lắc đầu:

- Ai người ta nhận thằng què?

- Sao lại không nhận? Ồi người mắt tinh, khỏe tay mạnh chân nhưng không biết chữ thì chỉ có đi cày mà thôi. Làm bàn giấy văn phòng phải biết chữ. Mà hiểu chưa?

Tôi hỏi:

- Thế việc bàn giấy ở văn phòng là việc gì?

Thằng Xẩm nói vanh vách như nó đã từng qua cái việc đó:

- Làm thư ký viết lách này, đánh máy chữ này, chạy giấy tờ này... khối việc. Cốt có ít tiền lót tay cho chủ sở.

Tôi bật phì cười. Thằng Xẩm gắt:

- Mà cười cái gì?

- Là tao cười vì mày mù lòa biết quái gì chuyện bàn giấy văn phòng mà cũng bốc phét.

Thằng Xẩm ngồi nhồm dậy như bật lò xo:

- Mày tưởng tao không biết thật à?

Tôi cũng nhồm người dậy:

- Vậy ai nói cho mày biết?

Mặt thằng Xẩm cau có, cặp mày dúi lại như muốn dính vào nhau, mấy nét nhăn trên trán hằn sâu. Nó chừng mười lăm mười sáu tuổi là cùng. Sao trông nó lúc này y hệt như ông lão sáu mươi.

Đôi vai gầy nhô lên giơ móm xương bả vai bởi cái áo cộc tay rách toạc đến nách. Hai chân dài nhằng, gầy guộc và gân guốc ngồi xổm đầu gối chấm tai. Mái tóc rể tre bù xù đỏ quạch trùm lên khuôn mặt choắt lại, hốc hác với đôi gò má lúc nào cũng tấy đỏ. Nó khẽ mấp máy cặp môi:

- Tao mới bị lòa năm sáu năm nay thôi.

- Thế hả?

Tôi ngó gần sát vào mặt nó kinh ngạc và khó hiểu, như để kiểm chứng tự thật. Đôi con người mắt nó hằn lên những tia mạch máu trên lòng trắng đã biến thành màu khố bể. Đôi con mắt... cái cửa sổ tâm hồn con người... cái thần sắc của gương mặt con người... không có nhẽ... không có nhẽ nó mới bị lòa. Nhưng sự thật thằng Xẩm bảo thế cơ mà. Chao ôi, ban đầu nó cũng là đứa trẻ lành lặn mặt mũi chân tay ư? Tôi bật lên câu hỏi như thét vào mặt nó:

- Vì sao mày bị mù hử? Bố mẹ anh em mày đâu?

Tôi hỏi nó dồn dập trong nỗi xúc động. Cái Hằng không nghe thấy gì, nhưng nhìn vào miệng tôi hẳn đoán biết hai đứa đang nói chuyện với nhau. Có thể là do tính tò mò, nên nó hỏi chen vào:

- Chúng mày cãi nhau à?

Tôi ghé vào tai cái Hằng nói như hét cho nó biết chuyện thằng Xẩm. Nó gật gù:

- Cũng như tao thôi. Tao mới điếc mấy năm nay thôi mà...

Thằng Xẩm ngồi im như tượng đá. Nó ngấm nghĩ gì đấy mặt hướng lên trời, chốc chốc lại nhúu mày, bặm môi nom đến lạ. Hồi lâu nó mới sờ tay quờ quờ tìm tôi:

- Tưởng mày ngồi đâu. Như thế là bọn chúng mày sướng hơn tao rồi. Dẫu sao chúng mày cũng chưa bao giờ phải nhịn đói dầm ba ngày như tao, có người thân yêu thương đùm bọc, chở che, có nếp nhà mà ở. Còn tao... Suốt ngày tao phải lang thang đầu đường xó chợ, đến cái ổ chó cũng không có để mà chui rúc, những người ruột thịt thì ruồng bỏ. Để kiếm miếng ăn, tao phải bỏ qua mọi sự giễu cợt, chọc ghẹo móc máy của người đời để họ bố thí cho hào bạc hay nắm gạo...

- Chắc mày bỏ nhà đi lang thang chứ gì?

Cái Hằng khẽ hỏi.

Thằng Xẩm chọt nổi cái:

- Có điên mới bỏ nhà đi ăn mày!

Ba đưa chúng tôi đều im lặng. Một sự im lặng buồn bã.

Thằng Xẩm khua tay sờ khắp đám cỏ rồi ngã lưng nằm.

- Nằm xuống đây với tao, - nó khẽ kéo tay tôi, nói tiếp như để lái sang chuyện khác: - Vững này, mày phải cố gắng mà học nghe không! Tao nói thật đấy. Cầu trời khấn Phật cho mày đừng khổ như tao. Mày không chịu đựng nổi đâu...

Tôi nằm xuống bên cạnh nó, quên bồng sự có mặt của cái Hằng. Thằng Xẩm đưa tay sờ khắp mình mẩy chân tay tôi, nó còn sờ cả mặt mũi tóc tai tôi nữa. Để làm gì nhỉ? Nó khẽ nói như nói với chính mình:

- Tao “thấy” mình mẩy mặt mũi mày cũng được đấy. Chỉ tội bị hai cái cẳng...

Chắc chắn là thằng Xẩm xúc động về chuyện gì đấy hoặc là tin cậy tôi như một người thân có thể trút bầu tâm sự được nên nó bảo:

- Vững ơi... mày phải cảm ơn đời vì chưa bị rơi vào hoàn cảnh như tao...

Tôi nằm yên nghe nó nói. Cái Hằng đến lạ. Chẳng rõ nó có nghe thấy thằng Xẩm nói không mà ngồi dịch gần gốc trấu, tựa lưng vào thân cây cho đỡ mỏi, phe phẩy cành lá quạt cho hai đứa chúng tôi.

- Tao tên là Quyền, - thằng Xẩm tâm sự. - Nhà tao đông tới tám chị em. Tao là em út. Gia đình tao vốn là một nhà giàu có ở thị xã Thanh Hóa. Bà mẹ tao người đầy đà, trắng trẻo, tài đảm nhưng tính khí cũng quá trời. Bà là chủ hiệu cao lâu, công việc phó thác cho viên quản lý, còn suốt ngày ngồi đánh chắn. Viên quản lý này là một gã đàn ông mặt mũi sáng sủa, áo quần lúc nào cũng chải chuốt, xu nịnh và láu cá, nên chiếm được lòng tin yêu của mẹ tao. Chẳng rõ giữa mẹ tao và lão quản lý có tư tình với nhau không nhưng cha tao hậm hực, căm ghét gã này lắm. Căm ghét mà chẳng làm được gì bởi ông sợ mẹ tao bằng phép. Sau này cha tao tăng tịu với một con bé bằng tuổi chị gái thứ hai của tao, người ở Nông Cống rồi đưa nhau vào Vinh sinh sống. Các chị gái tao lần lượt lớn khôn, mười sáu mười bảy tuổi là đi lấy chồng, cuốc của mẹ tao ít tiền xong là ra ở riêng. Bà nào cũng chanh chua đánh đá. Nhưng bà nào cũng vớ phải thằng chồng “dùi đục chấm mắm cáy”. Cười đấy rồi đánh chửi nhau ngay đấy.

Tao được sinh ra trong sự ăn mặc đầy đủ, song thiếu thốn tình cảm một cách khó hiểu. Cả gia đình tao ai nấy đều lao vào kiếm tiền cuồn say, không mấy người đoái hoài nhòm ngó đến nhau. Ngay cả mẹ tao đối với các con cũng thế. Tao được bà vú em chăm sóc ân cần và tận tâm đến nỗi nhiều khi cứ ngỡ bà chính là mẹ tao mới phải.

Năm tám tuổi, tao theo đám trẻ con cùng phố nô đùa chạy nhảy, chẳng may trượt chân ngã va đầu vào tảng đá bên đường. Đau điếng người đến nỗi nổ đom đóm mắt. Mẹ tao cho người đưa tao vào nhà thương chạy chữa nhưng vô vọng. Thế là mắt tao bị lòa từ đấy...

Đến đầu năm 1946 thì thảm họa mới thực sự giáng xuống đầu tao. Chẳng rõ vì sao, bà mẹ tao lăn đùng ra chết đột ngột. Gã quản lý khoáng sạch của, chuồn thẳng. Xác mẹ tao vừa liệm vào quan tài là các anh chị tao, cả dẫu lẫn rể đánh chửi nhau om sòm vì chia bời tranh nhau gia tài.

Tao còn bé, lại là đứa mù lòa nên càng rối mù không còn biết cuộc sống nó là thế nào nữa. Không còn ai đứng ra dàn xếp. Cha tao sống trong Vinh không ra được. Mà dẫu ông có ra kịp cũng chả ai nghe ông hòa giải. Các anh chị đùn đẩy cho nhau phải nhận nuôi tao. Tao không thể nào quên cuộc cãi nhau này. Lần đầu tiên trong đời tao bừng tỉnh để đón nhận sự thật. Ngay cả những anh chị mà tao yêu mến, thường làm theo lời họ xuí đánh cắp tiền của mẹ tao cho họ, cũng kiếm cớ gạt tao cho người khác. Có một việc đến giờ tao mới thấy “lý thú” là hôm cãi nhau đó, anh chị nào cũng khóc thút thít, xoa đầu tao, nào những thương những khổ Quyền ơi!

Cuối cùng, chính bà vú đã giải thoát cho các anh các chị tao. Bà nhận đưa tao về nhà nuôi. Bà không khóc thút thít như họ. Từ nhà ngang bà sấn sổ lên nói với các anh chị tao:

- Các người lấy nước mắt khoe lòng xót thương thằng bé. Nước mắt có nuôi nổi nó không? Không một ai nhận chăm sóc thằng bé hả? Im thế? Thôi được, cứ để cho tôi cáng đáng.

Nhưng nhà bà vú nghèo quá. Vẫn biết bà ấy thương tao như con, nhưng tao không thể ở nhà bà để thêm gánh nặng đè lên vai người đàn bà tốt bụng này được. Ít lâu sau tao tìm cách trốn bà ra đi.

Để không một ai biết tông tích mình, và tránh mặt những người thân thích, tao bám theo các đoàn dân công mà đi đến chỗ thật xa. Xa hẳn nơi chôn rau cắt rốn, xa hẳn những kỷ niệm ấu thơ chẳng rõ vui hay buồn nữa. Hơn mười tuổi đầu chưa hết choáng váng về nỗi khổ đau bị mù lòa thì tao phải nhận thêm sự đau xót mới. Đó là sự hắt hủi ruồng rẫy của những người ruột thịt, buộc tao phải bước vào cuộc sống với hai bàn tay trắng.

Tao đi qua nhiều làng xóm, chợ búa phố huyện với cái “nghề” ăn mày, rồi sau đó nhờ một ông lão cắt vó khuyên bảo, tao chuyển sang hát xẩm. Kể cho mày nghe cảnh tao sống lang thang suốt mấy năm qua rồi trôi dạt tới đây thì dài dòng lắm. Nói vắn tắt cho mày biết thế này: đói, rét, cô đơn và buồn tủi luôn luôn là “ban” chỉ cốt quanh quẩn quanh tao. Đường đời dần dần “mở mắt” cho thằng bé mù lòa bưng ngổ lẽ sống. Kiếp hát rong đưa tao đi đây đó. Ném trái không biết bao cay đắng. Và tao cũng được nghe nhiều chuyện thương tâm mà con người dọa đầy lẫn nhau. Thoạt đầu tao còn vẫn vơ vớ các kỷ niệm êm ấm trong cảnh gia đình sung túc. Rồi sau cuộc sống ê chề làm tâm hồn còn chút trẻ thơ trong tao chai sạn đi. Tao nghiệm thấy mọi chuyện đều đối trá cả thôi. Đến nỗi tao không hề thấy rung động một cái gì, không thêm tự ái với ai.

Người ta bố thí cho tao chục bạc, nắm gạo thì họ cũng bắt tao phải trả lại bằng một bài hát nỉ non, hoặc lời van xin cho bố. Thậm chí người ta cứ việc bày ra các trò dứ một thằng mù lòa cũng chẳng sao. Tao chưa thấy có người nào cho tao mà không đòi hỏi cái gì.

Ngay cả những người lương thiện và đứng đắn. Có một lần nhận một nắm gạo của một bà ở phố chợ cho, tao chưa kịp nói: “Cháu đội ơn bà” thì bà ta đã kéo dài giọng: “Gớm... đã ăn mày mà còn khinh khỉnh thế!”. Mày thấy không, con người cũng có nhiều kẻ độc ác lắm...

Nó thôi không nói nữa. Im lặng hồi lâu. Tôi ngỡ ngác như muốn nghe tiếp câu chuyện. Cái Hằng vẫn kiên trì ngồi quạt bằng cành lá từ nãy tới giờ cho chúng tôi, lặng lẽ như một cái bóng, đôi mắt bồ câu của nó mở to hướng cái nhìn xa xăm xuống phía dãy phố.

Thằng Xẩm lại cất tiếng làm tôi phải quay lại nhìn nó.

- Vững ạ, từ ngày gặp bọn chúng mày ở phố Dốc Trầu này, không hiểu sao tao bỗng thấy quyến luyến quá. Xa chúng mày dăm bữa nửa tháng là tao không chịu nổi, lại lần ra.

Như để kết thúc câu chuyện, nó thở dài rồi nói:

- Chẳng biết đến ngày nào kháng chiến mới thành công để những đứa tật nguyền như chúng mình đỡ khổ nhỉ?

Thằng Xẩm chớp mắt ngủ thiếp đi rồi. Tôi vẫn nằm bên cạnh vẫn vơ ngẫm nghĩ những điều nó nói. Rồi tôi ngẩn ra. Thằng Xẩm nói đúng quá. Tôi cũng đã từng chứng kiến hoặc gánh chịu những cảnh y như câu chuyện của nó. Ngay đến bác Vinh, tôi vẫn coi là người tốt mà một hôm tôi đi sang tìm cái Dung, cũng nghe thấy bác ấy mắng con gái ở trong nhà vắng ra: “Có rồi rảnh thì con ngồi học đi chứ. Cứ quẩn lấy thằng Vững mà không thấy xấu hổ à?”. Cái Dung nói lại: “Nó bị què, chẳng ai đỡ đần, con giúp nó mà mẹ cũng...”. Bác Vinh đành dịu giọng, nói nhỏ với nó: “Nó què thì đã có bố mẹ, anh em nó đỡ đần. Việc của mày đâu. Bây giờ còn được chứ mai này lớn lên, chúng bạn mày nó cười cho”. Tôi lẳng lặng lê gót chân quay về nhà. Từ đó tôi cách, không bao giờ bước chân đến nhà cái Dung chơi nữa. Lòng tôi những buồn. Không có nhẽ bị tật nguyền là một tội lỗi hay sao?

Một hôm, vào buổi chiều, có mình tôi ở nhà. Chẳng biết làm gì, tôi thơ thẩn ra ngồi ở bậc

cửa vẫn vờ nhìn đường phố. Vãn cảnh núi rừng bao bọc điệp trùng, yên tĩnh như muôn thuở nơi đây vẫn sẵn thế. Chốc chốc mới lại có đám bảy người dân địa phương đi chợ Kim Tân qua, nặng trên vai những gói hàng toàn măng khô, mộc nhĩ, nấm hương hoặc hoa trái trong vườn.

Đạo này đêm nào cũng thấy máy bay liên tục bay về và ngang qua vùng tôi, bật đèn đỏ nhấp nháy. Người ta bảo giặc Pháp đang thua to ở Điện Biên Phủ.

Ở một góc rừng hẻo lánh, dân phố Dốc Trầu, từ người già cho tới trẻ con lau nhau chúng tôi đều theo dõi tin tức từ các mặt trận. Nếp sống sôi động hướng ra tiền phương. Mọi sinh hoạt từ buôn bán làm ăn, họp bàn đóng góp người ra hỏa tuyến, cho tới các mặt thông tin, văn nghệ học bình dân đều rộn ràng. Đồng bào ở các bản trong rừng, trên núi xuống, người từ các cơ quan kháng chiến đóng ở đâu đó ra mua, người qua kẻ lại đông đúc hơn, có hôm tấp nập như giữa vùng tề với vùng tự do đã thông thương.

Chợ Kim Tân giờ lại nhóm họp cả ngày cho tận đến khuya mới tan. Tối tối các cô gái Mường xuống chợ về bán đốt đuốc sáng bừng nom như con rắn lửa vòng vèo lên núi, cùng với tiếng hát véo von được rừng núi ngân vang, nghe mà bồi hồi xao xuyến: “In noọng ời... Cái noọng hời...” Thỉnh thoảng tòa án kháng chiến lại mở một phiên tòa xử tội những tên Việt gian làm tay sai cho giặc, nợ máu nhân dân ở ngay chợ Kim Tân. Kỳ nào anh Thành cũng đi xem về kể cho tôi nghe. Giá như không có những kẻ theo giặc như chúng thì cuộc kháng chiến đã tới ngày thắng lợi lâu rồi... Tôi cứ miên man suy nghĩ.

Bỗng từ xa có tiếng ô tô chạy. Đám trẻ con tai thính phát hiện ra tiếng ì ì trước nhất. Chúng chạy ra giữa đường ngó quanh xem chiếc ô tô đó đang tiến đến phố Dốc Trầu từ hướng nào.

Kia rồi. Tôi đã nhìn thấy từ phía dưới chợ Kim Tân một chấm đỏ và oang oang cất tiếng hát qua máy phóng thanh. Chấm đỏ to dần rồi nom rõ. Lá cờ đỏ sao vàng đang tung bay phấp phật trên nóc chiếc ô tô.

Tiếng hát bay tới nhanh nhất, át cả tiếng máy xe.

“Qua miền Tây Bắc núi ngút ngàn trùng xa. Suối sâu đèo cao bao khó khăn vượt qua. Bộ đội ta vâng lệnh cha già...”

Chiếc ô tô tiến đến gần phố, tốc độ giảm dần rồi lăn bánh từ từ. Người con gái ngồi cạnh anh lái xe cất tiếng lanh lảnh vọng qua máy phóng thanh gần ở phía đầu xe:

- A lô!... A lô!... Xin mời đồng bào hai bên phố chú ý đón nghe tin chiến thắng. Xin mời đồng bào chú ý đón nghe...

Tôi ngó trước ngoảnh sau, ngược lên phía trên đỉnh dốc, dân phố Dốc Trầu đổ xô ra hai bên đường từ lúc nào không biết, cứ như đã đứng sẵn chờ từ trước. Bọn trẻ con chen lấn nhau chạy lại vây kín xung quanh ô tô. Anh Thành đã phốc về tới nhà rồi rít:

- Vững ời! Giải phóng Điện Biên Phủ rồi! Hoan hô chiến thắng Điện Biên...

Quần quanh trong nhà chưa được chốc lát, anh ấy lại phốc ra ngoài đường:

- Vững ở nhà nhé, anh đi theo ô tô lên phố một tí.

Thằng Bền vừa đuổi kịp anh Thành về đến nhà, lại cuống cuồng chạy theo. Tay chân tôi cũng bứt rứt đứng ngồi không yên.

Tôi định lết chân ra theo ô tô, nhưng không hiểu sao bỗng lại nhảy cẫng lên reo to:

- Hoan hô chiến thắng Điện Biên!

Chân tôi đã cứng cáp như mọi đứa trẻ bình thường đâu, nên tôi ngã đến oạch xuống đất. Đau đến chảy nước mắt, song vẫn cố gượng cười:

- Chiến thắng rồi...

Cái Hằng và thằng Quý đến trong lúc tôi ngồi bệt giữa sán chờ dịu cơn đau. Chúng nó ủa vào như cơn lốc:

- Vững ời... giải phóng Điện Biên rồi! Hòa bình đến nơi rồi!

Thằng Quý thì hét lên ươ ớ, khoảng hai tay trong khoảng không thành những đường kỳ dị và khó hiểu.

Sáng hôm sau đến lớp học, thầy giáo Khang xúc động nói với chúng tôi:

- Các em ạ, hôm nay là buổi học cuối cùng của chúng ta.

Lũ học trò chúng tôi ngơ ngác nhìn thầy giáo. Lớp học im lặng đến nghẹt thở. Nghe thầy giáo nói mà tôi cũng bàng hoàng. Thầy giáo đi đâu? Vì sao lại bỏ lớp chúng tôi mà ra đi? Hay đã hòa bình rồi?

Thầy giáo lại nói tiếp:

- Vì đây là buổi học cuối cùng nên các em xếp sách vở lại, chúng ta nói chuyện với nhau một lúc để rồi chia tay...

Thầy giáo kể cho chúng tôi nghe về chiến dịch Điện Biên. Chao ôi, những năm mươi năm ngày đêm quân ta bao vây chia cắt tập đoàn cứ điểm của giặc thành từng cụm để tiêu diệt chúng, gian khổ và hy sinh biết bao xương máu mà chúng tôi ngồi học trong rừng vầu này chẳng biết tí gì. Thì ra những đoàn bộ đội hành quân qua Dốc Trầu độ nọ là đi lên giải phóng miền Tây Bắc.

Những hơn một vạn sáu nghìn binh lính lê dương và toàn bộ tướng tá Bộ chỉ huy Pháp ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị quân ta bắt sống. Thì ra những cỗ súng hàng mấy người khiêng là súng pháo, giờ thầy Khang nói chúng tôi mới biết. Lũ học trò há mồm tròn mắt ra nghe thầy giáo thuật lại từng trận đánh. Gương anh Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai cho đồng đội tiến lên, gương anh Tô Vĩnh Diện xả thân chèn pháo để khỏi lao xuống vực thẳm, gương anh Bế Văn Đàn còng lưng xuống làm giá súng cho anh Pù quét băng đạn tiêu diệt giặc, ngăn bước tiến của chúng. Thầy giáo Khang rung rung xúc động. Nhiều đứa học trò chúng tôi òa lên khóc. Nước mắt tôi chẳng biết chảy từ bao giờ, lăn xuống má nóng hổi.

Thầy giáo có giấy triệu tập trở về trường cũ. Thế là lớp học chúng tôi kết thúc sớm. Nay mai hòa bình đến nơi rồi, mỗi đứa chúng tôi cũng sẽ trở về quê hương thôi. Nghe những tin này tôi cứ ngỡ như trong mơ. Mới ngày nào cách đây hơn một tháng là cùng, tôi cùng cái Hằng và thằng Xẩm ngồi nói chuyện với nhau ở đồi trầu. Thằng Xẩm mong mau tới ngày kháng chiến thắng lợi để những đứa trẻ tật nguyền chúng tôi bớt khổ. Giờ kháng chiến thành công đến nơi rồi... Chẳng rõ vì sao lâu nay không thấy thằng Xẩm trở ra đây? Nó còn ở dưới chợ Kim Tân nữa hay không? Hay nó lang bạt tới nơi đâu?

Thầy giáo phát cho học trò mỗi đứa một tờ giấy chứng nhận của chính quyền kháng chiến địa phương để sau này về quê tiện xin học ở trường mới. Tôi ngắm nghía mãi tờ giấy trong tay bằng khổ tờ giấy học sinh có in các tiêu đề và từng mục bằng mực tím. Nét chữ khắc trên gỗ đập vào giấy không "ăn" mực lắm nhưng cũng đọc được. Tự tay thầy giáo Khang điền tên tôi vào, cả mấy dòng ghi nhận xét rõ ràng và cụ thể. Xong đâu đấy, chúng tôi ùa vây quanh thầy giáo bịn rịn và lưu luyến. Biết đến bao giờ mới lại có dịp gặp nhau ở lớp học trong rừng vầu này?

Trước lúc chia tay, thầy giáo Khang gọi tôi lại, nói riêng:

- Vững ạ, chỉ nay mai là có lệnh ngừng bắn. Hòa bình sẽ được lập lại. Về quê, em hãy gắng sức chịu khó học hành nhé. Không được một phút nản lòng, đừng có bi quan. Nếu em khao khát trở thành người thầy thuốc đem sức lực và tài năng phục vụ nhân dân, chữa chạy cho những người tàn tật như em được lành lặn nguyên vẹn thì phải chuyên tâm học tập mới đạt được. Thầy tin là em sẽ vượt qua mọi khó khăn. Tương lai đã mở ra trước mặt vậy gọi em kia rồi...

5

Dân phố Dốc Trầu tổ chức đêm liên hoan văn nghệ mừng chiến thắng. Sân khấu được chuẩn bị từ ngày hôm trước ở bãi đánh bóng chuyền. Không khí hào hứng rầm rịch từ đầu phố tới cuối phố. Nhà nào cũng treo cờ đỏ sao vàng trước cửa. Những lá cờ đỏ thắm tung bay trước gió

như muôn bàn tay hồng tươi vẫy gọi, hân hoan. Các anh chị thanh niên đi khắp mọi nhà mượn vở chần hoặc vải rồi khâu dính lại thành phông, màn, màn gió, cánh gà... đầy đủ như sân khấu của gánh hát Lạc Việt ở Cầu Cừ trước đây.

Mấy người đi dân công hỏa tuyến vừa trở về mang cái dù “chiến lợi phẩm” đến để căng phủ nóc sân khấu. Tôi chưa thấy sân khấu diễn kịch được trang hoàng long lộng lầy như thế bao giờ. Xung quanh bãi bóng đều chôn cột nửa treo cờ đuôi nheo cắt bằng giấy điều. Cả phố vui như ngày hội, nhà nào cũng “ăn tươi”. Mẹ tôi khao một bữa cơm canh cua nấu với rau đay ngon ơ là ngon. Bữa ăn đến vui. Thành Bền dám thi ăn ớt cả với tôi. Nó cũng cắn những quả ớt chỉ thiên cay xé lưỡi nhai với cà ghém rau rầu. Đến nổi xong bữa cơm, môi nó đỏ chót vì ớt cay. Mẹ tôi đổi khác một cách lạ lùng. Cái sự cau có gắt gỏng hàng ngày tan biến đi đâu ấy rồi, thay vào đấy là giọng nói dịu dàng hơn. Bà bảo:

- Tối nay u nghỉ một buổi chợ. Cả nhà sẽ đi xem liên hoan văn nghệ.

Bà nhìn anh Thành, ánh mắt sáng long lanh. Tối nay anh Thành cùng đội thiếu nhi lên múa trên sân khấu mà. Suốt hơn một tuần qua anh ấy bận rộn cả ngày. Hết đi tập múa, về nhà là chạy khắp nơi mượn đồ hóa trang, lại còn nhờ tôi vót nan uốn vòng luồn vào mũ bê rê, cắt bìa dán làm vành mũ lính thủy, rồi “trổ” hàng chữ bằng giấy trắng dán vào vành mũ: “Thủy quân Việt Nam”. Làm một cái vòng tròn to bằng cái vành nón, dán giấy đỏ giấy xanh vào cho cái Dung làm “đạo cụ múa”. Tôi vốn sáng ý và khéo tay, cắt vẽ đều khá, nên cũng bù đầu vào việc giúp bọn thiếu nhi chúng nó trang điểm y phục đi múa, từ cái phù hiệu mỏ neo đến viền váy hoa văn cho các cô gái “dân tộc”.

Cái Hằng bám riết bên tôi như hình với bóng. Để nó đỡ buồn, thỉnh thoảng tôi lại nhờ nó đỡ cho việc này việc nọ. Nó thích thú và hào hứng làm theo ý tôi. Tôi rất tử mỹ và kỹ tính. Vậy mà nó làm không sai tí nào. Con bé kể cũng sáng dạ. Chỉ tiếc nó bị điếc nên không được học hành gì. Tôi nói với nó:

- Giá cậu được ở trong đội múa thì tớ sẽ trang điểm bộ áo váy thật đẹp. Y hệt áo váy của các cô Thái trắng ấy.

Cái Hằng nhìn tôi nhoẻn miệng cười. Cái miệng nó rõ tươi. Tôi chột ngấm kỹ nó. Đúng thật, giá nó được ở trong đội múa nhỉ? Cái Hằng nom cũng kháu đấy chứ. Gương mặt tròn tròn, trắng hồng, với đôi mắt bồ câu lúc nào cũng mở to hồn nhiên như tính tình của nó. Thân thể nó đầy đà nhưng không nặng nề ục ịch. Mặc bộ váy áo đã điểm trang vào thì ăn đứt những đứa con gái lành lặn ở phố Dốc Trầu này. Vậy mà nó chẳng được...

Mấy chị thanh niên phụ trách đội múa đến xem tôi cắt dán trang điểm cứ trầm trồ khen hết lời khiến tôi bưng đỏ tía tai. Song cái Hằng lại lấy làm mãn nguyện. Nó thủ thỉ nói với tôi:

- Vững tài thật! Hôm nay Vững vẽ cho tớ đôi bướm bay trên cành hoa ban vào góc khăn mùi xoa để tớ thêu nhé!

Tôi nhìn vào mắt nó, gật đầu.

Riêng thằng Quý là cứ chạy lăng xăng đâu đấy rồi sà đến chỗ tôi đứng xem một tí, lại phốc đi ngay. Nó nhảy cẫng lên như thằng rồ. Tôi làm cho nó một cái mũ ca-lô bằng giấy, có dán ngôi sao vàng hằn hoi. Nó đội suốt ngày rong chơi khắp phố...

Tối đến, cái Hằng thằng Quý đến rủ tôi đi xem. Thằng Quý mang cho tôi một gói xôi lạc đến ngon. Ăn với nhau xong, nó ươ ớ gì đấy rồi chạy biến đi đâu đó. Chỉ có tôi với cái Hằng đi ra bãi bóng chuyền. Tại đây, nhiều người lớn và đám trẻ con lít nhít đã đến ngồi kín phía trước mặt sân khấu. Các anh trong tổ ánh sáng đang hí hụi bơm đèn măng-xông, lại còn đặt ngựa bốn cái xe đạp lên bốn mặt bàn ở quanh bãi trước sân khấu, quay pê-đan để bánh sau xe đạp quay siết cho đi-na-mô chạy bật đèn chiếu sáng lên khán đài. Chúng tôi chọn chỗ ngồi nhìn bao quát được sân khấu. Lát sau, người kéo đến chật sân bãi bóng chuyền ra đến tận đường cái.

Đi xem về, lên giường nằm hồi lâu tôi vẫn không thể nào ngủ được. Cuộc sống rộn ràng vui tươi khuấy động trong lòng tôi. Trong đội hình điệu múa “Thủy quân Việt Nam” anh Thành được chọn đứng cầm lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” trên hàng đầu. Đội múa mặc quần xanh

áo trắng lĩnh thủy, đội mũ bê-rê có hai dải đuôi neo; đám con gái mặc váy xanh áo trắng, đội mũ ca-lô bằng giấy màu xanh. Chúng nó múa rõ đều, hòa cùng với tiếng hát và tiếng trống ếch nhịp nhàng. Người xem vỗ tay rào rào. Rồi đến các anh chị thanh niên ở trường trung học Lam Sơn, Thanh Hóa trình diễn các điệu múa dân gian Mông Cổ. Tiếng trống tiếng mõ như tiếng ngựa phi hòa với tiếng đàn măng-đô-lin, ghi-ta vang tiếng nhạc: “Son son son mỳ, son son đồ la son son...”. Người xem vui miệng cất tiếng hát theo bản nhạc, vỗ tay bắt nhịp. Rồi bài hát ru con Nam Bộ ngân vang, bài hát tập thể: “Hồ ơi lúa chín vàng”.

Cái Hằng kéo tôi ngồi sát bên người nó, khẽ nói:

- Vững ơi... mai một hòa bình rồi. Vững về quê phải học cho giỏi nữa nhé. Tớ nghe các anh chị thanh niên nói với nhau thế này: “Thằng Vững mà chịu khó sẽ thành tài đấy. Nó học giỏi, lại khéo tay, thứ gì cũng biết. Chỉ hiềm một nỗi bị quê chứ không chẳng có đứa trẻ nào ở Dốc Trầu này ăn đứt nó đâu...”

- Nhưng nhà tớ nghèo lắm. Kháng chiến đi học bình dân không mất tiền còn được. Chứ sau này, lấy của đâu ra mà ăn học. Vả lại tớ yếu đuối thế này.

Cái Hằng thở dài. Lát sau, chả rõ nó nghĩ gì đấy rồi lại khẽ nói:

- Giá mà nhà tớ ở cùng quê với nhà cậu nhỉ?

- Để làm gì? - Tôi quay lại nhìn nó.

- Lớn lên tớ sẽ đi làm thuê nuôi cậu ăn học, thật mà!

Lòng tôi bồi hồi nghe những lời cái Hằng nói. Chả được đâu, mỗi đứa một quê, biết đâu mà tìm đến nhau. Tôi nói vừa như tự an ủi mình vừa để an ủi nó:

- Nếu được đi học thì tớ sẽ chịu khó gắng học cho thật giỏi để làm nghề thầy thuốc. Tớ sẽ chữa chạy cho cậu khỏi điếc.

Cái Hằng khẽ thốt lên, ánh mắt sáng long lanh:

- Thật nhé!...

Đêm về khuya. Các tiết mục hát trong tối liên hoan vẫn cứ hiện ra trong đầu tôi, ào ạt và sôi động. Chỉ có tiếng ngáy ngủ của mẹ tôi, tiếng nói mơ của anh Thành chốc chốc lại rộn lên một chút như nhắc nhở tôi ngủ đi, trời sắp sáng đến nơi rồi.

6

Vào một buổi sáng, khi mẹ tôi đã chuẩn bị gánh đôi bồ hàng xén đi chợ Kim Tân thì có hai người, một đàn ông và một đàn bà còn rất trẻ nhảy qua rãnh nước vào cửa nhà tôi. Người con gái reo to:

- Trời ơi thím Thành!

Mẹ tôi đứng ngậy ra như trời trồng giữa nhà, miệng há hốc không nói nổi thành tiếng. Người con gái rối rít:

- Kìa em Thành, em Vững không nhớ chị à?

Tôi và anh Thành cũng ngẩn ra.

Sau giây phút bất ngờ trước sự xuất hiện đột ngột của hai người khách lạ, mẹ tôi mới thốt lên:

- Vui đấy ư cháu? Thằng Vững kìa, chị Vui đấy.

Giờ tôi mới nhớ ra. Chị Vui con gái bác cả, anh ruột cha tôi ở ngoài Hà Đông. Khoảng năm 1947 hay 1948 gì đó, khi ấy tôi mới năm sáu tuổi thôi còn anh Thành lên tám lên chín là cùng, cha tôi có cho hai anh em về quê sống với gia đình bác cả. Bác sinh con một bề, lại có được mỗi một mình chị Vui thôi.

Nhưng hai anh em chúng tôi chưa về tới quê thì gặp gia đình bác cả chạy tản cư xuống vùng

Khả Liễu. Thế là chúng tôi ở lại đây. Hồi chị Vui bằng tuổi tôi bây giờ.

- Thế còn ai đây? - Mẹ tôi chỉ vào người con trai, hỏi chị Vui.

- Nhà cháu đây, - chị Vui giới thiệu: - Chúng cháu lấy nhau được hơn một năm rồi... À, em Bền kia phải không?

Thằng Bền nhìn chị Vui lạ lẫm rồi sán lại chỗ mẹ tôi.

Mọi chuyện rồi cũng rõ.

Cha tôi không còn công tác ở tỉnh nữa mà lên làm việc ở cơ quan kháng chiến Liên khu Ba. Khi ban bố lệnh đình chiến Đông Dương, cha tôi đi công tác về Hà Đông nên có rẽ thăm làng quê, gặp lại anh em ruột thịt, họ hàng nên bác cả cho anh chị Vui vào tìm mẹ con tôi, đón tôi với anh Thành về quê trước. Để mẹ tôi tin, cha tôi có biên thư cho anh chị Vui cầm vào. Vậy là tôi với anh Thành chỉ còn ở lại đây có mấy ngày nữa rồi sẽ hồi hương về quê cha đất tổ.

Mẹ tôi rồi cả lên, những chưa muốn cho hai anh em về trước. Song sợ phật ý cha tôi, bà đành phải chấp nhận.

Mấy ngày thím cháu, chị em hàn huyên với nhau bao chuyện. Chúng tôi kể cho vợ chồng chị Vui nghe cảnh chạy tản cư của mình, còn anh chị Vui thuật lại cuộc sống làng quê trong vùng giặc chiếm đóng. Dần dần tôi mừng tượng ra cảnh làng xóm quê hương. Cái làng có tên là Khênh ở đâu đó mãi ngoài tỉnh Hà Đông.

Làng Khênh của tôi rộng lắm, có tư thất quan Nghè bề thế với những dinh thự đồ sộ như cung vua, có đình chùa, đền miếu và có cả nhà hai tầng kiểu tây. Đường đi lối lại trong làng đều lát gạch rộng thênh. Có trường học và nhà hộ sinh xây dựng từ năm 1927.

Lắm lúc tôi tự hỏi, ấy vậy sao nhà cha tôi nghèo thế? Sao mẹ tôi lại không muốn về?

Riêng tôi, bỗng trí nhớ khơi dậy những ngày tôi với anh Thành ở nhà bác cả dưới Khả Liễu. Bác trai đến lành, ngày ở nhà nấu hai bữa ăn và xay bột làm bánh cho bác gái đem đi chợ bán.

Chị Vui hay đùa trêu chúng tôi là dân sống ở vùng trong ra, nói giọng lú lờ và quen miệng dùng thổ ngữ của địa phương: “Đi đặng mô, về đặng tê, ngô ông tề, có cái giống...” Rồi không hiểu sao, cha tôi ra đón hai đứa vào. Tôi không thể nào quên được cảnh cô Lân, em gái cha tôi, chèo đò đưa ba cha con sang bên Cống Thần - Chợ Đại. Ngày đó cô tôi mới mười tám tuổi là cùng. Hình ảnh cô mặc áo dài gụ, thắt lưng bao xanh, đội nón bài thơ đứng trên thuyền chống sào trên sông nước chàng bang ánh nắng, nhìn theo chúng tôi đang bước lên bờ. Ngày đó, tôi chưa bị ốm đau tật nguyền, lớn phổng phao vượt anh Thành một cái đầu, mặc quần soóc, áo sơ mi cộc tay trắng toát một màu. Những người ở phố chợ Đại đều nói với cha tôi: “Anh có thằng con kháu khỉnh khôi ngô quá!” Cha nhìn tôi, người mỉm cười, ánh mắt long lanh. Ngày đó... Giờ gặp lại chị Vui tôi, tôi mới lại sức nhớ tới.

Tôi đến chia tay với cái Hằng và thằng Quý. Chúng nó ngỡ ngàng và bịn rịn thế nào ấy.

- Đã hòa bình rồi à? - Cái Hằng tròn mắt hỏi tôi.

- Ừ. Thầy tớ biên thư vào cho biết thế.

Cái Hằng bèn chạy về nhà lục lọi gì đấy một lúc mới quay lại chỗ thằng Quý gặp tôi:

- Tớ cho cậu mấy thứ này. Cậu cầm lấy đi.

Tôi đưa tay đón gói giấy của cái Hằng trao. Mở ra thấy có cái bút máy Pắc-ke và chiếc khăn mùi xoa do tay tôi vẽ cho cái Hằng thêu. Tôi rưng rưng nhìn cái Hằng, xúc động. Cái Hằng thủ thỉ:

- Đừng quên Hằng, Vững nhé. Hòa bình rồi, Hằng sẽ đi chữa tai cho khỏi điếc, rồi sẽ học chữ. Lớn lên Hằng sẽ đi tìm Vững. Vững phải học cho thành tài không thì Hằng giận đấy, sẽ chẳng nhận Vững là bạn nữa đâu.

Tôi không sao nói được, nghẹn ngào trong cổ, chớp chớp mi mắt mặc cho những giọt lệ lăn xuống gò má. Cái Hằng tốt với tôi quá. Liệu tôi có làm được gì để đáp lại tấm lòng của nó?

Thằng Quý nom thấy hai đứa chúng tôi như thế thì cười hì hì, nó ú ớ, khoắc hai tay tít mù. Cái Hằng gật đầu, hiểu ý:

- Ừ nhỉ! Vững ơi, chúng mình xuống chợ Kim Tân tìm thằng Xẩm đi.

- Nhưng các cậu phải đi thư thả cho tớ theo kịp cơ, - tôi giao hẹn.

Vậy là ba đứa dắt díu nhau đi. Qua nhà, tôi rẽ vào cất cái bút máy Pắc-ke và chiếc khăn mùi xoa. Anh chị Vui cũng đi chợ Kim Tân với mẹ tôi rồi. Chắc anh Thành với thằng Bền chạy đi chơi đâu đó. Hay là theo anh chị Vui xuống chợ? Tôi vội đóng cửa lại, ra đường. Cái Hằng nắm tay tôi dắt đi:

- Mọi chân thì Hằng công cho mau.

Tôi lắc đầu:

- Đạo này tớ đi bộ xa được rồi. Chỉ tội chậm thôi.

Phải gần tới trưa mới đến chợ. Chợ đông quá. Chẳng rõ người ở những đâu mà đổ ra chợ nhiều thế? Thằng Quý lên đi một mình lúc nào không biết, chỉ còn tôi với cái Hằng dắt nhau lên qua hết dãy lán chợ này sang dãy lều chợ khác, vòng đi quanh quần tới dãy nhà ở của dân phố chợ. Không thấy bóng thằng Xẩm ở đâu. Thấy người xúm đông xem cái gì đấy, tôi bảo cái Hằng chen vào. Nó quay ra lắc đầu:

- Người ta xem rắn, Vững ạ. Thôi, về đi. Có lẽ thằng Xẩm đi chỗ khác từ lâu rồi.

Tôi đứng tần ngần một lúc mới quay gót, chẳng còn tâm trí mà xem chợ búa thế nào.

Đi được một quãng thì thằng Quý đuổi kịp. Nó khoa tay múa chân rồi rít tít mù hồi lâu. Cái Hằng chăm chú nhìn để xem nó “nói gì”. Rồi nó nói lại với tôi.

- Vững ơi, chẳng rõ thằng Quý nó “nói” có đúng không. Nó bảo người ở chợ kể là thằng Xẩm chết rồi. Nó ngã xuống hố tăng xê nên không ai biết, mấy ngày sau mới phát hiện được.

Tôi đứng lặng người. Xẩm Quyền ơi, mày chết thật rồi ư? Tôi muốn gào lên gọi nó. Nhưng nó có ở đây đâu, nó có còn sống nữa đâu. Hòa bình rồi mày chết làm gì cho uổng?... Tôi lắc đầu! Không! Không thể như thế được. Thằng Quý “nghe” người ta nói bậy đấy.

Nếu thằng Xẩm chết thật thì dân chợ Kim Tân phải đồn ầm lên chứ, ở phố Dốc Trầu người ta cũng biết thôi. Tôi ghé vào tai nói với cái Hằng những ý nghĩ của mình. Nó gật đầu:

- Chắc là thằng Xẩm đi chỗ khác thôi. Có khi nó trở về quê cũng nên, hòa bình rồi mà.

7

Chúng tôi lên đường từ lúc tờ mờ sáng để không cho thằng Bền biết đòi theo. Tối hôm qua mẹ con bác Vinh sang chơi, cho anh em chúng tôi một nghìn tiền kháng chiến. Cái Dung quyến luyến anh Thành lắm. Nó nói với tôi một cách khách khí:

- Chúc bạn về quê mạnh khỏe, học tập thật giỏi sau này làm bác sĩ nhé!

Tôi cũng đáp lại cho phải lễ:

- Bạn về quê sau, đừng quên những ngày tháng quen biết nhé!

Cái Hằng với thằng Quý hẹn tiễn chân tôi; nhưng tôi không kịp báo cho chúng nó biết phải đi sớm. Thế nào sáng ra chúng nó cũng sẽ lại nhà tôi...

Vợ chồng chị Vui sẽ thay phiên nhau công tôi, còn anh Thành đi bộ. Qua Dốc Trầu nếu gặp xe trâu hay xe ngựa thì xin đi nhờ. Giờ ngược trở lại, tôi không còn lạ lẫm gì với con đường này.

Khi qua nhà cái Hằng, thằng Quý tôi muốn gọi chúng nó quá chừng, đành thôi vì trời còn tối lắm.

Cũng may, chúng tôi gặp xe ngựa ngay khi xuống chân dốc. Người đánh xe lấy tiền phải chăng nên chúng tôi đều lên xe. Móng ngựa nện xuống mặt đường lóc cóc. Xẩm tối chúng tôi đã

có mặt ở Rịa.

Rẽ vào nghỉ ở nhà bác Bội. Xưởng mộc của bác ở đường Hoa Sói cũng đã dọn về đây rồi. Tôi gặp lại ông ngoại. Ông cháu mừng tủi ôm chầm lấy nhau.

- Ôi thằng cháu tôi khỏe lắm rồi. Khá... khá lắm. Cháu đi vững được như thế này là khá lắm!

Nghỉ ở nhà bác Bội một đêm, Sáng hôm sau chúng tôi đi chơi chợ Rịa để đến chiều ra bến đi xuôi Phủ Lý. Ông ngoại cõng tôi ra bến sông. Thuyền bè đậu san sát. Sau mấy ngày nắng ráo, chiều ấy bỗng nổi cơn giông, mây đen kéo về bao kín bầu trời. Trước khi xuống thuyền ông ngoại đưa cho chồng chị Vui đơn thuốc kê để tôi tiếp về tiếp tục uống cho khoẻ khoắn. Rồi ông bảo tôi xoè hai bàn tay ra. Ông ngoại nhổ vào lòng mỗi bàn tay tôi một ít nước bọt.

Tôi nắm hai bàn tay lại để giữ chút nước miếng ông ngoại nhổ làm khước. Nhìn tôi hồi lâu, ông khẽ lắc đầu nói nhỏ, như để cho chính mình nghe thôi.

- Không biết ông có còn được gặp lại cháu lần nào nữa không...

Tôi ngược mắt nhìn ông trong giây phút, cảm nhận mọi tình cảm sâu lắng mà ông ngoại vẫn hằng dành riêng cho mình, khẽ hỏi:

- Ông ơi, sao ông lại khóc?

Ông ngoại quay sang phía anh chị Vui để tránh trả lời câu hỏi của tôi, nói:

- Thằng Vững sau này là đứa khá nhất trong mấy thằng con nhà mẹ Thành. Anh chị đưa em về, nếu có điều kiện cố thêm thuốc thang cho nó.

Đã có những hạt mưa lộp độp rơi. Ông cháu tôi vội chia tay nhau.

Anh Thành đã xuống dưới thuyền từ lâu, cuống quýt gọi:

- Mau chân lên kéo mưa ướm hết bây giờ, chị Vui ơi.

Xuống thuyền, tôi ngược nhìn lên bến thấy ông ngoại vẫn còn đứng ở hiên ngôi nhà hàng nước. Dáng người ông nhỏ nhắn, áo quần màu gụ cùng với chiếc khăn nhiễu tím chít thành nhiều nếp trên đầu, ông giơ tay vẫy xuống. Tôi bèn giơ tay vẫy lên gọi:

- Ông ngoại ơi! Ông về đi kéo trời mưa to sẽ bị ướm mất.

Khi vợ chồng người lái đò chống sào đẩy con thuyền rời bến là lúc trời ập mưa như trút nước.

Không hiểu sao tôi bỗng nhớ cái Hằng, thằng Quý và thằng Xẩm Quyền đến thế. Chắc bọn nó sáng hôm qua đã đến nhà tôi để chia tay. Không gặp tôi chúng nó có giận không?

Tôi ngơ ngác ngoái nhìn lại phía sau. Chẳng thấy gì ngoài cảnh trời mưa xối xả. Chợt hiện ra trước mắt tôi hình ảnh phố Dốc Trầu với những vạt rừng rậm rịt căng cùng với cái Hằng và thằng Quý đang đứng đợi mắt nhìn theo. Hình như chúng nó nòm thấy tôi rồi thì phải nên thằng Quý khoắc hai tay tít vào khoảng không miêng thì ứ ớ, còn cái Hằng cầm khăn mùi xoa trắng tinh vẩy vẩy...

LỜI CUỐI SÁCH

Hơn mười năm sau...

Ngay chính tôi cũng không thể nhớ là mình đã vượt qua được bao nhiêu khó khăn, ngang trở của cuộc sống đời thường đối với kẻ tật nguyên trong học tập, thi cử và công tác.

Tháng 8 năm 1965 tôi sung sướng nhận tấm bằng tốt nghiệp kỹ thuật viên xét nghiệm đạt loại khá tại trường Đại học Y khoa Hà Nội. Và tôi đi vào cuộc sống tự lập của một người có công ăn việc làm như những người bình thường. Cái khát vọng tuổi thơ năm nào đã dần dần thành hiện thực. Tôi chợt nhớ các bạn tật nguyên thuở nhỏ. Chẳng biết Hằng điếc, Quý câm giờ như thế nào? Hẳn cuộc sống cũng sẽ tốt lành đến với họ? Còn Xẩm Quyền?

Tôi vẫn cứ đinh ninh là ngày đó Xẩm Quyền không chết. Một đứa trẻ ăn xin mà sớm có sự nhận biết cuộc sống như vậy thì làm sao mà chết được, phải không? Tôi tin là Xẩm Quyền sẽ vượt qua mọi khổ đau giành lấy cho mình một chỗ đứng trong cuộc đời.

Ngày ấy...

Vậy mà mười mấy năm trôi qua. Chiến tranh chống Mỹ không vậy mà đã mười mấy năm trải qua. Chiến tranh chống Mỹ kéo tôi trở lại nơi tuổi thơ với bao kỷ niệm vui buồn đắng cay trong một chuyến đi công tác vào bệnh viện giao thông ở tuyến lửa.

Gạt cần số, dẫn ga cho xe tăng tốc bỏ con dốc trước mặt, cậu lái xe nói với tôi:

- Này ông! Dốc Trầu đấy...

- Ồ... Dốc Trầu hả?

Tôi sửng sốt, buột miệng hỏi lại, vội ngó đầu qua cửa ca bin nhìn cảnh vật bên đường. Hình như... con đường này mới được tu bổ lại để phục vụ quốc phòng thì phải. Dốc Trầu bị bạt đi khá nhiều. Giờ nó thoai thoải chứ không nhô sừng trâu như trước đây.

- Đổ lại! Cho xe dừng lại đi, ông bạn. Tớ muốn xuống đây một tí. - Tôi nói với người lái xe. Rồi mở cửa ca bin nhảy đại xuống đường.

Anh ta tò mò ngó theo tôi, miệng lẩm bẩm:

- Chắc bố này bị “Tào Tháo” đuổi đây nên mới phải cuống quýt thế?

Tôi tập tễnh bước vòng lên vòng xuống mấy lần ngó nghiêng tìm kiếm những dấu tích “phố” Dốc Trầu năm xưa. Chẳng còn gì ngoài vạt rừng vầu nay đã lan kín xuống mép đường. Tôi lắc đầu tần ngần đứng nhìn cây cỏ. Mà hình như cỏ cây bây giờ cũng đến lạ. Bất giác tôi mỉm cười. Rõ thật vớ vẩn! Đã mười mấy năm trôi qua rồi còn gì. Nhớ lại hồi nào, trong buổi học cuối cùng ở giữa vạt rừng vầu kia mấy đứa trẻ tật nguyên chúng tôi từng nói với nhau là không biết đến bao giờ mới có dịp quay trở lại nơi đây. Hòa bình rồi, mỗi đứa hồi cư về quê hương của mình. Cuộc sống yên hàn trong học tập và lao động mở ra trước mặt. Cuộc sống... Chao ôi!

Tôi quên sao được ngày ấy, mấy đứa trẻ tật nguyên rủ nhau lên đồi trấu kia kìa, ngồi chuyện trò và mong đợi với nỗi khát vọng cháy lòng trong tôi, thôi thúc tôi vươn tới...

Tiếng cậu lái xe làm tôi giật mình:

- Ô hay! Ông đứng ngây ra thế là nghĩa làm sao? Không đi vệ sinh thì trở lại xe đi chứ...

Tôi bừng tỉnh, vội rảo bước trở lại. Vào ngồi cạnh cậu lái xe, tôi nói:

- Ông bạn, thông cảm cho! Chả là hồi kháng chiến chống Pháp gia đình tớ chạy tản cư vào đây sinh sống. Ngày đó Dốc Trầu có một dãy phố chạy dài.

Cậu lái xe nheo mắt cười:

- Ông mà cũng lãng mạn như nhà văn. Vào tới Trường Sơn á, ông sẽ gặp nhiều cảnh vật và

con người dễ làm cho ta xúc động lắm. Nhưng tôi nói thật nhé. Chiến tranh sẽ không cho ông dư dật thời gian để mà mộng tưởng đâu...

Tôi lắc đầu rồi ngã vào đệm xe. Rõ ràng cậu lái xe này chẳng để ý tới tâm trạng tôi lúc này. Tôi cũng không nói lại với anh ta làm gì. Tôi nhắm mắt như người buồn ngủ để được sống lại với tuổi thơ trong khoảnh khắc trên đường ra trận...

Viết xong tại Nghĩa Đô - Hà Nội
Tháng 7-1991
Vũ Đức Nguyên

Hết

[1] Bán thân bất toại: Bại liệt nửa người.
[2] Sún đá: một loại địa y mọc ở vách đá vôi, mùa hanh khô teo đi, gặp mưa rào tháng ba nở như mộc nhĩ.
[3] Luận: Môn tập làm văn.
[4] Nay thuộc Hà Tây.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>